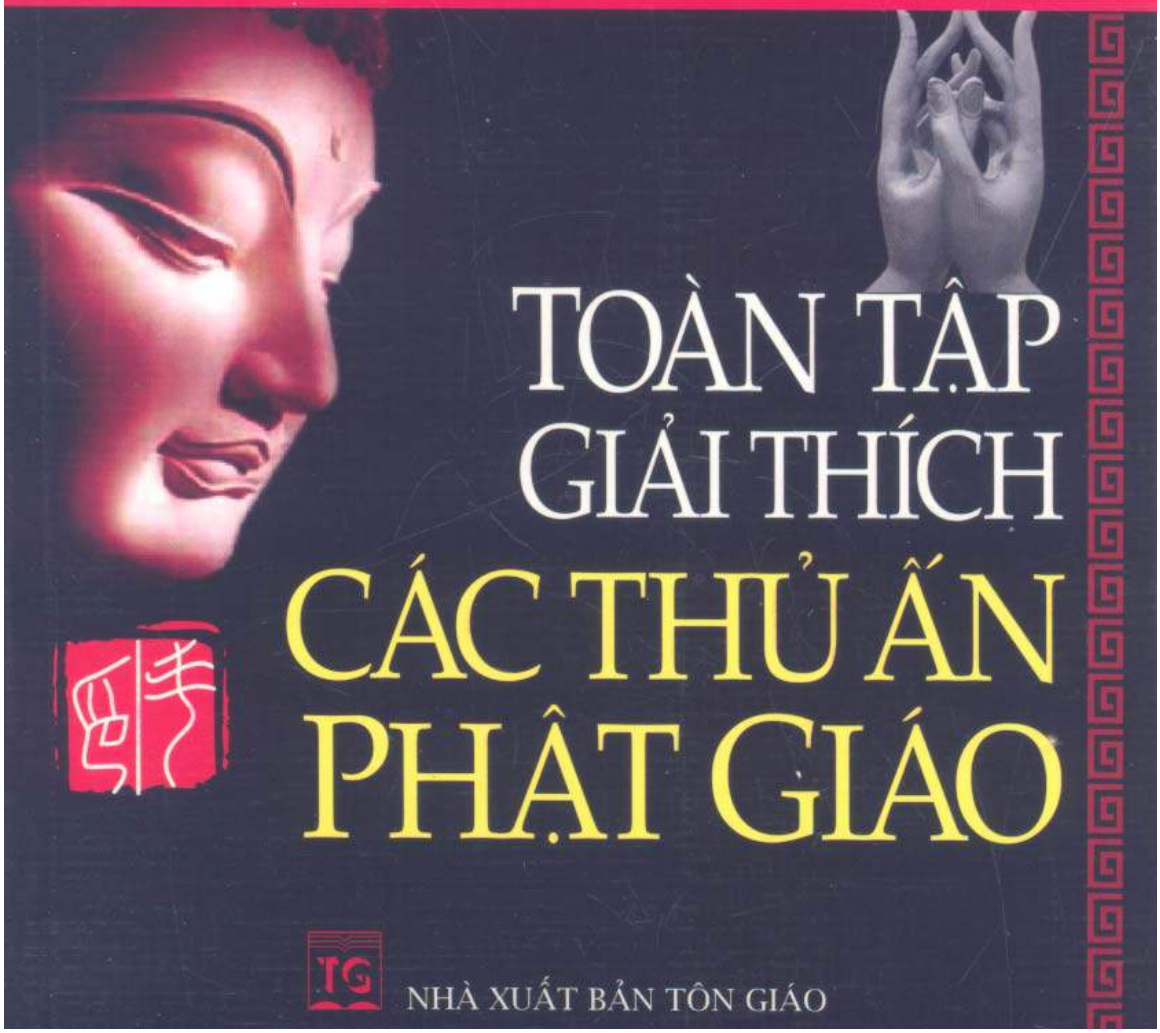
TỦ SÁCH BÁCH KHOA

PHẬT GIÁO

NGUYÊN TUỆ CHÂN
Biên dịch



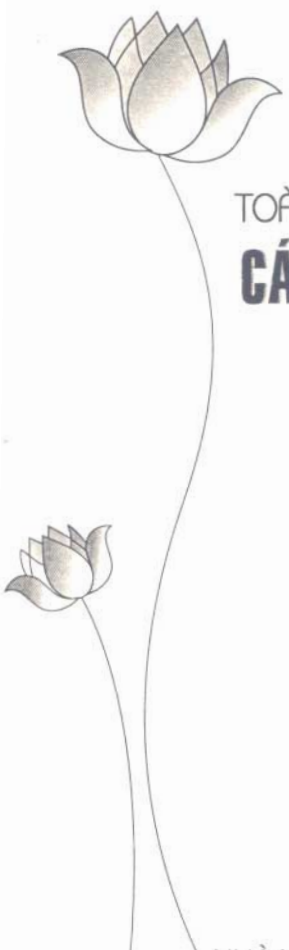
TOÀN TẬP GIẢI THÍCH CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH

CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO



TOÀN TẬP GIẢI THÍCH

CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

BIÊN DỊCH
NGUYỄN TUỆ CHÂN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TOÀN TẬP GIẢI THÍCH CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

Nguyễn Tuệ Chân *biên dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Nhà số 4, lô 11, Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT : 04. 5566701 - 5566719 - Fax : 04. 5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản : **HÀ NGỌC THỌ**
Biên tập : **Trần Xuân Lý**
Trình bày : **Thanh Lan**
Vẽ bìa : **Hs. Quốc Ân**
Sửa bản in : **Trịnh Hòa**

CÔNG TY CP VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG
40-42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT 8.242157 - 8.233022 - Fax : 84.8 235079

In 1000 cuốn khổ 14.5x20.5cm tại Cty Cổ phần Văn hóa Văn Lang
Số đăng ký KHXB 343-2008/CXB/334-140/TG ngày 22.04.2008.
QĐXB số: 410/QĐ-TG ngày 05.06.2008.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2008.



LỜI ĐẦU SÁCH

Trong nghệ thuật tạo tượng của đức Phật và Bồ Tát, ngoại trừ tượng toàn thân ra, hấp dẫn nhất chắc chắn là những thế "bất ấn" bằng bàn tay với nhiều kiểu dạng biến hoá. Những thế "bất ấn" tay (gọi tắt là "thủ ấn") có mối liên hệ sâu sắc giữa hình dạng bên ngoài với tâm niệm nội tại của Phật, Bồ Tát. Từ đó cấu tạo nên tư thế hoàn chỉnh của tượng Phật.

Các tượng Phật mang hàm ý khác nhau nên đương nhiên xuất hiện nhiều thế "bất ấn" khác nhau. Vì vậy "ấn tay" (thủ ấn) là một loại biểu lộ trạng thái và ngôn ngữ khác của Phật, Bồ Tát.

Thủ ấn (tên chữ Phạn là mudrā, tên chữ Tây Tạng là Phyag-rgya) hay còn có những tên gọi khác như Ấn khế ngày nay thường dùng để chỉ các tư thế kết lại giữa các ngón tay của hai tay khi tu luyện Mật giáo. Trong Mật giáo, "thủ ấn" để chỉ các bậc chư tôn Mạn Đà La và để biểu thị tam muội nội chứng tự thân của các vị ấy, hoặc để ấn chứng bản thệ của chư vị, tương ứng thâm nhập vào Tam muội chư tôn là Thân, Ý và Ngữ. Nhân đó, chư vị dùng các ngón tay kết thành "Mật ấn". Trong Tam mật, thủ ấn thuộc về Thân mật.

Trong kinh điển Mật giáo, chư tôn ở các tập hội Mạn Đà La khác nhau, nhân duyên giáo pháp khác nhau, cùng kết

thành các loại "Thủ ấn" để giáo hoá chúng sinh. Tổng quát nguyên lý của Thủ ấn được gọi là "Ấn mẫu". Trong quyển thứ 13 "Đại Nhật kinh sớ", từng giải thích về tính tổng quát về các "Ấn mẫu" này, bao quát 12 loại "hợp chưởng" (chắp tay) và 4 loại "quyền" (nắm tay).

Trong phương pháp tu Mật giáo, kẻ phàm phu do "ba nghiệp" Thân, Ngữ, Ý hợp thành, còn Thân, Ý, Ngữ của chư tôn đã vào cõi "Tam Mật". Kẻ phàm phu tuy chưa dứt hết phiền não nhưng nếu có thể nắm giữ giới trì được "Thủ ấn" (hay "Mật ấn") của chư tôn, gắng tụng niệm những câu chú của chư tôn, quán tưởng chư tôn rất có thể sẽ nhận được gia trì tam mật của chư tôn để tương ứng với chư tôn.

Cuốn sách nhỏ này giới thiệu một cách hệ thống các Thủ ấn quan trọng của chư tôn và các Thủ ấn áp dụng tu hành Phật pháp. Chúng tôi cố gắng thuyết minh rõ về phương pháp kết ấn với các câu "Chân ngôn", "Mật chú" phối hợp tương ứng để mong độc giả – phần nào đó – hiểu được bí mật có liên quan đến Thủ ấn Phật giáo.

Vì là sách đầu tiên viết về đề tài của Mật tông Phật giáo, bản thân đòi hỏi phải có thực chứng cao nên chắc sách không tránh khỏi sai sót, lầm lẫn, mong được chư tôn đại xá.

Các thuật ngữ Phật giáo thường dùng trong sách, được gom lại giải thích trong phần "Phụ lục" in ở cuối sách để độc giả tiện tham khảo.

Thiên thứ nhất

Tổng luận

Ý NGHĨA CỦA THỦ ẤN

Thủ ấn (tiếng Phạn là mudrã, tiếng Tây Tạng là phyag-rgya) hay còn gọi là Ấn khế, hiện nay thường dùng để chỉ các loại tư thế kết hợp giữa các ngón của hai tay hành giả khi tu pháp của Mật giáo. Dịch âm là Mẫu Đà La, Mộ Nại La, Mẫu Nại La hoặc gọi là Ấn tướng, Khế ấn, Mật ấn hoặc đơn giản gọi là "Ấn".

Thế ấn của Phật, Bồ Tát cũng như chư tôn, tượng trưng đặc thù về nguyện lực và nhân duyên của các ngài, do đó nếu chúng ta cùng kết thủ ấn tương đồng sẽ sản sinh sức mạnh của thân thể và sức mạnh của ý niệm đặc thù, tương ứng với trạng thái thân tâm của sức mạnh quả vị mà Phật, Bồ Tát cũng như chư tôn chứng đắc.

Trong Mật giáo, thủ ấn là chỉ chư tôn trong hội Mạn Đà La dùng để biểu lộ cảnh giới tam muội mà mình chứng đắc hoặc là người tu hành dùng các ngón tay kết thành Mật ấn để biểu đạt sự tương đồng với thệ nguyện của chư tôn. Thuộc về thân mật trong thân, ngữ, ý tam mật của chư tôn.

Tam Mật (tên tiếng Phạn là frini gãhyàni), là bí mật của tam nghiệp, tức là thân mật (Phạn danh Kâyaguhya), khẩu mật (Phạn danh vàg-guhya) hoặc còn gọi là ngữ mật, ý mật (Phạn danh mano-guhya) hoặc còn gọi là tâm mật, chủ yếu đến từ giáo thuyết của Mật giáo.

Do Tam Mật của đức Phật có tác dụng vô cùng vi tế thâm sâu, không thể nghĩ bàn được, ngay cả thập địa Bồ Tát cũng không thể hoàn toàn hiểu trì, nên gọi là Tam Mật, nếu tương ứng với Tam nghiệp của chúng sinh, có thể sinh khởi đại dụng bất khả tư nghì.

Tam nghiệp của chúng sinh, mặc dù là tạp nhiễm nhưng lại có thể kết hợp với Tam mật của Phật và hàm nhiếp ở trong đó, tự tâm bản tính của chúng sinh đồng với Tam mật của Phật, tức là thực tướng Tam nghiệp của chúng sinh đều là tác dụng của Phật pháp, cùng với Tam mật của Phật bình đẳng không hai, nên cũng được gọi là Tam mật.

Trong Tam mật của chúng sinh, hành giả dùng tay làm ấn khế chư tôn, đến cả đứng, đi, nằm, ngồi... hết thảy các việc đó gọi là Thân Mật; miệng niệm chân ngôn, đến hết thảy lời nói của khẩu nghiệp đều được gọi là Ngữ mật; trong tâm quán tưởng chư tôn, đến những niệm khởi lên theo nhân duyên gọi là Ý mật.

Nghĩa rộng của Thân mật không chỉ là Thủ ấn, bất kỳ tư thế nào của cơ thể đều thuộc về phạm vi của Thân mật. Tay của loài người rất khéo léo, có thể làm ra các loại tư thế, nhưng đều được kiến lập trên sự nhiễm tạp của vô minh, động lực của các tạo tác đều do từ Tham, Sân, Si, Mạn (kiêu mạn), Nghi (hoài nghi). Ví dụ, do giận dữ mà giơ nắm đấm đánh người, thậm chí phát triển thành một bộ quyền pháp hoặc cầm vũ khí công kích người khác... đều chịu sự sai khiến của vô minh mà tạo ra nhiễm nghiệp. Từ nghĩa rộng, tất cả các động tác của thân thể con người đều là phạm vi của Thân nghiệp, được khởi từ nhiễm tạp, không giống như Thân Mật thanh tịnh của Phật, Bồ Tát.

Tam Mật có thể chia thành 2 loại là Hữu tướng, Vô tướng: Tam mật hữu tướng là sự dung hợp nhau giữa Phật và chúng sinh, vào trong cảnh giới Du già, hành giả thân kết ấn tức thân mật, miệng niệm chân ngôn tức ngữ mật, ý quán tưởng bản tôn tức ý mật, gọi là Hữu tướng Tam mật. Vô tướng Tam mật là toàn bộ hành vi của thân thể, lời nói, tư duy trong tự tâm của hành giả, do vậy đều là Tam mật.

Quyển thứ 6 "Đại Nhật kinh" "Bản Tôn Tam Muội phẩm" viết, Ấn khế có thể chia làm hai loại là Hữu hình và Vô hình. Quyển thứ 12 "Đại Nhật kinh sớ" giải thích : "Ấn hình cũng có hai loại, là hữu hình và vô hình. Hình tức là các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng... các hình dạng vuông, tròn, tam giác... các loại tướng co, duỗi, ngồi đứng và nơi đi đến. Ấn tức là sở chấp ấn tức đao, luân, dây lụa, gậy kim cương.... trước tiên nên quán tưởng các tranh vẽ, hình tượng của chư tôn. Quán tưởng như vậy thì gọi là hữu hình, sau dần thuần thuộc, thêm nữa do sức gia trì mà hiện ra một cách tự nhiên, tương ứng với tâm. Lúc này hình ảnh chư tôn tùy tâm mà hiện, không cần đến ngoại duyên (tức là không cần nhờ đến tác động bên ngoài), nên gọi là vô hình.

Còn Tam Mật hữu tướng là tam mật của Phật, Bồ Tát và chư tôn gia trì tam nghiệp của hành giả nên còn gọi là Tam Mật gia trì, Vô tướng tam mật, là Tam Mật của Phật tương ứng dung hợp với Tam mật của hành giả, nên gọi là Tam mật tương ứng.

Mật tông dựa vào tác dụng rộng lớn của Tam mật gia trì, Tam mật tương ứng, chúng ta có thể chuyển thân phàm phu thành thân Phật do nguyên cớ này, chúng ta nên nghiên cứu ý nghĩa sâu xa cũng như hành tướng của Thân, Ngữ, Ý Tam mật để làm tiền đề cho việc tu tập Tam mật.

Các hình vẽ, hình tượng của Phật, Bồ Tát, chư tôn bình thường chúng ta thường thấy, phần lớn được định danh hiệu từ các vật nắm trong tay hoặc thủ ấn của các ngài.

Kỳ thật, bất luận A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, Bất Động Phật hoặc Dược Sư Phật, các thủ ấn được kết trong quá trình các ngài còn trụ thế đều tương đồng nhau. Cho nên những thủ ấn hoặc vật cầm trong tay để phán định danh hiệu cũng không phải là phương pháp phân biệt tuyệt đối. Nhưng nếu chúng ta xem riêng từng pho tượng một thì thủ ấn vẫn là biểu tượng có thể biết được nguyện lực; nhân duyên đặc biệt cũng như hoàn cảnh giác ngộ đặc biệt, thậm chí là tình trạng đặc biệt khi thành đạo, thuyết pháp của các ngài.

Ví dụ như thuyết pháp ấn và tiếp dẫn ấn của A Di Đà Phật phần lớn mọi người đều biết được nhưng kỳ thật thủ ấn này cũng từng xuất hiện ở Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ vì hiện nay chúng ta đã đặc thù hóa các thủ ấn. Do thuyết pháp ấn và tiếp dẫn ấn A Di Đà Phật đặc biệt thường dùng, nên dùng thủ ấn để phân biệt. Thêm vào đó là cửu phẩm cửu sinh ấn, đó là khi A Di Đà Phật tiếp dẫn người cửu phẩm cửu sinh, thị hiện ra cảnh giác đặc hữu, hiện theo cảnh giới của người sẽ vãng sinh để tiếp dẫn họ. Nhưng chín thủ ấn này vốn không nhất định phải như thế, đó chỉ do đặc thù hóa trong Mật giáo. Phật A Di Đà cũng có thể do tương ứng với nhân duyên khi tiếp dẫn chúng sinh được thượng phẩm thượng sinh, thị hiện Pháp giới định ấn, an trụ ở viên mãn pháp tánh.

Nếu hiểu được nhân duyên này, chúng ta càng có thể nhận thức thủ ấn được chính xác.

Vào thời xưa, khi hành giả tu pháp kết thủ ấn, có những việc cần phải lưu ý sau. Ở quyển 13 "Đại Nhật kinh sớ" dẫn thuật cách nói của ngài Thiện Vô Úy Tam Tạng: "Tây phương rất xem trọng bí ấn pháp, khi kết ấn cũng rất cung kính. Phải ở trong tôn thất nơi thanh tịnh sạch sẽ, phải tắm rửa thân thể cẩn thận, nếu những người không thể tắm toàn thân cũng nên rửa sạch tay, súc miệng, lấy phấn thơm thoa tay... sau đó mới được kết ấn. Và khi thực hiện thì phải giữ uy nghi, ngồi xếp bằng tròn... Nếu không làm thế sẽ đắc tội, thiện pháp

không được thành tựu nhanh". Đại ý là nói khi kết thủ ấn phải lựa chọn tịnh thất có hoàn cảnh sạch sẽ, tắm rửa thân thể trong sạch, nghi dung đoan chính, phải ngồi xếp bằng mới có thể kết ấn. Nếu không thể tắm rửa, tối thiểu cũng phải rửa sạch tay, súc miệng, dùng phấn thơm thoa tay, để bày tỏ ý thận trọng và cung kính. Ngoài ra, trong bộ "Thanh Long tự nghi quĩ" cũng viết: "Khi kết ấn đồng thời với cầu nguyện sự che chở của chư Phật, dễ dàng đắc quả Tất địa".

Ngoài ra, trong kinh cũng viết, khi kết thế ấn không nên ở nơi hiển lộ, như trong quyển 1 của bộ "Đà La Ni tập kinh" nói: "Người làm phép ấn chú ở nơi bộc lộ là tạo phương tiện cho ác quỉ thần quấy phá. Lại viết, nếu kết ấn ở trước tượng chư tôn, phải lấy cà sa hoặc khăn sạch phủ che. Cho nên Đông Mật của Nhật Bản thường kết ấn dưới cà sa hoặc trong tay áo nhưng Đài Mật (Mật tông Đài Loan) thì không làm thế.

TÊN GỌI RIÊNG CỦA MƯỜI NGÓN TAY

Trong Mật giáo có tên gọi đặc thù đối với hai tay cũng như 10 ngón tay kiết ấn, thường gọi hai tay là nhị vũ, nhật nguyệt chưởng, nhị chưởng; gọi mười ngón tay là Thập độ (Thập Ba La Mật), Thập luân, Thập liên, Thập pháp giới, Thập chân như, Thập phong. Lại đem hai tay phối với Kim Cang giới và Thai Tạng giới, hoặc phối với Định và Huệ, Lý và Trí ..., như liệt kê ở bảng sau:

Còn dùng năm ngón tay phối hợp với Ngũ uẩn, Ngũ Phật đỉnh, Ngũ căn, Ngũ tự, Ngũ đại...; mười ngón tay phối với Thập độ, như liệt kê trong bảng ở trang sau.

Trong đó, dùng Ngũ tự để đại biểu cho kinh quỹ có: "Nhiếp đại quỹ", "Liên hoa bộ tâm quỹ".

TAY PHẢI	Nhật	Quán	Huệ	Trí	Trí	Thất	Hiến	Ngoại	Bát Nhã	Bí niệm	Kim Cang giới
TAY TRÁI	Nguyệt	Chi	Định	Phúc	Lý	Quyền	Tùng	Nội	Tam muội	Tứ niệm	Thai tạng giới

Dùng Ngũ đại để đại biểu cho ngón tay có: "Thai tạng Phạn tự thứ đệ", "Thai tạng bị tại thứ đệ", "Đại Nhật kinh", "Đại Nhật kinh sớ", "Thai tạng tứ bộ quỹ", "Tô tất địa kinh", "Tôn thắng quỹ", "Hồng già Đà dã quỹ" do ngài Thiện Vô Úy dịch.

Dùng Ngũ căn để đại biểu xuất phát từ "A Chứng quỹ", dùng Ngũ uẩn để đại biểu xuất phát từ bộ "Tỳ Sa Môn thiên vương quỹ" do Kim Cang Trí dịch. Dùng Ngũ Phật đỉnh để đại biểu xuất phát từ "Nhất tự đỉnh luân vương quỹ", "Kỳ đặc Phật đỉnh quỹ", "Dược Sư tiêu tai quỹ" do ngài Bất Không dịch.

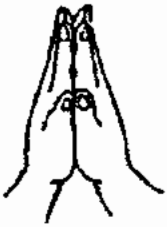
TAY PHẢI	Ngón cái	Thức	Luân	Huệ	Trí	Thiền	Khiêm (kham)	Khư (khư)	Không
	Ngón trỏ	Hành	Cái	Định	Lực	Tiến	Hống (hành)	Ha (ha)	Phong
	Ngón giữa	Tưởng	Quang	Niệm	Nguyện	Nhẫn	La (ra)	La (ra)	Hỏa
	Ngón vô danh	Thọ	Cảo	Tiến	Phương	Giới	Vi (vi)	Ngật (va)	Thủy
	Ngón út	Sắc	Thắng	Tín	Huệ	Đàn	A (a)	A (a)	Địa
		Ngũ uẩn	Ngũ Phật đỉnh	Ngũ căn	Thập độ	Thập độ	Ngũ tử	Ngũ đại	Ngũ đại
	Ngón út	Sắc	Thắng	Tín	Đàn	Huệ	A (a)	A (a)	Địa
TAY TRÁI	Ngón vô danh	Thọ	Cảo	Tiến	Giới	Phương	Vi (vi)	Ngật (va)	Thủy
	Ngón giữa	Tưởng	Quang	Niệm	Nhẫn	Nguyện	La (ra)	La (ra)	Hỏa
	Ngón trỏ	Hành	Cái	Định	Tiến	Lực	Hống (Hành)	Ha (ha)	Phong
	Ngón cái	Thức	Luân	Huệ	Thiền	Trí	Khiêm (Kham)	Khư (khư)	Không

THỦ ẤN CƠ BẢN CỦA MẬT GIÁO

Thủ ấn của Mật giáo rất nhiều, thông thường dùng Thập nhị hợp chưởng và Tứ chủng quyền làm Ấn cơ bản. Thập nhị hợp chưởng, Tứ chủng quyền như sau:

Thập Nhị hợp chưởng (Mười hai thế chắp tay)

1. KIÊN THẬT HỢP CHƯỞNG (Nắm chặt hai bàn tay), chữ Phạn là Ninh Vĩ Na (Nivida): hợp hai bàn tay lại, lòng bàn tay ép chặt, mười ngón tay hơi rời.
2. HƯ TÂM HỢP CHƯỞNG (nắm khum hai tay), chữ Phạn là Tam Bổ Tra (Samputa): mười ngón tay đặt bằng, đầu ngón tay hợp chặt, lòng bàn tay hơi mở.
3. VỊ PHU LIÊN HỢP CHƯỞNG (chữ Phạn là Khuất Mãn La (Kudmala): giống như thế thứ hai, phía trong rỗng, hơi cong lại (như hoa sen chưa nở).
4. SƠ CÁT LIÊN HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Bộc Na (Bhagna): Hai ngón cái và hai ngón trỏ khép lại, còn sáu ngón kia mở ra, tức là Bát diệp ấn (tư thế giống tám cánh sen sắp nở).
5. HIỂN LỘ HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Ôn Đa Na Nhạ (uttànaja): ngửa hai bàn tay lên, đặt sát nhau.
6. TRÌ THỦY HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là A Đà La (àdhàra): Đặt hai lòng bàn tay sát nhau, ngửa ra, đầu các ngón tay tiếp xúc nhau, hơi khép cong lại, như đang vốc nước, giống ẩm thục ấn vậy.
7. QUY MỆNH HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Bát La Na Na (pranàma): Hai bàn tay hợp lại, mười ngón tay đan xen, trái qua phải, phải qua trái, giống Kim Cang hợp chưởng.
8. PHẢN XOA HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Vi Bát Lý Đa (viparīta): lưng bàn tay phải đặt vào lưng bàn tay trái,



Kiên thực hợp chưởng
(chắp sát tay).



Hư tâm hợp chưởng
(chắp khép để rỗng giữa).



Vị phu liên hợp chưởng
(chắp tay thế hoa sen chưa nở).



Sơ cát liên hợp chưởng
(chắp thế sen mới nở)



Hiển lộ hợp chưởng
(chắp mở ra)



Trì thuỷ hợp chưởng
(chắp thế giữ nước)



Quy mệnh hợp chưởng
(chắp quay về mệnh)



Phản xoa hợp chưởng
(chắp thế ngược)



Phản bối hỗ tương trước hợp chưởng
(chắp đâu lưng)



Trú chỉ hợp chưởng
(chắp chạm ngón trỏ)



Phúc thủ hướng hạ hợp chưởng
(chắp ngược hướng xuống)



Phúc thủ hợp chưởng
(chắp úp tay)

mười ngón tay đan xen lại, cũng lấy ngón tay phải đan vào ngón tay trái.

9. PHẢN BỐI HỔ TƯƠNG TRƯỚC HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Tì Bát Duệ Tát Đa (Viparyasta): Ngửa bàn tay phải đặt lên bàn tay trái, ngửa bàn tay trái đặt dưới bàn tay phải, gần giống như định ấn.
10. HOÀNH TRỤ CHI HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là Đế Lí Duệ (Tiryak): hai bàn tay đặt thẳng đứng ngửa ra, hai đầu ngón giữa tiếp xúc nhau.
11. PHÚC THỦ HƯỚNG HẠ HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là A Đạt La (Adahara): hai bàn tay úp lại vào nhau, cũng lấy hai ngón giữa tiếp xúc nhau.
12. PHÚC THỦ HỢP CHƯỞNG, chữ Phạn là A Đạt La (Adhara): giống thủ ấn thứ 11, hai tay úp sát nhau, hai đầu ngón cái đặt sát nhau, mười đầu ngón tay hướng ra ngoài.

Tứ chủng quyền (bốn loại nắm tay)

Gọi Tứ Chủng quyền là chỉ Liên Hoa quyền, Kim Cang quyền, Ngoại Phược quyền, Nội Phược quyền.

I. Liên hoa quyền

Còn được gọi là Thai quyền. Là loại ấn mẫu thường được dùng của Thai Tạng bộ. Hình dạng của ấn như sau: nắm bốn ngón từ ngón trỏ trở xuống lại, ngón cái dùng đầu ngón đè vào bên cạnh của đốt giữa ngón trỏ. Giống như quyền thứ 13 của "Đại Nhật kinh sớ" viết: "Như cách nắm quyền (nắm đấm) bình thường nhưng ngón cái dựng đứng". Còn về ý nghĩa đại biểu của Liên Hoa quyền, phần lớn dùng để chỉ hoa sen chưa nở (búp sen).

II. Kim cang quyền

Kim Cang quyền, chủ yếu được dùng cho Kim Cang đỉnh bộ, Yết Ma ấn trong "Kim Cang đỉnh kinh" nói đến, đều dựa trên

cơ bản của Kim Cang quyền này. "Đại Nhật kinh sớ" đã mô tả nói về hình dạng của ấn này như sau: "Nắm các ngón tay ở lòng bàn tay thành ra quyền", "Kim Luân Thời xứ quỹ" lại viết: "Dùng ngón giữa, ngón vô danh, ngón út nắm lấy ngón cái, lấy ngón trỏ đặt trên lưng của ngón cái". Mặc dù do lưu phái khác nhau, phương pháp kiết Kim Cang quyền có khác, nhưng phần lớn theo cách mô tả trong "Kim Luân Thời xứ quỹ" làm chuẩn.

"Kim Cang đỉnh kinh" nói về Kim Cang quyền này: "Nhất thiết Như Lai thân, ngữ, tâm Kim Cang phược trí ấn". Ngài Bất Không trong "Bát Nhã Lý Thú thích" lại viết: "Thân, khẩu, ý Kim Cang hợp thành danh vi quyền". Hai kinh này đều cho rằng Kim Cang quyền là biểu thị sự tổng trì về hoạt động của Thân, Khẩu, Ý Tam Mật của hết thảy Như Lai.

III. Ngoại phược quyền

Trong quyển thứ 13 bộ "Đại Nhật kinh sớ", gọi quyền này là "Chỉ tại ngoại quyền", nhưng phần lớn thì gọi là Ngoại Phục. Hình dạng của ấn đan xen hai tay thành quyền, mười ngón tay nằm bên ngoài. "Kim Cang đỉnh kinh" gọi đó là Kim Cang phược, và cho Kim Cang phược này là "Nhị thủ như nguyệt hình" (hai tay như hình Mặt Trăng), đó là do hình tròn của bàn tay như hình vành trăng của Ngoại Phược quyền. Ấn Tam muội gia trong "Kim Cang đỉnh kinh" đều lấy Ngoại Phược quyền này làm ấn mẫu. Theo ghi chép của bộ "Kim Cang đỉnh kinh lược xuất niệm tụng kinh", khi quán tưởng ra khỏi sự trói buộc của nguyệt luân tu bồ đề tâm quán, phải kết Ngoại Phược ấn.

IV. Nội phược quyền

"Đại Nhật kinh sớ" gọi quyền này là đệ nhị quyền. Về hình tướng của ấn, mười ngón tay đan xen, mười ngón tay đều nằm trong lòng bàn tay.

Bốn loại quyền Liên Hoa quyền, Kim Cang quyền, Ngoại Phược quyền, Nội Phược quyền, nếu thêm vào Phẫn Nộ quyền, Như Lai quyền sẽ thành sáu loại quyền. Gọi là Phẫn Nộ quyền, tức dùng ngón vô danh, ngón giữa nắm lấy ngón cái, còn ngón trỏ và ngón út dựng thẳng, hơi cong lại như răng. Gọi là Như Lai quyền, là tay trái bắt Liên Hoa quyền, tay phải bắt Kim Cang quyền và dùng Kim Cang quyền của tay phải nắm lấy ngón tay cái của tay trái.



Lên hoa quyền
(thai quyền - nắm hình hoa sen)



Kim cang quyền
(nắm kim cang)



Ngoại phược quyền
(nắm buộc ngoài)



Nội phược quyền
(nắm buộc trong)

CÁC THỦ ẤN THƯỜNG GẶP

Sau khi các hình tượng trong Phật giáo được bắt đầu xây dựng, người ta thường dùng ấn tướng để biểu thị ý nghĩa của giáo nghĩa. Theo sự thay đổi của thời đại, sự giải thích về giáo nghĩa càng ngày càng phức tạp, cách tạo tượng của các tượng Phật cũng không ngừng thay đổi, sản sinh ra các ấn tướng khác nhau, thường gặp có:

THI VÔ ÚY ẤN: Khủyu tay phải cong lại hướng về phía trước, năm ngón tay duỗi thẳng, lòng bàn tay hướng về trước, có nghĩa là ban cho chúng sinh sự không sợ hãi (Vô bố úy), đó là đức Phật vì cứu tế chúng sinh, khiến họ có được sự an tâm, ban cho tướng ấn này. Ấn tướng này cùng với ấn tướng khi thuyết pháp thường rất được dùng, như trong kinh luận nói về giơ tay thuyết pháp, chính là ấn tướng này.

DƯ NGUYỆN ẤN: Duỗi thẳng bàn tay hướng ra ngoài, đầu ngón tay hướng xuống dưới. Đây là tướng ấn được làm khi Phật và Bồ Tát ứng theo sự cầu khẩn của chúng sinh, biểu thị ý dùng tâm từ bi để phổ độ chúng sinh.

THIỀN ĐỊNH ẤN: Thủ ấn được kiết khi đức Phật nhập vào thiền định, đặt ngửa tay phải trái trên bắp chân, đặt ngửa tay phải lên tay trái, đầu của hai ngón tay cái tiếp xúc nhau, còn được gọi là Pháp giới định ấn.

XÚC ĐỊA ẤN: Duỗi tay trái phải trên gối trái, đầu ngón tay hướng xuống đất, còn được gọi là Hàng ma ấn, đây là ấn tướng được kết khi đức Phật thành đạo.

CHUYỂN PHÁP LUÂN ẤN: Hai tay đặt ở trước ngực, bàn tay trái và bàn tay phải tương phản nhau, các ngón tay trái và phải có dạng hơi tiếp xúc nhau.

DI ĐÀ ĐỊNH ẤN: Ấn tướng của A di đà Như Lai, hai tay đan chéo, tay phải đặt trên tay phải, hai ngón tay trỏ cong lại, ngón cái đặt lên ngón cái trỏ.

Các loại thủ ấn nói trên, là những thủ ấn thường thấy trong các tượng Phật giáo, trước cả khi Mật giáo phát triển thành một dòng lớn. Các thủ ấn thường gặp này, thường do đức Phật ở trong các tình huống khác nhau, với các tư thế tự nhiên mà Phật thể hiện. Nhưng rồi, dưới sự hưng khởi của Mật giáo, sự phát triển của thủ ấn càng ngày càng phức tạp, và tương ứng với cảnh giới nội chứng của các vị Phật, Bồ Tát, hiển hiện về tiêu chí của chư tôn, trở thành thân mật trong Tam mật Thân, Ngữ, Ý.

Sự hiển hiện của thủ ấn, có liên quan đến nguyện lực của chư Phật, nhân duyên về thời gian, không gian cũng như căn khí của chúng sinh nên khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh, thủ ấn mà ngài kiết là một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, còn khi thành đạo ở Bồ đề già gia, thủ ấn là Hàng ma ấn, xúc địa ấn. Còn trong thời gian tu khổ hạnh cũng có thể gọi là thân ấn, cả thân người vô cùng gầy ốm, tay kiết định ấn.

Hàng ma ấn khiến hết thảy vọng động, thuộc về hết thảy vọng động của lục đại đều toàn bộ hàng phục, không chỉ hàng phục thế giới bên ngoài, đồng thời cũng hàng phục than tâm nội tại, hàng phục năm loại phiền nhiễu của nội thân, cũng hàng phục sự phiền nhiễu của sơn hà đại địa ở bên ngoài. Trước khi đức Phật thành đạo các ma vương do lục đại nội tại của hư không pháp giới ở bên ngoài tạo thành tìm đến quấy nhiễu, bởi vì các ma này tương ứng với lực lượng lớn của ý thức cơ bản, tác dụng nên ứng duyên hiện ra công kích đức Phật.

Nhân duyên là vậy, còn về pháp tánh có thể xem như sự kết hợp của lực lượng vũ trụ nội tại và vũ trụ bên ngoài công kích đức Phật, nên đức Phật phải hàng ma để đắc nội chứng kim cang tâm, thân là kim cang thể, tọa (chỗ ngồi) là kim cang tọa, pháp giới sau khi được hàng phục trở thành kim cang pháp.

Ngoài ra, còn một thủ ấn thường gặp là chuyển pháp luân ấn. Sau khi đức Phật an trú trong bản nhiên pháp tánh, do tâm đại bi chuyển động pháp luân , liền thuyết pháp ấn, toàn



Chuyển pháp luân ấn



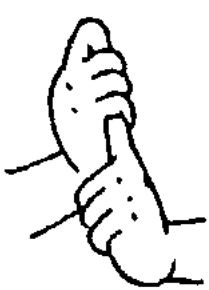
Thí vô úy ấn



Thiền định ấn



Xúc địa ấn



Trí quyền ấn



Thí nguyện ấn

CÁC LOẠI ẤN THƯỜNG GẶP

bộ đường nét của ngón tay là đường tròn biểu thị dùng tâm dịu dàng nhất chuyển động bánh xe pháp, nên rất tự nhiên, Đức Phật đem cảnh giới viên mãn nhất trong pháp giới chuyển động lên, còn hàng ma ấn dùng bản thể tánh và ngoại giới hàng phục đưa đến trạng thái bất động.

Sau cùng khi đức Phật nhập niết bàn, ngài kết cát tường ấn, đại biểu cho sự nghỉ ngơi hoàn toàn, trở về tánh pháp giới. Cho nên bắt đầu từ Đản sinh ấn, với Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, một tay chỉ trời một tay chỉ đất của thân ấn, quán xuyến thập phương tam thế, biểu thị bắt đầu sức mạnh của Phật. Quan sát bốn giai đoạn của Đức Phật, có thể hiểu được cùng một tôn Phật vào thời gian, không gian khác nhau, nhân duyên khác nhau nên hiện ra đặc chất khác nhau, còn bốn loại thủ ấn của đức Phật cũng đại biểu cho giai đoạn nhân duyên khác nhau.

Ngoài ra, Trí quyền ấn cũng là thủ ấn thường gặp trong Đại Nhật Như Lai Thai Tạng giới, thủ ấn của ngài là Pháp giới định ấn, đại biểu cho tướng tịch tĩnh của pháp giới, hết thảy mọi thứ về mặt lý là bình đẳng cả, nên dùng tịch tĩnh tướng để hiển hiện. Còn Đại Nhật Như Lai Kim Cang giới là Trí Quyền ấn, lấy trí huệ làm sức mạnh, lấy trí làm quyền, đại biểu cho sức mạnh của trí huệ, dùng trí huệ quán chiếu sự bình đẳng của pháp giới về mặt Lý, và dùng trí tuệ duy nhất để biểu hiện. Nhưng về mặt nội tại là không ngừng hồi chuyển, từ trong tới ngoài, toàn thể lấy trí tuệ làm sức mạnh căn bản, nên đặc biệt nắm vững hiện tượng của pháp giới do dùng trí huệ quán chiếu.

Một loại là ấn tướng kết về mặt Lý, một loại là sự bộc lộ rực rỡ của trí tuệ hoàn toàn về mặt Sự, trí tuệ của ngài hiểu biết triệt để ngũ đại, tác dụng hoàn toàn liễu tri là tác dụng của ánh sáng tuyệt đối. Một bên thuộc về bản giác, một bên thuộc về thủy giác. Bản giác vốn bình đẳng, thủy giác là sự tự tướng chiếu ứng của quang minh và pháp giới, cho nên đó là trạng thái chiếu soi riêng một mình của trí tuệ. Vì thế Đại

Nhật Như Lai trong các nhân duyên khác nhau hiển hiện tướng đặc thù của ngài: trong bí mật của pháp tánh, hiển hiện tịch diệt tướng; còn về bí mật của duyên khởi, hiển hiện sức mạnh của đại tác dụng, sức mạnh của trí tuệ.

Tứ xứ gia trì, ngũ xứ gia trì khi kết tụng thủ ấn, chân ngôn

Khi kết tụng thủ ấn, chân ngôn, có sự chỉ định của điều gọi là tứ xứ gia trì hoặc ngũ xứ gia trì, trong thứ tự các chỗ có thể thấy ở mỗi một chỗ nhất định phải niệm ngữ cú để gia trì, và vị trí được chỉ thị có ý nghĩa rất quan trọng. Ví dụ trong pháp hộ thân, đối với kết ấn của Liên hoa bộ Tam muội gia thì "tụng chân ngôn ba lần, làm ấn bên phải của đỉnh đầu", tiếp theo Tam muội gia của Kim Cang bộ cũng nói "tụng chân ngôn ba lần, làm ấn ở bên trái của đỉnh đầu", tức chỉ ra rất rõ ràng. Đỉnh của trái phải mà ở đây, tương đương với bộ vị được miêu thuật ở Thai tạng giới Mạn đà la tam bộ. Tức là lấy Trung đài bát diệp làm trung tâm, phía bên phải có Liên hoa bộ Quan Âm viện, phía bên trái có Kim Cang bộ Kim Cang thủ viện. Theo đó đem Tam muội gia ấn của Liên hoa bộ và Kim Cang bộ phối ở trái, phải.

Tứ xứ là bốn chỗ: Tâm (tim), Ngạch (trán), Hầu (cổ họng), Đỉnh (đỉnh đầu), phối với nội chứng trí (tứ trí) của Đại Nhật Như Lai và bốn vị Phật như sau:

Tâm: Đại Viên Cảnh Trí .....A Chúng Như Lai

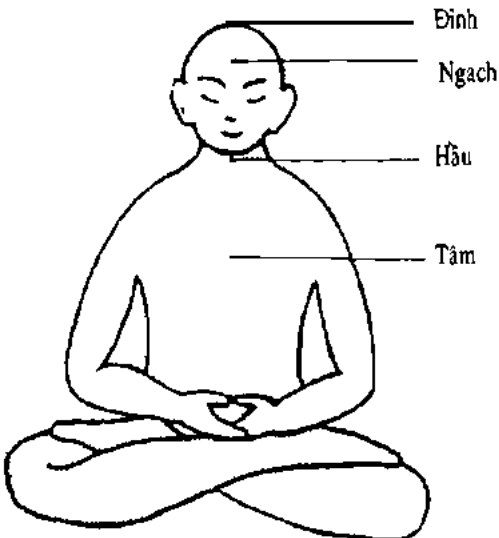
Ngạch: Bình Đẳng Tánh Trí .....Bảo Sinh Như Lai

Hầu: Diệu Quán Sát Trí .....A Di Đà Như Lai

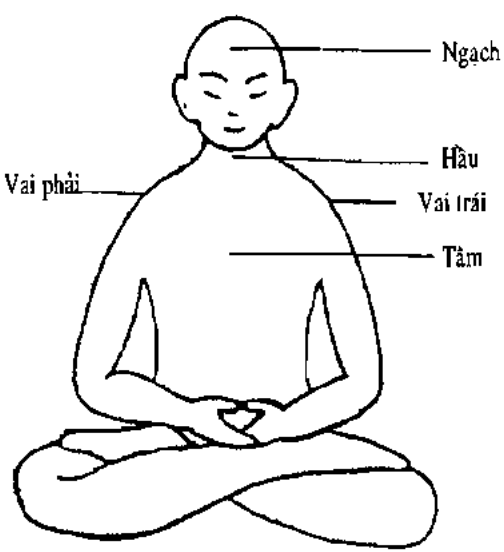
Đỉnh: Thành Sở Tác Trí .....Bất Không Thành Tựu Như Lai

Gia trì bốn chỗ này, hành giả quán tưởng tự thân thành Đại Nhật pháp giới thân.

Ngũ xứ gồm năm chỗ: Ngạch (trán), Vai phải, Vai trái, Tâm (tim), Hầu (cổ họng), xuất xứ từ sách "Bát Tự Văn Thù nghi quỹ". Gia trì năm chỗ này, hành giả quán tưởng tự thân đầy



Tứ xứ gia trì



Ngũ xứ gia trì

đủ năm vị Phật, tức thân thành Phật. Năm vị Phật phối hợp với năm chỗ như sau:

Ngạch: .....Đại Nhật Như Lai

Vai phải: .....Bảo Sinh Phật

Vai trái:.....Bất Không Thành Tựu Phật

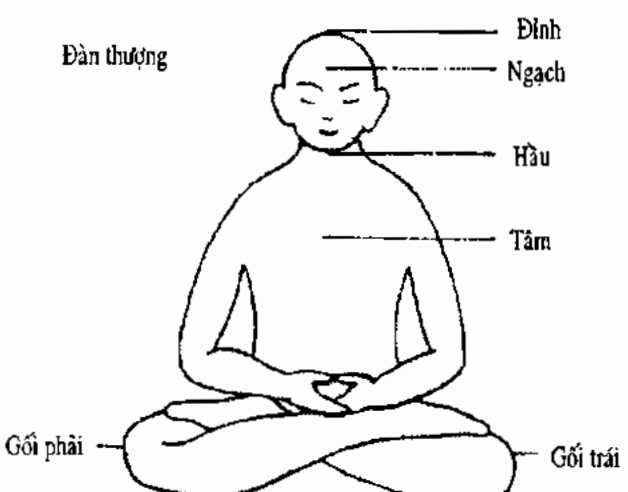
Tâm: .....A Chúng Phật

Hầu: .....A Di Đà Phật

Ngoài việc gia trì tứ xứ và ngũ xứ, còn có cái gọi là Thất xứ, tức bảy chỗ cùng với quán chủ tôn ở đạo tràng, ý nghĩa đại biểu như sau:

Gối trái .....Liên Hoa bộ
Đàn thượng .....Phật bộ
Gối phải .....Kim Cang bộ
→ Thai Tạng giới tam bộ

Tâm .....Kim Cang bộ
Ngạch .....Bảo bộ
Hầu .....Liên Hoa bộ
Đỉnh .....Yết Ma bộ
→ Phật bộ
→ Kim Cang giới Ngũ bộ



Thất xứ gia trì

Thiên thứ hai

Thủ ấn của Chư Tôn

THỦ ẤN CỦA PHẬT BỘ, PHẬT ĐỈNH, PHẬT MẪU,THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Đức Thích Ca Mâu Ni (Phạn danh Sâkya – muni – budha), là giáo chủ của Phật giáo, vào khoảng hơn 500 năm trước công nguyên giáng sinh ở thành Ca Tỳ La Vệ ở Bắc Ấn Độ, là Thái tử của vua thành này là Tịnh Phạn Vương. Họ là Kiều Đáp Ma (Gautama), tên là Tất Đạt Đa (Phạn danh Siddhārtha). Sau khi thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề, được tôn xưng là "Thích Ca Mâu Ni" nghĩa là "Hiền nhân của tộc Thích Ca".

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ nhỏ hiểu được sự đau khổ của sinh, lão, bệnh, tử rất sâu sắc, cảm thụ được lạc thú của nhân sinh là vô thường, vì thế phát tâm tầm cầu đạo giải thoát.

Khi đức Phật còn là Thái tử, từng xuất du ra bốn cửa thành, gặp phải người già, người bệnh, người chết và sa môn, lại thấy cảnh điểu thú ăn thịt lẫn nhau, do đó cảm nhận được sự vô thường của thế gian, không thể nương tựa vào đó, nên thường xuyên an tọa thiền định. Sau này sinh được một con trai là La Hầu La, ngài nghĩ thầm vương thất đã có người kế tự, nên liền xuất gia tu hành. Vào năm ngài 29 tuổi (có



Thích Ca Mâu Ni Phật

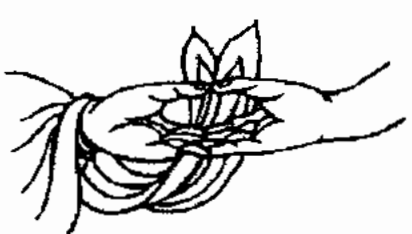
thuyết nói 19 tuổi), ngài lén rời khỏi hoàng cung, cởi bỏ y mão, xuất gia thành sa môn.

Sau này đức Thích Tôn một mình đến dưới gốc cây Bồ Đề, ngồi trên Kim Cang tọa, hạ quyết tâm nếu không chứng được vô thượng chánh giác, không rời khỏi tòa này. Trải qua bảy ngày (có thuyết nói là 49 ngày), vào lúc rạng sáng, nhìn thấy sao mai liền hoát nhiên đại ngộ, chứng được sự giác ngộ hoàn toàn viên mãn, tức A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Lúc đó ngài 35 tuổi, (có thuyết là 30 tuổi), và được xưng là "Phật Đà" (người giác ngộ), "Thế Tôn"..

Cuộc đời hoằng pháp độ sinh của đức Thích Tôn, vào khoảng hơn 40 năm, cuối cùng vào lúc 80 tuổi, ngài nhập Niết Bàn dưới cây Sa la ở thành Câu Thi Na La.

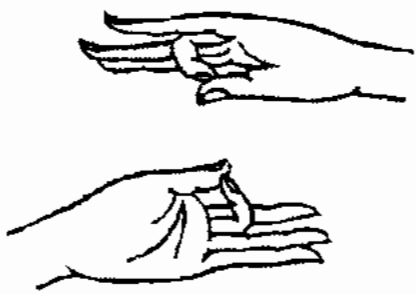
Thủ ấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (1) Bát ấn

Cầm lấy một góc cà sa bên tay trái và góc y vắt ở trên vai, nối vòng qua tay trái, đem hai góc y có dạng như song nhĩ quấn trong tay trái, hai ngón tay cái của hai tay tiếp xúc với nhau, thành hình dạng của bình bát, hoặc như dạng của Pháp giới định ấn, hai tay chồng lên nhau, để lòi ra góc cà sa, đó là gọi Thích Ca đại bát ấn, Bát ấn, Như Lai bát ấn, ấn của Thai Tạng đại bát.



Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ấn (1) bát ấn

Thủ ấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (2) trí cát tường ấn



Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ấn (2)
Trí cát tường ấn

Hai tay phân biệt dùng ngón cái đỡ lấy ngón giữa thành dạng đàn chỉ (búng tay); các ngón tay khác duỗi thẳng; tay trái đặt ngang ngược, lòng bàn tay hướng lên trên, tay phải đặt úp lại ở trên, nhưng không tiếp xúc nhau; trái làm thượng cầu, phải là hạ hóa, hoặc đó là ấn khi thuyết pháp của báo thân Phật; Pháp thân thuyết pháp dùng ngón tay cái đỡ lấy ngón vô danh; Ứng thân thuyết pháp, lấy ngón cái đỡ lấy ngón trỏ; dùng thuyết pháp ấn để gọi là Trí Cát Tường ấn, có tác dụng đắc được trí tuệ sau khi thuyết pháp, chúng sinh theo đó có thể có được cát tường. Trí Cát Tường ấn là căn bản ấn của Thích Ca Như Lai. Chân ngôn giống như ấn trên.

Thủ ấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (3) trí cát tường ấn

Hai tay đan vào nhau, ngón tay nằm ở trong lòng bàn tay, hai ngón tay cái, hai ngón tay giữa, hai ngón tay út dựng thẳng áp vào nhau. Chân ngôn giống như ấn trước.

Thích Ca Mâu Ni Phật thủ ấn
(3) trí cát tường ấn (2)



Đại Nhật Như Lai

Đại Nhật Như Lai (Mahàvairocana), Hán dịch, lại có các danh hiệu Ma ha Tỳ Lô Già Na, Tỳ Lô Giá Na, Biến Nhất Thiết xứ, Quang Minh Biến Chiếu..., là bản tôn căn bản nhất của Mật giáo (nói cách khác được Mật giáo tôn thờ nhất), trong hai bộ Mật giáo đại pháp là Kim Cang giới và Thai tạng giới, đều là pháp thân Như Lai, là tự thân của thể tánh pháp giới, là Phật đà căn bản của sở hiện thật tướng.

Trong Hoa Nghiêm tông, đức Tỳ Lô Giá Na làm giáo chủ của Liên Hoa tạng thế giới, cũng bao hàm cả thập phương chư Phật, hiển thị pháp thân Phật của tự thân Phật pháp, siêu việt hình tướng. Pháp Tướng tông xem ngài là thân tự tánh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thiên Thai tông xem ngài là pháp thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đại Nhật Như Lai do Mật giáo đem Phật cách hóa thật tướng vũ trụ trở thành vị Phật căn bản, cũng là bản địa của nhất thiết chư Phật, Bồ Tát và tổng đức căn bản của Phổ môn thị hiện.

Mật giáo thờ ngài làm giáo chủ của chân ngôn Phật giáo, dịch ra là Đại Nhật Như Lai hoặc gọi là Ma Ha Tỳ Lô Giá Na, lấy ngài làm bản tôn trung tâm của Mạn Đà La Thai Tạng giới.

Trong ngũ phương Phật của Thai Tạng giới, vốn lấy Đại Nhật Như Lai làm trung tâm, ngoài ra tức bốn vị Phật Đà gồm: Khai Phổ Hoa Vương Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai (Phật A Di Đà), Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai và Bảo Tràng Như Lai.

Mật giáo cho rằng Đại Nhật Như Lai không chỉ là bản tôn, mà còn là trung tâm giáo lý Mật giáo. Do trí tuệ của Như Lai quang minh biến chiếu nhất thiết xứ (ánh sáng trí huệ chiếu khắp mọi nơi), có thể khiến vô biên pháp giới đều phóng ánh sáng khắp nơi, khai mở sự nghiệp giáo hóa chúng sinh biết được là mọi người đều có đầy đủ Phật tánh, thiện căn, thành biện thế xuất thế gian, do đó dùng chữ Đại Nhật làm tên hiệu.



Đại Nhật Như Lai

Thủ ấn của Đại Nhật Như Lai (1) Trí quyền ấn



Đại Nhật Như Lai thủ ấn (1)
Trí quyền ấn

Đây là thủ ấn của Kim Cang giới Đại Nhật Như Lai. Hai tay phân biệt Kim Cang quyền, ngón trỏ của tay trái dựng thẳng, dùng ngón út của tay phải nắm lấy đốt thứ nhất ngón trỏ tay trái, ngón trỏ tay trái dựng thẳng chỉ vào đốt thứ nhất của ngón cái tay phải. Ấn này có hàm ý của nghĩa sâu xa là Lý và Trí bất nhị, của chúng sinh và Phật là nhất như; Mê và ngộ đều cùng một thể; dùng tay trái đại biểu cho thân ngũ đại của chúng sinh, tay phải là bảo quán của Ngũ trí, Ngũ Phật; có hình dạng đem bảo quán (mão ngọc) đội cho chúng sinh, gọi đó là Đại Trí Quyền ấn, hoặc gọi là "Bồ Đề Tối Thượng Khế"; "Bồ Đề Dẫn Độ Đệ Nhất Trí ấn"; "Năng Diệt Vô Minh Hắc Ám ấn"; "Kim Cang Quyền ấn"; "Đại Nhật Như Lai Pháp Giới ấn"... trong đó ấn của Kim Cang giới hội với ấn mà Đại Nhật Như Lai kết là ấn của độc nhất pháp thân.

Thủ ấn của Đại Nhật Như Lai (2) Pháp giới định ấn

Đây là thủ ấn của Thai Tạng giới Đại Nhật Như Lai. Lấy ngón chân trái đỡ lấy tay trái; lòng bàn tay ngửa lên, tay phải cũng giống như tay trái và đặt chồng lên tay trái, hai đầu ngón tay cái chạm vào nhau.

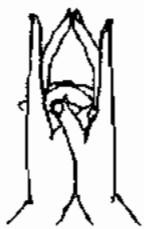


Đại Nhật Như Lai thủ ấn (2)
Pháp giới định ấn

Thủ ấn của Đại Nhật Như Lai (3) Kim cang giới tự tại ấn

Thủ ấn của Kim Cang giới Đại Nhật Như Lai ở hội Tam muội gia, là Kim Cang ngoại phược (tức là đan các ngón tay của hai tay vào nhau, các ngón tay ở đốt trên cùng, cong lại như hình kiếm, hai ngón tay trỏ dựng thẳng áp sát vào ngón giữa.

Đại Nhật Như Lai thủ ấn (3)
Kim cang giới tự tại ấn



A Di Đà Phật

A Di Đà Phật (Phạn danh Amitaba hoặc Amita – buddha), dịch nghĩa là Vô Lượng Quang hoặc Vô Lượng Thọ Phật. Thường dùng nước Cam Lộ là loại nước uống vào có thể không già không chết để làm hiện rõ công đức đặc biệt của ngài, và tôn ngài là Cam Lộ vương (Phạn danh Amitaraja) hoặc Cam Lộ Vương Như Lai.

A Di Đà Phật là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, với Quan Thế Âm và Đại Thế Chí hai vị đại Bồ Tát làm thị giả bên cạnh. Theo lời thuật trong bộ "Vô Lượng Thọ kinh", khi ngài còn ở cõi nhân địa (cõi người) làm Pháp Tạng Tỳ Kheo, trước thời kỳ của Thế Tự Tại Vương Phật, đã phát tâm vô thượng đạo, với 48 nguyện lớn, thệ nguyện kiến lập thế giới cực lạc trang nghiêm nhất trong mười phương Phật, tinh cần tu tập Bồ Tát đạo niệm được thành Phật.

A Di Đà Phật có Bi nguyện quảng đại, từ tâm sâu sắc; pháp môn niệm Phật, vừa đơn giản vừa dễ thực hành; do đó, ở các quốc gia theo tín ngưỡng Đại thừa, rất đông người theo tín



A Di Đà Phật

ngưỡng Tịnh độ. Trung Quốc thời cổ đại có câu nói "Nhà Nhà A Di Đà, Hộ Hộ Quan Thế Âm", chính là tả về sự phổ biến lưu truyền của tín ngưỡng A Di Đà.

Trong Đại Hùng bảo điện của các tự viện Phật giáo Trung Quốc, thường cúng phụng ba pho tượng Phật đại biểu cho ba thế giới khác nhau ở phía Đông, Tây và Chính giữa, tức gọi là "Hoành tam thế", hoặc gọi là "Tam Bảo Phật", "Tam phương Phật". A Di Đà Phật trong tạo hình này, được đặt ở phía bên phải của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi kiết già trên đài sen, hai tay kết định ấn, ngửa chưởng đặt chồng lên nhau ở trên đùi; trong lòng bàn tay đỡ lấy một tòa sen, biểu thị tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh Tây phương cực lạc Tịnh thổ, hóa sinh trong hoa sen.

A Di Đà Định Ấn



A Di Đà định ấn

Hai tay đan vào nhau, đầu hai ngón tay cái duỗi thẳng tiếp xúc nhau, hai ngón tay trỏ dựng thẳng từ đốt giữa lên, lấy hai ngón trỏ đỡ lấy ngón cái; ngoài ra, ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón đan xen, lót ngón cái và ngón trỏ, điều này có nghĩa là biểu thị Lục đạo chúng sinh hiển đắc tứ trí Bồ đề. Như vậy, khi kết ấn này, tức ấn của môn thuyết pháp Hóa tha (hóa độ kẻ khác); đỡ lấy đỉnh đầu của Phong (gió) và Không (không khí) thiết lập sự khai hóa. Phong (gió) có công năng làm nở hoa, gió trong không khí có ý nghĩa là có được sự tự tại tự đắc, lại có nghĩa là có được sự dưỡng dục của thiền định Nhị độ ví dụ bằng Thiền tiến, kết ấn này vì muốn tăng trưởng dũng mãnh Phật tánh của tâm liên (nhụy sen), mà khiến thiền tiến tương hợp. Kim Cang giới A Di Đà Phật ở Thành thân hội và Cúng dường hội.

A Di Đà căn bản ấn



A Di Đà căn bản ấn

Đây là thủ ấn mà A Di Đà Phật kết ở Kim Cang giới Tam muội gia hội. Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng dựa vào nhau. Hai ngón cái đan chéo, có dạng như cánh sen. Ngoại phược có nghĩa sự trói buộc của sinh tử, còn hoa sen là biểu thị chúng sinh vốn có đầy đủ Phật tánh; hai cổ tay giơ lên, tức là quán ngũ cổ, hai tay giơ lên tức là độc cổ, tám ngón tay của ngoại phược tức là chỉ tám cánh của hoa sen, lá sen của ngón giữa đại biểu cho bản tôn, ngũ cổ dưới cánh tay là thập giới bình đẳng của Ngũ phàm ngũ thánh, biểu thị về lý phàm thánh bất nhị

A Di Đà cửu phẩm ấn

Cửu phẩm ấn là chín loại ấn tướng từ thượng phẩm thượng sinh đến hạ phẩm hạ sinh, còn được gọi là vãng sinh cửu phẩm ấn. Căn cứ vào cách nói Cửu phẩm vãng sinh trong "Quán Vô lượng Thọ kinh", dựa vào nghiệp tội tu hành của hành giả niệm Phật phân chia ra tướng của chín cấp bậc. Ví dụ, vãng sinh có chín phẩm vãng sinh, Cực lạc thế giới của cửu phẩm Tịnh thổ, cửu phẩm niệm Phật, cho nên A Di Đà Phật cũng có sự phân biệt cửu phẩm Di Đà, và biểu hiện cụ thể tức là cửu phẩm ấn.

Về ấn tướng liên quan đến Cửu phẩm ấn, có rất nhiều cách giải thích nhưng thường gặp nhất là A Di Đà định ấn với hai tay chồng lên nhau, đặt ở trên đùi (giơ ra ba ngón, tay phải đặt ở dưới tay trái). Ấn tướng của Trung phẩm hai tay để trước ngực, hai lòng bàn tay hướng ra ngoài đặt cạnh nhau như thuyết pháp ấn. Hạ phẩm, lòng bàn tay hướng ra ngoài, tay phải hướng lên trên, tay trái hướng xuống dưới như dạng Thí Vô Úy ấn và Thí nguyện ấn.



Thượng phẩm thượng ấn
(Di Đà định ấn, Định ấn)



Trung phẩm thượng sinh
(thuyết pháp ấn)



Hạ phẩm thượng sinh
(lai nghênh ấn)



Thượng phẩm trung sinh



Trung phẩm trung sinh



Hạ phẩm trung sinh



Thượng phẩm hạ sinh



Trung phẩm hạ sinh



Hạ phẩm hạ sinh

Ấn tướng thượng sinh đầu ngón tay cái và ngón trỏ cong lại hợp vào nhau. Ấn tướng của trung sinh kết hợp giữa ngón tay cái và ngón giữa cong lại. Hạ sinh kết hợp đầu ngón cái và ngón vô danh cong lại. Như thế ấn tướng của phẩm các cách vãng sinh đều lấy đó làm chuẩn tổ hợp thành, tức thành cửu phẩm ấn của Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, Trung phẩm thượng sinh, Trung phẩm trung sinh, Trung phẩm hạ sinh, Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh, Hạ phẩm hạ sinh.

Trong số kể trên, ấn của Thượng phẩm thượng sinh gọi là diệu quan sát trí ấn, hay còn gọi là định ấn. Di Đà định ấn, là thủ ấn thường gặp nhất trong các tượng Di Đà ngồi. Còn phần lớn các tượng đứng là Lai nghênh ấn, phổ biến nhất dùng ấn tướng của Hạ phẩm hạ sinh. Ấn tướng của Trung phẩm còn được gọi là Thuyết pháp ấn. Cách này đã được lưu truyền từ cuối đời Đường, sau truyền vào Nhật Bản, Chân ngôn tông và Tịnh độ tông đều thịnh hành theo thuyết này.

Dược Sư Như Lai

Dược Sư Như Lai (tên chữ Phạn: Bhaisajya – guru Vaidurya – prabharajah), tên đầy đủ là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, thường được gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, gọi tắt là Dược Sư Phật.

Nguồn gốc danh hiệu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, là do ngài có thể khu trừ bệnh sinh tử nên có danh là Dược Sư Như Lai (thầy thuốc), có thể siêu độ sự hắc ám của tam hữu nên tên là Lưu Ly Quang. Hiện nay, ngài là giáo chủ của Đông phương Lưu Ly Quang thế giới, lãnh đạo quyến thuộc là hai vị Bồ Tát Nhật Quang Biến Chiếu và Nguyệt Quang Biến Chiếu để hóa độ chúng sinh.

Trị liệu hết thảy bệnh về thân tâm của chúng sinh, là bản nguyện của Dược Sư Như Lai, còn Lưu Ly Quang là tạo hình đặc



Dược Sư Như Lai

thù được thể hiện theo bản nguyện của ngài, bởi vì ngài muốn trừ bỏ sinh tử khổ não, trạng bệnh của hết thảy chúng sinh, cho nên danh là Dược Sư. Bởi vì Dược Sư Như Lai có bản nguyện thanh tịnh như vậy, nên thân ngài hiện ra về mặt thân tướng, là Lưu Ly Quang hoàn toàn trong suốt vô ngại, Tịnh thổ thế giới của ngài cũng như thế, nên được gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang.

Dược Sư Như Lai không chỉ chữa trị đau bệnh trên cơ thể chúng ta mà còn chữa trị cho tâm linh không viên mãn về Trí, Huệ, Bi tâm của chúng ta. Bởi vì chúng sinh lúc ban đầu không cách nào cảm thụ được nguyện lực sâu sắc này, nên trước tiên ngài chữa trị khỏi đau bệnh về thể xác của chúng sinh, rồi mới chữa trị tâm của chúng sinh.

Thủ Ấn của Dược Sư Như lai (1) Pháp giới định ấn

Dùng gối trái đỡ lấy tay trái, lòng bàn tay hướng lên trên, tay phải cũng giống như tay trái, đặt tay phải chồng lên trên tay trái, hai đầu ngón tay cái tiếp xúc nhau, hoặc có thuyết nói trên định ấn quán bầu thuốc, trong bầu thuốc có chứa diệu dược của 12 đại nguyện, độ thoát chúng sinh.



Dược Sư Như Lai thủ ấn (1) - Pháp giới định ấn

Ấn căn bản của Dược Sư Như Lai

Hai tay nội phược (hai tay đan các ngón tay lại, ngón tay nằm trong lòng bàn tay), hai ngón tay trỏ dựng thẳng, cổ tay cách nhau hai đến ba tấc (tấc Trung Quốc), lấy hai ngón tay cái cong lại đan nhau ba lần, bốn ngón tay trái trong lòng bàn tay là chỉ Tứ đại của chúng sinh, bốn ngón



Dược Sư Như Lai căn bản ấn

phải là Tứ đại của Phật giới, hết thảy bệnh chướng đều bắt nguồn từ sự mất cân bằng của Tứ đại, nên lấy tứ đại của Phật giới xem như tứ đại của chúng sinh giới để điều hòa, dùng hai ngón tay cái cong lại đan xen tới lui, là đem tâm bệnh của tứ đại chúng sinh nghiệp giới thu hút vào trong bầu thuốc, trở thành tam dược Lý, Trí, Giáo; Nội phược đại biểu cho nguyệt luân (mặt trăng), hai ngón tay cái là khứ nhị ngã, dùng điều này biểu thị cho nghĩa triệu thỉnh nhân pháp nhị không, đây vốn là ấn căn bản của Dược Sư Như Lai, hay còn có tên là Dược Sư Ấn.

A Chúng Phật

A Chúng Phật (Tên chữ Phạn Aksobhya), Hán dịch là A Chúng, A Chúng Tỳ, khi ngài còn ở nhân địa được Đại Mục Như Lai khải phát, nên lập thệ nguyện đối với nhất thiết chúng sinh không khởi hờn giận, nên có hiệu là "A Chúng", A Chúng là nghĩa không hờn giận, không phẫn nộ, nên cũng còn có tên là Bất động hoặc Vô động, vì vậy Mật hiệu của ngai là Bất Động Kim Cang. Nghĩa Bất Động này chỉ thân bất động, tâm bất động đối với hết thảy. Tâm bất động là tâm không dao động bởi tạp nhiễm, không bị lay động bởi Bát phong; trong nhân duyên khi mới phát tâm không bị động bởi tâm sân, còn thân bất động chỉ thường trụ tam muội.

A Chúng Phật thành Phật dưới gốc cây Thất Bảo ở thế giới A Bỉ La đề của Đông phương, Phật sát (chùa Phật) danh là "Thiện Khoái (Diệu Hỷ)". Do nguyện lực của A Chúng Phật, nên trong các Phật sát không có tam ác đạo: hết thảy người đều làm việc thiện, không có các ý niệm dâm, nộ, si, cũng không có tà thuyết ngoại đạo. Đất này không có quốc vương, tôn A Chúng Phật làm Pháp vương. Cảnh giới vô cùng thù thắng, do bản nguyện của A Chúng Phật mà cảm được.

A Chúng Như Lai là một trong Ngũ phương Phật của Kim Cang giới, là Kim Cang Bình đẳng giác thân do Đại Viên cảnh



A Chúng Phật

trí của Dược Sư Như Lai lưu xuất, tượng trưng cho công đức đặc biệt đều bình đẳng của hết thảy chư Phật. Người mới phát bồ đề tâm, duyên gia trì của A Chúng Phật, có thể chứng được viên mãn bồ đề tâm.

Thủ ấn của A Chúng Phật (1) Yết ma ấn

Đây là thủ ấn của Như Lai ở Yết Ma hội (Thành thân hội) của Kim Cang giới. Ấn này tay trái đặt ở trước rốn, bàn tay phải đặt trên gối, các ngón tay hướng xuống đất, đắc tâm bất động.

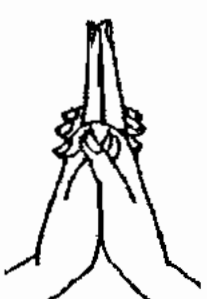
A Chúng Phật thủ ấn
(1) - Yết ma ấn



Thủ ấn của A Chúng Phật (2) Tam muội gia ấn

Đây là thủ ấn của A Chúng Như Lai trong Tam muội gia hội của Kim Cang giới. Ấn này cách làm hai tay Kim Cang phược (bất ấn Kim Cang đan vào nhau). Hai ngón tay giữa dựng thẳng như cây kim có cổ dựng thẳng.

A Chúng Phật thủ ấn (2) -
Tam muội gia ấn



Bảo Sinh Như Lai

Bảo Sinh Như Lai (Phạn danh Ratna – sambhava), thường được gọi là Nam Phương Bảo Sinh Như Lai Phật, hoặc Nam Phương Phú Đức Tụ Bảo Sinh Như Lai. Trong kinh điển của Hiển giáo, thường được gọi là Nam Phương Bảo Tràng Phật, hoặc là Nam Phương Bảo Tướng Phật. Là một trong năm vị Phật của Kim Cang giới.



Bảo Sinh Như Lai

Bảo Sinh Như Lai dùng Ma Ny Bảo Phúc Đức hội tụ công đức thỏa mãn sở nguyện của hết thảy chúng sinh, dùng quán đảnh của địa vị Tam giới Pháp vương, khiến cho viên mãn thắng nghĩa của Tự tha bình đẳng (bình đẳng giữa ta và người khác), cho nên được nhiếp vào Bảo bộ trong Ngũ bộ, chuyển thức thứ 7 của chúng sinh thành trí huệ Như Lai, chủ Bình đẳng tánh trí trong Ngũ trí.

Trong "Thủ Hộ kinh" có ghi, Ấn khế của Bảo Sinh Phật là Mãn Nguyện ấn, tức tay trái nắm chéo y, đặt trước ngực, tay phải ngửa lòng bàn tay lên. Khi tu pháp, quán tưởng tự thân đều tan trong màu vàng, thân này tức Thái Hư Bảo Sinh Như Lai. Và phóng hào quang màu vàng từ đỉnh đầu, hiện ra vô lượng kim sắc Bồ Tát, mỗi vị trong tay rải như ý bảo như mưa, ánh sáng chiếu khắp các thế giới hằng hà sa số ở phương Nam. Chúng sinh nếu gặp ánh sáng Phật này, tức hết thảy nguyện cầu đều có thể được thỏa mãn. Phương pháp quán tưởng này, cũng tượng trưng cho bản nguyện "Thỏa mãn chúng sinh sở cầu" của Bảo Sinh Phật.

Bảo Sinh Yết ma ấn

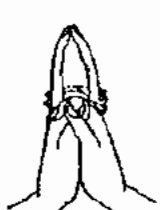
Đây là thủ ấn của Bảo Sinh Như Lai trong Yết Ma hội (Thành thân hội) và cúng dường hội ở Kim Cang giới. Nắm tay trái thành quyền đặt trước rốn, tay phải là tướng của Thí Nguyện ấn. Ấn này còn có tên là Thụ sở nguyện ấn.



Bảo Sinh tam muội gia ấn

Bảo Sinh Như Lai tam muội gia ấn

Đây là thủ ấn của Bảo Sinh Như Lai trong Tam muội gia hội ở Kim Cang giới, cách kết ấn là Kim Cang phược (hai tay kết Kim Cang ấn đan vào nhau). Hai ngón tay giữa dựng đứng dựa vào nhau như hình báu vật, tức hình của Bảo Châu (hạt ngọc báu).



Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai

Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (Phạn danh Vivyadundubhi megharir gosa) hay còn gọi là Cổ Âm Như Lai, Cổ Âm Vương. Là một trong năm vị Phật của Thai Tạng, nằm ở phía Bắc của Bát điệp viện trong đài giữa Mạn đà la Thai Tạng giới, có thuyết nói là ngài cùng với A Chúng Như Lai là đồng tôn (cùng một vị).



Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai

Trong "Đại Nhật kinh" viết, Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai an trú ở tướng tịch định, hiện bày rực rỡ các công đức to lớn của Niết Bàn, do đó xưng là Bất động. Lại do Niết bàn là vô tướng, cũng giống như Thiên cổ (trống trời) vậy, mặc dù không có hình tượng, nhưng lại có thể diễn thuyết pháp âm của Như Lai, làm thành hết thảy sự nghiệp, cho nên tên là Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai.

Thủ ấn của thiên cổ lôi âm Như Lai

Thủ ấn của Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai là Liên hoa hợp chưởng (chấp hai bàn tay lại như búp sen), hai ngón út đặt vào trong lòng bàn tay.



Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai thủ ấn

Bảo Tràng Như Lai

Bảo Tràng Như Lai (Phạn danh là Ratnaketa), dịch âm là La đát Nang kế đổ. Là vị Phật ở phương Đông của Bát điệp viện Mạn đà la trung đài trong Thai Tạng giới. Còn gọi là Bảo Tràng Phật, Bảo Tinh Phật, Mật hiệu (danh hiệu ở Mật giáo) là Phúc Thọ Kim Cang, Phúc Tụ Kim Cang. Vị Phật này chủ về diệu đức của Bồ đề tâm, có nghĩa là phát bồ đề tâm với Bảo Tràng đại biểu, bởi vì ngài lấy nhất thiết trí nguyện làm tràng (cờ phướn), hàng phục ma chúng dưới cây Bồ đề, cho nên có danh hiệu Bảo Tràng.

Vị Phật này trong Mạn đà la của Kim Cang giới thân có màu vàng nhạt, mặc áo cà sa đỏ, hở vai phải, tay trái hướng



Bảo Tràng Như Lai

vào trong, cầm chéo áo cà sa đặt ở trước ngực. Tay phải cong lại và hướng ra ngoài, lòng bàn tay ngửa lên các ngón tay thả lỏng bình thường, làm Dư Nguyện ấn, kiết già ngồi trên tòa sen báu. Hình trong Tam muội gia kiết Quang Diệm ấn.

Thủ ấn của Bảo Tràng Như Lai

Liên hoa hợp chưởng (chấp hai tay lại như hình búp sen), tức hợp bàn tay của hai tay lại với mười đầu ngón tay bằng nhau, lòng bàn tay hơi hé mở.



Bảo Tràng Như Lai thủ ấn

Bất Không Thành Tựu Như Lai

Bất Không Thành Tựu Như Lai (Phạn danh Amogha siddhi) còn gọi là Bất Không Thành Tựu Phật, một trong năm vị Phật của Kim Cang giới, có vị trí ở phương Bắc. Còn trong Thai Tạng giới, được gọi là Bắc Phương Thiên Cổ Lôi Âm Phật. Kinh điển của Hiển giáo gọi ngài là Thiên Cổ Âm Phật hoặc Lôi Âm Vương Phật.

Bất Không Thành Tựu Như Lai lấy Đại từ làm phương tiện thành sự nghiệp của hết thảy Như Lai cũng như sự nghiệp hóa độ chúng sinh, do ngài dùng trí tuệ thiện xảo làm phương tiện. Có thể thành tựu bồ đề tâm của hết thảy loài hữu tình, không bao giờ thoái lui. An trụ nơi Bồ đề đạo tràng, hàng phục ma chúng, có thể biến hóa trân bảo đầy khắp hư không, nên nhiếp vào Nghiệp bộ trong Ngũ bộ, chủ về Thành sở tác trí trong Ngũ trí. Và ở bốn phương có bốn



Bất Không Thành Tựu Như Lai

vị Bồ Tát là Kim Cang Nghiệp, Kim Cang Hộ, Kim Cang Nha, Kim Cang Quyền.

Bất Không Thành Tựu Như Lai trong Ngũ Phật trí (năm trí huệ của Phật) chuyển năm thức Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thành trí, đại biểu cho thành sở tác trí của Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai, cho nên cũng tượng trưng cho việc dùng đại từ làm phương tiện, thành tựu nhất thiết Như Lai sự nghiệp và chúng sinh sự nghiệp. Theo truyền tụng của Mật điển, người tu pháp có sự gia trì của Bất Không Thành Tựu Phật, đều có thể thành tựu viên mãn về chư Phật sự và hữu tình sự; và có thể thành biện diệu hành của tự tha lưỡng lợi (lợi ích cho mình và cho người khác), xa lìa bỏ hết thảy phiền não.

Thủ ấn của Bất Không Thành Tựu Như Lai (1) thí vô úy ấn

Đây là thủ ấn của Bất Không Thành Tựu Như Lai ở Thành thân hội của Kim Cang giới, tay trái kết Kim Cang quyền ấn đặt ở trước rốn, tay phải kết Thí Vô Úy ấn.



Bất Không Thành Tựu Như Lai thủ ấn (1) - thí vô úy ấn

Thủ ấn của bất không thành tựu Như Lai (2)

Ngoại phược (hai tay đan chéo nhau, các ngón tay nằm bên ngoài), hai ngón giữa cong vào trong lòng bàn tay tiếp xúc nhau, hai ngón út và hai ngón cái dựng thẳng vào áp vào nhau.



Bất Không Thành Tựu Như Lai thủ ấn (2)

Khai Phu Hoa Vương Như lai

Khai Phu Hoa Vương Như Lai (Phạn danh Samkusumita – ṝja – tauñgata), còn gọi là Sa La Thọ Vương Hoa Khai Phu Phật, Khai-Phu Hoa Phật, Hoa Khai Phu Phật, Mật hiệu là Bình Đẳng Kim Cang là một trong năm vị Phật của Thai Tạng



Khai Phu Hoa Vương Như Lai

giới, có vị trí ở Nam phương Bát diệp viện trong Mạn đà la trung đài của Thai Tạng. Ngài an trú trong Ly cấu tam muội, dùng chủng tử của Bồ đề tâm, nuôi dưỡng lâu dài Đại Bi vạn hạnh, thành tựu vô thượng chánh giác, vạn đức khai phu, cho nên xưng là Khai Phu Hoa Vương Như Lai.

Hình ảnh của vị Phật này toàn thân có màu vàng, hào quang phổ chiếu, đắp cà sa kín người, tay phải ngửa lòng bàn tay, kết Thi Vô Uý ấn, tay trái nắm chéo áo cà sa, đặt ở bên rốn.

Thủ ấn của khai phu hoa vương Như Lai

Liên hoa hợp chưởng, tức chắp hai bàn tay lại, mười ngón tay có đầu ngón xếp đều nhau, lòng bàn tay hơi hé ra.



Khai Phu Hoa Vương Như Lai thủ ấn

Thắng Phật Đỉnh

Thắng Phật Đỉnh (Phạn danh Jayosnīsa), dịch âm là Nhạ Dục Ô Tỳ Nì Sái. Còn gọi là Thắng Đảnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong Ngũ Phật Đỉnh, Bát Phật Đỉnh. Có vị trí ở Thích Ca viện của Thai Tạng Mạn đà la. Vị Phật này đại biểu cho sự dứt trừ được gốc rễ vô minh, nên niết bàn tịch tịch mà vị Phật này chứng ngộ là sự tịch tịnh quảng đại của Như Lai, sự tịch tịnh này vốn vô đẳng vô tỉ (không có gì so sánh được) là Đại tịch chi đỉnh (tịch tịnh cùng tột) nên xưng là Thắng Phật Đỉnh

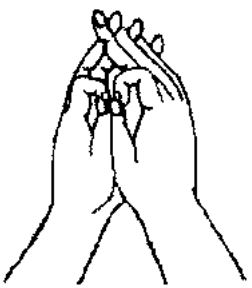
Vị Phật này có thân màu vàng, có hình như Bồ Tát, tay phải cầm hoa sen còn đang nụ, tay trái nắm lại cầm hoa sen, trên hoa sen có cắm một cây kiếm tỏa ánh lửa ra xung quanh, ngồi kiết già trên tòa sen đỏ.



Thắng Phật Đỉnh

Thủ ấn của Thắng Phật Đỉnh - Đại huệ đao ấn

Hai tay Kim Cang hợp chưởng, hai ngón trỏ cong lại tiếp xúc nhau ở phần móng, hai ngón tay cái đặt vào bên cạnh trong của hai ngón trỏ.



Thắng Phật Đỉnh thủ ấn - Đại tuệ đao ấn

Tối Thắng Phật Đỉnh

Tối Thắng Phật Đỉnh (Phạn danh Vijayonīsa), chủ yếu hiện lộ rực rỡ công đức đặc biệt của Phật chuyển pháp luân. Là một trong Ngũ Phật Đỉnh hoặc Bát Phật Đỉnh

Vị Phật này có thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có bánh xe (pháp luân), ngồi trên tòa sen

Thủ ấn của Tối Thắng Phật Đỉnh - Chuyển pháp luân ấn

Hai tay đặt ngược lại rồi đan vào nhau, hai đầu ngón tay cái tiếp xúc nhau.



Tối Thắng Phật Đỉnh thủ ấn - Chuyển pháp luân ấn



Tối Thắng Phật Đỉnh

Quang Tụ Phật Đỉnh

Quang Tụ Phật Đỉnh (Phạn danh Teroràsyusṇah hoặc Usnīsa – trijoràsi), dịch âm là Đế Nho La Thí Ô Tỳ Nô Sứ. Là trong Ngũ Phật Đỉnh, Bát Phật Đỉnh của Mật giáo. Còn được gọi là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương. Có vị trí ở Thích Ca viện của Mạn đà la trong Thai Tạng giới. Vị Phật này tượng trưng Đại đức là ánh sáng của Như Lai, chiếu phá bóng tối chúng sinh, nên tên là Quang Tụ Phật Đỉnh. Thường tụng niệm thánh hiệu của Quang Tụ Phật Đỉnh, có thể phá hủy mọi chướng ngại, khu trừ những quỉ ma khó phục, có thể thành tựu hết thảy Phật sự quảng đại.Vị Phật này có thân màu vàng, ngồi thẳng trên tòa sen đỏ, bàn tay phải dựng thẳng, cong ngón vô danh và ngón út lại, tay trái đặt ở hông, cầm hoa sen, trên hoa sen có hình Phật Đỉnh.

Quang Tụ Phật Đỉnh ấn

Đặt hai tay sát nhau, hai ngón vô danh và hai ngón út cong lại vào lòng bàn tay và tiếp xúc nhau, hai ngón trỏ đặt vào lưng của hai ngón giữa và cùng với hai ngón cái dựng thẳng lên, thành ra hình ba mắt.



Quang Tụ Phật Đỉnh ấn



Quang Tụ Phật Đỉnh

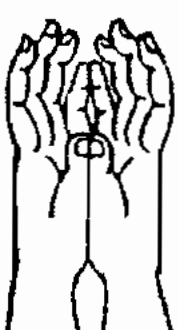
Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh

Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh (Phạn danh Mahosnīsacakra – vartin). Còn gọi là Đại Chuyển Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Quảng Đại Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Phật Đỉnh, Hoàng Sắc Phật Đỉnh, hoặc gọi là Hội Thông Đại Phật Đỉnh Chuyển. Mật hiệu là Phá Ma Kim Cang. Là một trong Tam Phật Đỉnh, hoặc Bát Phật Đỉnh. Vị Phật này có vị trí ở Viện Thích Ca Mạn đà la trong Thai Tạng giới.

Vị Phật này thân màu vàng, thị hiện hình của Bồ Tát, ngồi kiết già trên tòa sen đỏ, tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có cắm một cái chày, tay trái với ngón cái và ngón giữa tiếp xúc nhau, ngón trỏ dựng thẳng, mặt hướng về bên trái.

Thủ ấn của Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh - Như ý bảo ấn

Hai lòng bàn tay khép hờ, hai ngón tay cái, hai ngón út hợp lại sát nhau, các ngón tay còn lại hơi cong vào, như đoá hoa sen nở.



Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh thủ ấn - Như ý bảo ấn



Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh

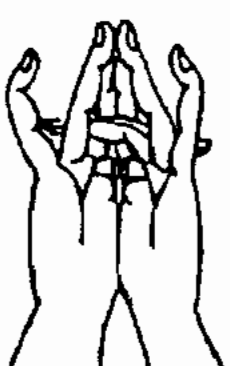
Cao Phật Đỉnh

Cao Phật Đỉnh (Phạn danh Abhyudga tosn?sa), còn được gọi là Quảng Sinh Phật Đỉnh, Phát Sinh Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Tối Cao Phật Đỉnh, Mật hiệu là Nan Đổ Kim Cang. Là một trong Ngũ Phật Đỉnh, Bát Phật Đỉnh. Có vị trí ở viện Thích Ca trong Mạn đà la của Thai Tạng giáo. Ai tưởng nhớ vị Phật này, đều được cát tường khi chiến đấu, luận lý, tranh tụng. Nếu viết chân ngôn của ngài lên trên đầu, thì có thể được sự cát tường thanh tịnh, diệt trì diệt tội đắc thành phúc, và có được biện tài vô ngại.

Hình dáng của vị Phật này có màu vàng, kiết già ngồi trên tòa sen màu đỏ, bàn tay phải giơ lên, ngón vô danh cong lại, tay trái để ở hông cầm hoa sen, trên hoa sen có hạt Lục châu.

Thủ ấn của Cao Phật Đỉnh

Hai tay chấp lại, hai ngón vô danh đan vào nhau nằm ngoài, hai ngón út, hai ngón giữa hướng thẳng lên và dựa vào nhau, ngón trỏ hơi co lại ở đốt thứ ba để tách rời ra, giống như cây quảng mạch vậy, hai ngón cái dựa vào nhau và hơi cong lại.



Cao Phật Đỉnh thủ ấn



Cao Phật Đỉnh

Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh

Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh (Phạn danh Anantas-varaghasal cakravartin), là một trong Tam Phật Đỉnh, chủ yếu biểu dương đức Phật dùng vô lượng diệu âm thuyết pháp, khiến mọi người chúng sinh đạt được giải thoát.

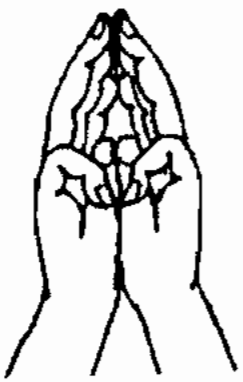


Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh

Vị Phật này thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên có vỏ ốc, tay phải lập chưởng, cong ngón trỏ, ngón giữa.

Thủ ấn của Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh - Pháp Loa Ấn

Pháp Loa ấn, tức hai tay chắp hờ lại, dùng hai ngón trỏ cong lại đè trên ngón cái, móng tiếp xúc nhau.



Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh thủ ấn - Pháp Loa Ấn

Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu

Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu (Phạn danh Vijaya), Mật hiệu Trừ Ma Kim Cang, còn được gọi là Trừ Chướng Phật Đỉnh, Tôn Thắng Phật Mẫu, Đỉnh Kế Thắng Phật Mẫu, gọi tắt là Tôn Thắng Mẫu. Cùng với Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Đô Mẫu được gọi là Trường Thọ Tam Tôn

Trong hết thảy Tôn Thắng Phật Đỉnh, có thể trừ hết thảy phiền não nghiệp chướng, phá hủy hết thảy khổ đau của Uế ác đạo nên được gọi là Tôn Thắng Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh.

Mật tông Tây Tạng cho rằng, Đảnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu là hóa thân của Vô Lượng Thọ Phật, ngoài ra, cũng có thuyết xem ngài là hóa thân của Đại Như Lai.

Tạng truyền Tôn Thắng Phật Mẫu có mặt giữa màu trắng biểu thị dập tắt tai chướng, mặt phải màu vàng, biểu thị sự



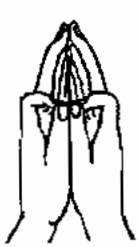
Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu

tăng ích của chư pháp, mặt trái xanh lam biểu thị các hàng phục pháp. Tay đỡ lấy Đại Nhật Như Lai làm thượng sư, biểu thị sự yêu thương, mang tên biểu thị câu triệu bi tâm của chúng sinh. Thi Vô Úy ấn biểu thị khiến chúng sinh rời xa hết thảy sợ hãi, Thi Nguyện ấn biểu thị thỏa mãn hết thảy mãn nguyện của chúng sinh, tay cầm cung biểu thị chiến thắng tam giới, kết Định ấn phía trên đỡ lấy bình Cam lộ, biểu thị khiến cho chúng sinh được trường thọ vô bệnh, chày Thập Tự Kim Cang biểu thị thành tựu sự nghiệp hàng ma tai kiếp, cầm dây lụa biểu thị hàng phục hết thảy chúng sinh khó điều phục.

Tu pháp môn Tôn Thắng Phật Mẫu, có thể tăng thọ mạng, phúc huệ kéo dài, tiêu tội, nghiệp, trừ hung tai, còn thần chú là Tôn Thắng Đà La Ni, tổng cộng có 87 câu, tùy theo sự dài ngắn mà chia thành đại chú, trung chú, tiểu chú. Nếu thọ trì, viết lại, cúng dường, đọc tụng chú Đà La Ni này, hoặc là đặt vào tháp, lầu cao, lầu các... thì có thể được công đức là sạch hết thảy ác đạo, tiêu trừ tội chướng tăng trưởng thọ mạng, vãng sinh cực lạc thế giới. Người tu hành Mật tông hoặc sớm chiều đọc tụng, hoặc tụng đọc hồi hướng cho người chết; còn Thiền môn vào các thời khóa tụng, cũng thường niệm tụng bài chú này. Ở Trung Quốc, Nhật Bản người tu trì thần chú Đà La Ni rất nhiều, và vô cùng linh nghiệm.

Thủ ấn của Tôn Thắng Phật Đỉnh (1) - Tôn Thắng không ấn

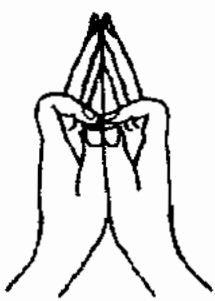
Chấp hờ hai bàn tay, hai ngón trỏ cong lại, đầu móng tay tiếp xúc nhau, rồi dùng ngón cái đè giữ lấy đầu ngón trỏ, như dạng đàn chỉ (búng tay). Dùng Liên Hoa hợp chưởng của ấn mẫu thuyết pháp gọi là Bình ấn, Tôn Thắng Bảo Bình ấn, Tôn Thắng Không ấn... và là ấn giống với Tháp ấn, Đại Huệ Đao ấn, Vô sở Bất Chí ấn, nhưng ấn tướng khác nhau.



Tôn Thắng Phật Đỉnh thủ ấn (1) - Tôn Thắng không ấn

Thủ ấn của Tôn Thắng Phật Đỉnh (2) - Tốt đô bà ấn

Hai tay chắp hờ, hai ngón cái đặt sát nhau dựng thẳng, sau đó đặt vào gốc ngón tay giữa, hai ngón trỏ cong lại đặt nhẹ lên đầu hai ngón cái. Ấn này có Vị phu Liên hoa hợp chưởng, Kim Cang hợp chưởng làm ấn mẫu, sự đóng mở của hai ngón cái, có sự phân biệt của Khai Tháp ấn và Bế Tháp ấn. Còn gọi là "Vô sở bất chí ấn", "Đại Huệ Đao ấn", "Huệ Đao ấn", "Đại Nhật Kiếm ấn", "Tháp ấn", "Đại tốt đô bà ấn"...



Tôn Thắng Phật Đỉnh
thủ ấn (2) - Tốt đô bà ấn

Thủ ấn của Tôn Thắng Phật Đỉnh (3)

Hai tay nội phược (hai bàn tay đan lại, các ngón nằm trong lòng bàn tay), ngón trỏ tay phải dựng thẳng, hơi cong lại như hình lưỡi câu. Do Tôn Thắng Đỉnh tức là Trừ Chướng Phật Đỉnh của Thai Tạng giới, nên đây là thủ ấn của Trừ Chướng Phật Đỉnh.



Tôn Thắng thủ ấn (3)

Thủ ấn của Tôn Thắng Phật Đỉnh (4)

Tay phải bắt Liên hoa quyền, ngón trỏ dựng thẳng, đốt trên hơi cong lại như hình lưỡi câu, đây là thủ ấn của Thai Tạng Trừ Chướng Phật Đỉnh.



Tôn Thắng thủ ấn (4)

Phật Nhãn Phật Mẫu

Phật Nhãn Phật Mẫu (Phạn danh Buddha – Locani), dịch âm của Phạn danh là Mạt Đà Lộ Tả Năng, Bột Đà Lỗ Sa Na; còn gọi là Phật Nhãn, Phật Nhãn Tôn, Phật Mẫu Thân, Phật Nhãn Bộ Mẫu, Phật Nhãn Minh Phi, Hư Không Nhãn Minh Phi, Hư Không Tạng Nhãn Minh Phi, Nhất Thiết Như Lai Phật Nhãn Đại Kim Cang Cát Tường, Nhất Thiết Phật Mẫu Tôn. Là một trong bản tôn được Mật giáo cung phụng, có vị trí trong Mạn đà la của Mật giáo Thai Tạng giới, nằm ở Biến Trí viện và Thích Ca viện biểu thị về Bát Nhã nhất thiết trí vốn là thị hiện của Đạo diệu trí trong Bát Nhã, có tất cả Ngũ nhãn, có thể ra đời ở Chư Phật, Bồ Tát của Kim Thai Lưỡng bộ, là xuất sinh Phật bộ công đức nên gọi là Phật Nhãn. Tu trì pháp môn của Phật Nhãn Phật Mẫu, có thể dập tắt tai chướng, tăng trưởng phúc đức, thọ mệnh.



Phật Nhãn Phật Mẫu

Thù ấn của Phật nhãn Phật mẫu - (Nhất thiết Như Lai bảo) - Liên hoa hợp chưởng

Đây là thủ ấn của Phật Nhãn Phật Mẫu ở Thích Ca viện của Thai Tạng giới (tên là Nhất Thiết Như Lai Bảo): Liên Hoa hợp chưởng.



Phật Nhãn Phật Mẫu (nhất thiết Như Lai bảo) thủ ấn - Liên hoa hợp chưởng

Phật Nhãn căn bản đại ấn (1)

Hai tay chấp hờ, hai ngón trỏ hơi cong lại, đè vào đốt thứ hai ở bên cạnh của ngón giữa. "Du Chỉ kinh" nói, hai ngón út hơi mở ra, còn "Đại Nhật kinh" lại viết hai ngón út, hai ngón vô danh lồng vào trong lòng bàn tay, ấn này là ấn của Ngũ Nhãn cụ túc.



Phật Nhãn căn bản đại ấn (1)

Phật Nhãn căn bản đại ấn (2)

Kim Cang hợp chưởng, hai ngón trỏ áp vào nhau cong lại, đầu ngón tay tiếp xúc nhau, hai ngón tay dựng thẳng đè nhẹ lên bên cạnh đầu ngón trỏ. Tên gọi là Thời xứ quĩ chi tam

nhãn cụ túc ấn, hoặc gọi là Nhất Nhãn cụ túc ấn, Kim nhãn ấn..., cũng có cách khác chắp hờ hai tay các ngón tay cong lại *(Loan khúc hư tâm hợp chưởng)*.



Phật Nhãn căn bản đại ấn (2)

THỦ ẤN CỦA BỒ TÁT BỘ

Địa Tạng Bồ Tát

Địa Tạng Bồ Tát (Phạn danh Ksitigarbha), là Bồ Tát có Bi nguyện rất lớn, do đó Phật giáo đồ thường xưng ngài làm Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, để tỏ rõ công đức đặc biệt này.

Đối với nguồn gốc về danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, trong "Địa Tạng Vương Bồ Tát Thập Luận kinh" nói rằng "An nhẫn bất động như đất đại, lặng lẽ suy tư hiểu bí tạng" nên được tên là "Địa Tạng"

An nhẫn bất động như đất đai, tức Nhẫn Ba La Mật Đệ nhất của Địa Tạng Bồ Tát, cũng như đất đai có thể mang tất cả nghiệp tội của hết thảy chúng sinh. Còn Lặng lẽ suy tư hiểu bí tạng thì nghĩa Tịnh Lự là hiển lộ rực rỡ sự bất khả tư nghị về trí huệ thiền định của ngài.

Ngoài ra, cũng có thuyết "Địa Tạng giả, Phục tạng dã". Chính là nói nhất thiết bảo tạng tàng ẩn trong đất đại đều là Địa Tạng. "Phục tạng" còn có một nghĩa khác, chính là đại biểu cho Phật tánh của chúng sinh, cũng tức Như Lai tạng, cũng chính là Phật tánh mà chúng sinh vốn có đầy đủ, có thể khiến chúng ta thành tựu được Phật quả viên mãn, cho nên chính là Nhất thiết bất khả tư nghì công đức Phục tạng.

Công đức Phục tạng này, có thể thỏa mãn tâm nguyện của hết thảy chúng sinh, là Mẫu thai để chúng sinh thành Phật ra đời. 'Địa" về mặt ý nghĩa của hiện tượng cụ thể, có các đặc tính như sinh trưởng, kiên cố, chủ trì vạn vật, bất động, quảng



Địa Tạng Bồ Tát

đại mẫu tánh..., do có thể sinh ra vạn vật, cho nên mang năng lực và sức mạnh của sự tàng trì bảo tạng (cất giữ kho báu). Cho nên dùng hình vật cụ thể này của "Địa" tượng trưng, để ví Bồ Tát cũng có được Phúc đức như thế.

Ở Trung Quốc, Địa Tạng Bồ Tát được xem là vị vua cứu độ địa ngục. Ở Nhật Bản, được xem như người thủ hộ của các nhi đồng, nhận được sự sùng ngưỡng rất phổ biến.

Địa Tạng căn bản ấn

Đây là thủ ấn của Bồ Tát Địa Tạng ở Địa Tạng viện trong Thai tạng giới – Kỳ ấn. Hai tay nội phược (hai ngón tay nằm trong lòng bàn tay), hai ngón tay giữa dựng đứng, đối diện nhau, hai ngón tay giữa tượng trưng cho hai thứ trang nghiêm là Phúc và Trí, tức có nghĩa là hai tay sinh Phúc, Trí, thọ dự nhất thiết chúng sinh. Vả chăng, hai ngón giữa dựng lên như hai cây cờ nên có tên gọi là Kỳ ấn (ấn cờ). Ấn này là Địa Tạng căn bản ấn.



Địa Tạng căn bản ấn

Lục Địa Tạng

Một số người cho rằng, Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở trong Địa ngục cứu độ chúng sinh nơi Địa ngục, kỳ thật ngài ở trong lục đạo đều có năng lực giáo hóa tế độ, đó chính là điều gọi là Lục Địa Tạng – Địa Tạng hóa lục đạo chúng sinh. Tên của Lục Địa Tạng, cũng theo Ta Bà thế giới có lục đạo chúng sinh mà gọi, thế giới của phương khác hoặc có Thất đạo, hoặc Tứ đạo... ngài cũng theo nhân duyên của phương khác mà nhất định hiện ứng hóa.

Danh xưng của Lục đạo Địa Tạng, các kinh điển có sự ghi chép bất nhất, nhưng về đại thể, đều bắt nguồn từ quyển 5 của

bộ "Đại Nhật kinh sớ", Lục thượng thủ trong cửu tôn ở viện Địa Tạng trong Thai Tạng giới, tức là: Bảo Xứ, Bảo Chưởng, Trì Địa, Bảo Ấn Thủ, Kiên Cố Ý.

Trong bộ "Thập Vương kinh" viết rõ thủ ấn của Lục Địa Tạng như sau:

1. Dự Thiên Hạ Địa Tạng .....Thuyết Pháp Ấn
2. Phóng Quang Vương Địa Tạng .....Thi Vô Úy Ấn.
3. Kim Cang Tràng Địa Tạng .....Thi Vô Úy Ấn
4. Kim Cang Bi Địa Tạng .....Tiếp Dẫn Ấn
5. Kim Cang Mật Địa Tạng .....Cam Lộ Ấn
6. Kim Cang Nguyện Địa Tạng .....Thành Biện Ấn

Văn Thù Bồ Tát

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Phạn danh Manjusri), dịch âm của Phạn danh là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Thất Lợi, còn có tên khác là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử (Phạn danh là Manjusri-Kumarahuta), hoặc Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Nhụ Đồng Văn Thù Bồ Tát. Trong Mật giáo lại có các Mật hiệu như Bát Nhã Kim Cang, Cát Tường Kim Cang, Đại Huệ Kim Cang, Biện Pháp Kim Cang... Còn trong bộ "Đại Thừa bản sinh tâm địa quán kinh" gọi là "Tam Thế Giác Mẫu Diệu Cát Tường". Cùng với Phổ Hiền Bồ Tát đồng là thị giả bên cạnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người đời gọi là "Hoa Nghiêm tam thánh"

Trong Mật giáo các chủng loại hình tượng của Văn Thù Bồ Tát, phân làm Nhất Tự, Ngũ Tự, Lục Tự, Bát Tự Văn Thù, trong đó Ngũ Kế Văn Thù quan trọng nhất.

Ngũ Tự Văn Thù (Phạn danh Manjughosa), dịch âm là Mạn Thù Già Sa. Tức là vị Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lấy năm chữ "A, La, Ba, Giả, Na" làm chân ngôn. "A" có nghĩa là bản tịch vô sinh (theo cách nói Tỳ Lô Giá Na), "La (ra)" có nghĩa là "Bản không ly trần" (A Chúng Phật thuyết); "Ba (pa)" có nghĩa là



Văn Thù Bồ Tát

Bản Chân vô nhiễm trước, ly cấu (Bảo Sinh Phật thuyết), "Tả (ca)" có nghĩa là Bản tịnh diệu hạnh (Quán Tự Tại Vương Như Lai thuyết); "Na" có nghĩa là Bản Không vô tự tánh (Bất Không Thành Tựu Như Lai thuyết)

Nhất Tự Văn Thù hay còn gọi là Nhất Kế Văn Thù, là vị Văn Thù Bồ Tát chỉ kết một búi tóc. Theo trong "Đại Phương Quảng Bồ Tát kinh" và "Căn Bản Nhất Tự Đà La Ni kinh" vì chân ngôn của là "Án Xí Lâm" nên gọi đó là Nhất Tự Văn Thù.

Bát Tự Văn Thù, Văn Thù Bồ Tát trong "Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát Tự Đà La Ni Tu Hành Mạn Đà La thứ đệ Nghi quĩ pháp" đưa ra Bát tự chơn ngôn là: "Án A Vị La Ngưu Khư Tả Lạc", nên gọi là Bát Tự Văn Thù. Bởi vì trên đỉnh có tám búi tóc nên lại được gọi là Bát Kế Văn Thù Bồ Tát. Thông thường tu pháp này trong các trường hợp tức diệt, khử trừ ác mộng.

Lục Tự Văn Thù tức là vị Bồ Tát Văn Thù dùng sáu chữ "Án phược Nan Đạm Nạp Mạc" làm chơn ngôn. Vị Bồ Tát này trú ở cảnh giới tam muội diệt tội điều phục, chân ngôn có sáu chữ, nên gọi là Lục Tự Văn Thù. Nếu như hành giả muốn vãng sinh cực lạc hoặc cầu trường thọ, có thể tu pháp Lục Tự Văn Thù.

Thủ ấn của Văn Thù Bồ Tát (1)

Hai tay chấp hờ lại, hai ngón giữa, ngón vô danh dựa vào nhau còn hai ngón trỏ đặt lên trên hai ngón cái, như hình lưỡi câu.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thủ ấn (1)

Thủ ấn của Văn Thù Bồ Tát (2)

Ấn này xuất phát từ "Lý Thú kinh". Hai tay bắt Kim Cang quyền, quyền bên trái đặt trên gối trái, như trì Phạn khiếp, quyền bên phải đặt trên gối phải, như đang giữ kiếm.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thủ ấn (2)

Thủ ấn của Văn Thù Bồ Tát (3)

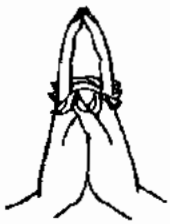
Ấn này xuất phát từ "Lý Thú kinh". Tay trái bắt Trì Hoa ấn, tay ngón trỏ cong lại đặt vào ngón cái, ba ngón còn lại dựng thẳng, như đang cầm cành hoa, sau đó đặt lên ngực; còn tay phải bắt Kiếm ấn, tức là lấy ngón cái đè lên móng của ngón vô danh và ngón út, hai ngón còn lại dựng đứng, tiếp theo dùng kiếm ấn của tay phải chém vào Trì Hoa ấn của tay trái ba lần, có nghĩa là cắt đứt chấp trước của phàm phu.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thủ ấn (3)

Ngũ tự Văn Thù kim cang kiếm ấn

Hai tay ngoại phược (hai tay đan vào nhau, các ngón tay nằm ở ngoài), hai ngón giữa dựng thẳng, tiếp xúc nhau ở đầu ngón, ngón tay hơi cong như hình kiếm, còn có tên là Văn Thù kiếm ấn, Kim Cang Lợi Bồ Tát ấn ở hội Tam muội gia của Kim Cang giới.



Ngũ tự Văn Thù kim cang kiếm ấn

Ngũ Kế Ấn

Ngón vô danh ở tay phải đè lên đầu ngón tay út của tay trái, sau đó dùng ngón út tay phải đè lên đầu ngón vô danh tay trái. Còn hai ngón giữa, ngón trỏ, ngón cái đều tiếp xúc nhau ở đầu ngón, ấn này hình dạng như năm ngọn núi. Đặt ấn này lên tim, vai, cổ họng, và trên đỉnh đầu. Hơi khác với cách trong "Giác thiền sao" nói đến, là hai tay Kim Cang hợp chưởng, dùng ngón út tay phải đè lên mặt ngón giữa tay trái, còn ngón giữa tay phải đè lên mặt ngón trỏ tay trái, còn hai ngón cái dựng thẳng, ấn này có tên là Ngũ Tự Văn Thù Sư Lợi ấn.



Ngũ kế ấn

Bát tự Văn Thù ấn

Hai tay chấp hờ, đem hai ngón giữa đặt lên lưng hai ngón vô danh, hai ngón cái dựng thẳng, hai ngón trỏ cong lại đặt lên đầu ngón cái. Theo ghi chép trong "Đại Nhật kinh. Mật ấn phẩm" đây là ấn của Thai Tạng Văn Thù viện. Ngón giữa, ngón vô



Bát tự Văn Thù thủ ấn

danh, ngón út đại biểu cho hoa sen xanh, ngón cái, ngón trỏ thành hình kiếm, tức biểu thị hình Tam muội gia.

Bát tự Văn Thù đại tinh tấn ấn



Bát tự Văn Thù đại tinh tấn ấn

Hai tay nội phược (hai bàn tay đan lại., ngón tay nằm trong lòng bàn tay), hai ngón cái dựng thẳng, nhưng giữa hai ngón cái và hai cái trỏ có hai cách là Khải (mở ra), Bế (đóng lại); khi Khải thì như miệng sư tử mở to, nuốt hết phiền não, bất tường của nhất thiết chúng sinh; khi Bế thì như miệng sư tử sau khi đã ăn nuốt xong, nên ấn này còn được gọi là Sư Tử khẩu, hoặc còn có tên là Đại Tinh Ấn ấn, Nhất Thiết Vô Úy ấn, Sư Tử Quán ấn, Sư Tử Thủ ấn, Văn Thù Sư Tử Khẩu ấn, Bảo Châu ấn, Diệu cát tường phá chư túc dục ấn, Phá túc diệu chứng ấn, Phá Thất diệu nhất nhất thiết Bất tường ấn... và tương đồng với Phật bộ tâm tam muội gia

Lục tự Văn Thù

Hai ngón tay vô danh cong vào lòng bàn tay lấy ngón phải đè lên ngón trái hình thành thế móc lẫn nhau, hai ngón út, ngón giữa dựng thẳng dựa vào nhau. cong hai ngón trỏ đè lên đốt đầu tiên của hai ngón giữa. Đồng thời ngón trỏ tới lui



Lục tự Văn Thù

Phổ Hiền Bồ Tát

Phổ Hiền Bồ Tát (Phạn danh Samantabhadra); dịch âm là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, dịch nghĩa là Biến cát, tức là vị Bồ Tát đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, thị hiện khắp hết thảy Phật sát, cho nên Phật giáo đồ thường tôn xưng ngài là Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, để tỏ rõ công đức đặc biệt này.

Trong quyển thứ nhất của "Đại Nhật kinh sớ" viết: "Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ có nghĩa là khắp cả mọi nơi, Hiền có nghĩa là nuôi dưỡng tối diệu thiện". Ý nói Phổ Hiền Bồ Tát y theo hạnh nguyện mà Bồ Đề Tâm sở khởi, là bình đẳng với Thân, Khẩu, Ý, khắp tất cả nơi, thuần nhất diệu thiện, đầy đủ chúng đức, nên có tên là Phổ Hiền.

Mật giáo xem Phổ Hiền biểu thị Bồ Đề tâm, cho rằng ngài đồng một thể với Kim Cang Thủ, Kim Cang Tát Đỏa, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Bồ Tát.

Phổ Hiền đại biểu cho Lý đức và Định đức của hết thảy chư Phật, đối lại với Trí đức và Chứng đức của ngài Văn Thù. Hai ngài đều là hai đại thị giả bên cạnh đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài Văn Thù cỡi Sư tử, ngài Phổ Hiền cỡi voi, biểu thị Lý và Trí tương túc, Hạnh và Chứng tương ưng.

Phổ Hiền Bồ Tát là đại biểu cho Bồ Tát Đại thừa, tượng trưng cho sự rốt ráo của tinh thần Đại thừa. Trong "Hoa Nghiêm kinh" nói rõ là nhất thiết Phật pháp đều qui về Tỳ Lô Giá Na Như Lai và hai vị Đại sĩ Văn Thù, Phổ Hiền, ba ngài được gọi chung là "Hoa Nghiêm tam thánh", trong đó Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho bản thể đức hạnh của hết thảy Bồ Tát.



Phổ Hiền Bồ Tát

Phổ Hiền Bồ Tát căn bản ấn

Hai tay ngoại phược (hai bàn tay đan lại, các ngón tay nằm ngoài), đầu hai ngón giữa tiếp xúc nhau dựng thẳng đứng, còn có tên là Tam muội gia ấn, Căn bản ấn.



Phổ Hiền Bồ Tát căn bản ấn

Phổ Hiền Bồ Tát thủ ấn

Đây tức là thủ ấn của Phổ Hiền Bồ Tát trong Bát Diệp viện của Thai tạng giới trung đài. Hai tay chắp lại, mười ngón khép chặt, lòng hai bàn tay hở ra thành hình tròn.



Phổ Hiền Bồ Tát thủ ấn

Phổ Hiền ngoại ngũ cổ ấn

Hai tay ngoại phược, các ngón giữa, ngón cái, ngón út dựa vào nhau và dựng thẳng, hai ngón trỏ cong lại như hình móc câu, để ở lưng của hai ngón giữa, nhưng không sát vào. Thành

hình năm cái chày dựng lên, biểu thị cho Ngũ trí Kim Cang. Ngũ Cổ ấn còn có tên là Đại Yết Ma ấn, Ngũ Phong ấn, Ngũ Đại ấn. Ngoài ra, Ngoại Ngũ Cổ ấn lại có các tên gọi khác như: Ngoại Phược Ngũ Cổ ấn, Trí Tháp ấn, Đại Tốt Đô Bà ấn, Thập Chân Như ấn...



Phổ Hiền ngoại ngũ cổ ấn

Phổ Hiền nhất thiết chi phân sinh ấn

Hai tay làm thế Liên hoa hợp chưởng, hai ngón cái dựng thẳng, đầu ngón hơi cong lại. Đây vốn là Nhất Thiết Chi Phân Sinh ấn trong Đại Nhật Kinh Bí Mật Bát ấn. Ví như nhập Phật tam muội gia ấn, thì hai ngón tay cái trở thành hình tượng cái bình nhỏ, dùng để quán tưởng đựng đầy nước Đại bi trí, ban cho hết thảy chúng sinh, nhưng hình dạng của ấn là hợp chưởng hơi hé mở, hai ngón cái cong lại nhưng đứng riêng rẽ, như đang vốc nước.

Phổ Hiền nhất thiết chi phân sinh ấn



Phổ Hiền diên mệnh Bồ Tát

Phổ Hiền Bồ Tát có đức tính tăng ích, diên mệnh (kéo dài tuổi thọ). Khi ngài trú trong cảnh giới Tăng ích diên mệnh tam muội, trở thành Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát (Samanta – bhadrayuh)

Dựa theo ghi chép của kinh điển Mật giáo, nếu chúng sinh có thể y pháp tu trì và cầu khẩn đối với vị Bồ Tát này, ắt "Khi chết không bị đọa vào tam ác đạo, nhất định tăng được thọ mệnh. Không bị nỗi sợ hãi chết trẻ đoản mệnh, cũng không có nỗi sợ hãi về ác mộng, bị bùa chú trù ếm hoặc các La sát quỉ thần ác hình. Cũng không bi hại bởi nước, lửa, đao, binh, đầu độc".

Thủ ấn của Phổ Hiền diên mệnh Bồ Tát

Hai tay bắt Kim Cang quyền, hai ngón trỏ duỗi ra, ngón bên phải đè ngón bên trái, móc vào nhau, đặt lên đỉnh đầu. Ngón trỏ bên trái, chỉ (Phong) là tức phong của sự sinh diệt ở phàm phu, ngón trỏ bên phải thố (phong) là chỉ mệnh phong của Phật giới Kim Cang bất hoại, hai tướng móc vào nhau biểu thị mệnh phong phân đoạn của chúng sinh và đệ nhất mệnh của Như Lai thường trụ kết hợp, tiến vào bàn bất sinh tế (thế giới vốn không sinh), tức là thọ mệnh kinh cang nhất như của chúng sinh, chư Phật, để thành tựu việc diên mệnh (kéo dài sự sống)



Phổ Hiền diên mệnh Bồ Tát thủ ấn

Di Lặc Bồ Tát

Di Lặc Bồ Tát (Phạn danh Maitreya), dịch âm là Di Đế Lễ, Mai Đát Lệ Dược, hoặc Mai Nhiệm Lệ, dịch nghĩa là Từ Thị. Là vị Bồ Tát sẽ giáng sinh vào tương lai, tiếp nối đức Thích Tôn mà thành Phật cho nên còn được gọi là Nhất Sinh Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Tát Đóa hoặc Di Lặc Như Lai.

Di Lặc Bồ Tát hiệu là Từ Thị (họ từ bi), về sự xác lập của danh hiệu này vốn là có từ bản nguyện sở hạnh của ngài. Về mặt duyên khởi, ngài đời đời kiếp kiếp đều tu tập từ tâm tam muội, hành Tứ hạnh, cứu độ chúng sinh. Công đức đặc biệt của Di Lặc Bồ Tát sau khi nhổ trừ sự đau khổ của chúng sinh, còn tiến thêm một bước là ban cho chúng sinh pháp an lạc.

Trong bộ "Nhất Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thực Nhục kinh" viết, Di Lặc Bồ Tát phát tâm không ăn thịt, vì nhân duyên này mà có tên là Từ Thị. Còn quyển thứ nhất của bộ "Đại nhật kinh sớ" ghi rằng, Từ Thị Bồ Tát lấy Từ tâm trong tứ vô lượng của Phật làm đầu, Từ tâm này được sinh ra từ trong Như Lai chủng tánh có thể khiến cho hết thảy thế gian không bị dứt Phật chủng (giống Phật) nên xưng là Từ Thị.

Di Lặc Bồ Tát trong Mạn đà la của Kim Cang giới thuộc về một trong Thập lục tôn của Hiền kiếp, an trú ở cực Bắc phía đông của Tam muội gia hội, còn về hình tượng của ngài thì có rất nhiều cách mô tả, hiện nay hình tượng của ngài trong tranh vẽ Thai Tạng Mạn đà la là Thân có màu hồng của da thịt, đầu đội mão ngọc, trong mão có Tốt Đô Bà, tay trái kết ấn Thí Vô Úy, tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có bình báu. Ngoài ra còn có các tôn hình khác truyền thế, như Di Lạc 30 tay... "Bố Đại hòa thượng" của Trung Quốc, từ trước đến nay đều xem như là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Ngài có bụng to, khuôn mặt tươi cười, trở thành hình tượng chỉ có ở trong các chùa Phật của Trung Quốc.



Di Lặc Bồ Tát

Thủ ấn của Di Lặc Bồ Tát (1) - Tối Pháp bà ấn

Ấn này biểu thị nghĩa Di Lặc Bồ Tát có tất cả pháp thân tháp. Đối với tất cả ái kiến phiền não cho đến vật nhị thừa tất bất năng thắng thì đều thắng được, biết trì tánh của hết thảy chúng sinh, tương ưng mà khởi nghĩa Từ, còn có tên là Phát sinh phổ biến đại bi tâm tam muội gia ấn. Hai tay chắp hờ, hai ngón cái sát nhau dựng thẳng, đặt vào gốc của ngón giữa, hai ngón trỏ cong lại đè nhẹ lên đầu của ngón cái.



Di Lặc Bồ Tát thủ ấn (1) - Tối thắp bà ấn

Thủ ấn của Di Lặc Bồ Tát (2) - Liên hoa hợp chưởng

Đây là thủ ấn của Di Lặc Bồ Tát ở Bát Điệp viện trong Thai Tạng giới trung đài, là Liên hoa hợp chưởng.



Di Lặc Bồ Tát thủ ấn (2) - Liên hoa hợp chưởng

Thủ ấn của Di Lặc Bồ Tát (3)

Đây là thủ ấn của Di Lặc Bồ Tát trong Thành thân hội của Kim Cang giới. Chắp hờ hai tay lại, móng tay của hai ngón trỏ cong lại tiếp xúc nhau, hai ngón cái đè lên bên cạnh ngón trỏ.



Di Lặc Bồ Tát thủ ấn (3)

Đại Thế Chí Bồ Tát

Đại Thế Chí Bồ Tát (Phạn danh Mahã – Sthãma – Prãpta), còn dịch là Ma Ha Na Bát, Đắc Đại Thế, Đại Thế Chí, Đại Tinh Tấn, hoặc gọi tắt là Thế Chí. Theo "Quán Vô Lượng Thọ kinh": Vị Bồ Tát này có ánh sáng trí huệ phổ chiếu hết thảy, khiến chúng sinh rời xa tam ác đạo, đắc vô thượng lực, nên được gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát. Ngài cùng Quán Thế Âm Bồ Tát đồng là thị giả bên cạnh A Di Đà Phật. Di Đà, Quan Âm, Thế Chí hợp xưng là "Tây Phương Tam Thánh", phân biệt tượng trưng cho Bi và Trí của Đức Di Đà.

Theo ghi chép trong "Lăng Nghiêm kinh", Đại Thế Chí Bồ Tát nhân địa niệm Phật tam muội. Do đó, ngài cũng dùng Pháp môn niệm Phật để giáo độ chúng sinh. Trong kinh nói: Mười phương chư Phật Như Lai, có tâm thương nhớ chúng sinh, cũng như người mẹ nhớ về con cái, nếu như tâm của chúng sinh cũng nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai, nhất định được gặp cõi Phật.

Do đó, pháp niệm mà ngài khai thị là: "Đô Nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc tam ma địa, tư vi đệ nhất (nhiếp cả sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) lại, tịnh niệm liên tục không dứt, thì đắc được tam ma địa, đó mới là đệ nhất). Pháp môn này, đời sau trở thành chuẩn mực quan trọng của hành giả Tịnh độ ở Trung Quốc.

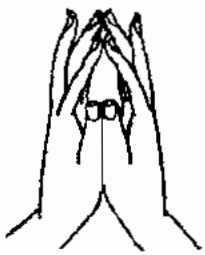
Còn trong bộ "Thất Phật Bát Bồ Tát Thần Chú kinh" và "Dược Sư Bản Nguyện kinh" của Mật giáo, địa vị Bồ Tát này được xếp vào một trong bát đại Bồ Tát, các kinh điển của hệ thống Đại Nhật Kinh, xếp thuộc vào Quan Âm bộ, mật hiệu là Trì Luận Kim Cang, Trì Quang Kim Cang, Chuyển Luân Kim Cang, Không Sinh Kim Cang.



Đại Thế Chí Bồ Tát

Thủ ấn của Đại Thế Chí Bồ Tát thủ ấn

Chắp hờ hai tay, mười ngón tay cong vào trong như trạng thái của hình tròn, như hoa sen chưa nở, tiếp theo đem hai ngón tay giữa hơi mở ra ngoài, tức là Vị phu Liên Hoa ấn. Hư tâm hợp chưởng cho đến Vị phu Liên Hoa, cũng giống như rương báu của Như Lai vừa mở cũng vừa khép.



Đại Thế Chí Bồ Tát thủ ấn

Hư Không Tạng Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát (Phạn danh là ākasa-garbha), dịch là Hư Không Dụng Bồ Tát. Vì vị Bồ Tát này có đầy đủ Phúc, Trí, hai tạng, vô lượng vô biên, giống như hư không vậy, nên có tên như vậy. Trong Mật giáo, vị Bồ Tát này là chủ tôn trong Hư Không Tạng viện của Thai tạng Mạn đà la, và là thị giả phía bên phải của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong Thích Ca viện, cũng là một trong Thập lục tôn Hiền Kiếp của Kim Cang giới.

Theo ghi chép trong "Hư Không Tạng Bồ Tát thần chú kinh", Thế Tôn đối với vị Bồ Tát này vô cùng tán thán, nói vị này có Thiền định như hải, Tịnh giới như sơn, Trí như hư không, Tinh Tấn như phong, Nhẫn như Kim Cang, Huệ như Hằng sa. Là pháp khí của chư Phật, là nhãn mục của chư thiên, là chính đạo của con người, là nơi nương tựa của súc sinh, là nơi qui về của ngạ quỉ, là pháp khí cứu hộ chúng sinh trong địa ngục, nên thọ sự cúng dường tối thắng của hết thảy chúng sinh. Từ điều này có thể thấy được công đức thù thắng của vị Bồ Tát này.

Hư Không Tạng thủ ấn (1) - Tam muội gia ấn

Kết Kim Cang phược ấn, các đầu ngón tay chụm vào nhau như hình ngọc báu, ngón cái dựng thẳng đặt ngay giữa. Kim



Hư Không Tạng Bồ Tát



Hư Không Tạng thủ ấn (1)
- Tam muội gia ấn

Cang phược này là ngoại phược, trong bộ "Bạch bảo Khẩu sao" ghi nghĩa là nội phược. Đây là căn bản của Hư Không Tạng Bồ Tát.

Hư Không Tạng thủ ấn (2)

Chấp hờ hai tay, hai ngón cái gấp lại, nằm trong lòng bàn tay, đây là Hư Không Tạng trong Thai Tạng bộ. Chơn ngôn giống như trên



Hư Không Tạng Bồ Tát thủ ấn (2)

Hư Không Tạng thủ ấn (3)

Năm ngón tay phải ngửa lên trên như sắp duỗi ra, ngón trỏ, ngón cái nắm lại, như đang vò nhang, đốt thứ hai của ngón trỏ cong lại, nhưng đốt thứ nhất cố gắng duỗi thẳng, hoặc là tay phải nắm thành quyền, ngón trỏ, ngón cái nắm lại như hình châu báu.



Hư Không Tạng Bồ Tát thủ ấn (3)

Hư Không Tạng thủ ấn (4) - Hư Không Tạng ấn

Đây là thủ ấn của Hư Không Tạng Bồ Tát trong viện Thích Ca của Thai Tạng Mạn đà la, tên là Hư Không Tạng ấn. Cách kết ấn là chắp hờ hai tay (Hư tâm hợp chưởng), hai ngón trỏ đan lại dưới hai ngón giữa, ngón cái cắm vào lòng bàn tay.



Hư Không Tạng Bồ Tát thủ ấn
(4) Hư Không tạng ấn

Hư Không Tạng thủ ấn (5)

Đây là thủ ấn của Hư Không Tạng Bồ Tát trong Hư Không Tạng viện của Thai Tạng Mạn đà la. Cách kết ấn là hư tâm hợp chưởng, ngón cái bẻ cong vào lòng bàn tay, hai ngón trỏ cong lại đặt lên ngón cái. Chân ngôn giống như trên.



Hư Không Tạng Bồ Tát
thủ ấn (5)

Hư Không Tạng thủ ấn (6)

Ấn này xuất phát từ đoạn thứ 5 trong "Lý Thú kinh", giống như Hư Không Tạng Tam muội gia ấn. Hai tay ngoại phược hai ngón trỏ cong vào nhau thành hình châu báu, hai ngón cái dựng thẳng sát vào nhau, đặt ở trên đỉnh đầu.



Hư Không Tạng Bồ Tát thủ ấn (6)

Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát

Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát, còn được gọi là Ngũ Đại Kim Cang Hư Không Tạng. Tức năm vị Bồ Tát là Pháp Giới Hư Không Tạng, Kim Cang Hư Không Tạng, Bảo Quang Hư Không Tạng, Liên Hoa Hư Không Tạng, Nghiệp Dụng Hư Không Tạng. Hay còn được gọi là Giải Thoát Hư Không Tạng, Phúc Trí Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Thi Nguyện Hư Không Tạng, Vô Cấu Hư Không Tạng; hoặc xưng là Trí Huệ Hư Không Tạng, Ai Kính Hư Không Tạng, Quan Vị Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Phúc Đức Hư Không Tạng, nghĩa là gồm các vị Phật Đại Nhật, A Chúng, Bảo Sinh, Di Đà, Thích Ca trụ trong cảnh giới thành tựu Ngũ Trí Tam muội mà thành lập năm vị đại Bồ Tát này.

Năm vị Bồ Tát này phân biệt cưỡi trên sư tử, voi, ngựa, khổng tước, chim Ca Lâu La. Ấn tướng của tổng ấn là Ngoại Ngũ cổ ấn, hai ngón giữa kết hình châu báu rồi quán tưởng hình châu báu này trên đầu bốn ngón tay còn lại.

Hình tượng của Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát, theo ghi chép trong "Du Già Du Chi kinh" - Kim Cang Cát Tường Đại



Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát

Thành Tựu phẩm". Trong Nhất đại viên minh vẽ năm vòng tròn, ở giữa vẽ màu trắng của Pháp Giới Hư Không Tạng, tay trái cầm câu, tay phải cầm bảo; vòng tròn ở trước (phía đông) vẽ màu vàng của Kim Cang Hư Không Tạng, tay trái cầm câu, tay phải cầm bấu Kim Cang; vòng tròn bên phải (phía nam) vẽ màu xanh của Bảo Quang Hư Không Tạng, tay trái cầm câu, tay phải cầm tam biên bảo (vật báu ba cánh), phóng đại quang minh; vòng tròn phía sau (tây) vẽ màu đỏ của Liên Hoa Hư Không Tạng, tay trái cầm câu, tay phải cầm hoa sen màu đỏ thắm; vòng tròn phía bên trái (phía bắc) vẽ màu đen tím của Nghiệp Dụng Hư Không Tạng, tay trái cầm câu, tay phải cầm Kim Cang bảo.

Thủ ấn của Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát - Ngoại ngũ cổ ấn



Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát thủ ấn (1) - Ngoại ngũ cổ ấn

Cùng với Ngoại ngũ cổ ấn, hai tay ngoại phược (hai tay đan vào nhau các ngón tay nằm bên ngoài), hai ngón cái, hai ngón giữa và hai ngón út dựng thẳng, đầu ngón tay tiếp xúc nhau, hai ngón trỏ cong lại như dạng lưỡi câu, nhưng hai đầu ngón giữa chạm vào nhau thành bảo hình, dùng để quán tưởng viên ngọc quí, các ngón còn lại cũng quán tưởng như vậy.

Thủ ấn của Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát (2) - Nội ngũ cổ ấn

Giống như nội ngũ cổ ấn. Hai tay nội phược, hai ngón cái, ngón giữa, ngón út dựng thẳng, đầu ngón tay tiếp xúc nhau, hai ngón trỏ cong lại như hình câu. Đặt ở lưng bên cạnh của hai ngón giữa nhưng không chạm vào, hai ngón giữa kết thành bảo hình, để quán tưởng Ngũ Phong đều có bảo châu.



Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát
thủ ấn (2) - Nội ngũ cổ ấn

Thủ ấn của pháp giới Hư Không Tạng

Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng vào nhau như bảo hình.



Pháp giới Hư Không Tạng
thủ ấn

Thủ ấn của kim cang Hư Không Tạng

Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng vào nhau như bảo hình, hai ngón trỏ cong lại như ba phần.



Kim cang Hư Không Tạng
thủ ấn

Thủ ấn của bảo quang Hư Không Tạng

Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa, hai ngón trỏ dựng thẳng dựa vào nhau như hình châu báu (bảo hình).



Bảo quang Hư Không Tạng
thủ ấn

Thủ ấn của liên hoa Hư Không Tạng

Như thủ ấn của Pháp Giới Hư Không Tạng, nhưng hai ngón trỏ cong lại như dạng lá sen, hai ngón giữa dựng thẳng vào nhau như hình châu báu (bảo hình).



Liên hoa
Hư Không Tạng thủ ấn

Thủ ấn của nghiệp dụng Hư Không Tạng

Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng vào nhau như bảo hình, hai ngón trỏ, hai ngón vô danh dựng thẳng đan vào nhau.



Nghiệp dụng
Hư Không Tạng thủ ấn

Đại Tùy Cầu Bồ Tát

Đại Tùy Cầu Bồ Tát (Phạn danh là Mahã – Pratisãra), dịch âm là Ma Ha Bát La Đệ Tát Lạc, gọi tắt Tùy Cầu Bồ Tát, mật hiệu là Dữ Nguyện Kim Cang. Có vị trí ở trong Quan Âm viện của Thai Tạng Mạn đà la. Vị Bồ Tát này có thể tùy theo cầu nguyện của chúng sinh mà giải trừ khổ ách, diệt ác thú, viên mãn sở nguyện của chúng sinh, do đó mới có danh hiệu là "Tùy Cầu" (nghe theo lời cầu xin)

Công đức của Đại Tùy Cầu Bồ Tát, chủ yếu là biểu hiện bằng câu chú "Tùy cầu tức đắc đại tự tại đà la ni". Theo ghi chép trong "Đại Tùy Cầu Đà La kinh", nếu người nghe thấy lời chú này, thì có thể tiêu diệt được tội chướng. Nếu đọc tụng thọ trì,



Đại Tùy Cầu Bồ Tát

tức lửa không thể đốt, đạo không thể hại, độc không thể xâm nhập, được sự thù hộ của hết thảy hộ pháp. Nếu viết chú này lên tay hoặc lên trán, được sự gia trì của nhất thiết Như Lai.

Hình tượng của vị Bồ Tát này, có thân màu vàng, tám cánh tay mão ngọc đội trên đầu có hóa Phật. Tám cánh tay mỗi tay kết ấn khế, nên có Bát ấn. Theo trong "Đại Tùy Cầu Đắc Đại Đà Na Minh Vương Sám Hối Pháp" ghi rằng có tới "Tùy Cầu Bát ấn" (Tám ấn Tùy Cầu).

Ấn thứ nhất của Tùy Cầu bát ấn - Ngũ cổ ấn

Hai tay nội phược, hai ngón cái, ngón giữa, ngón út dựng thẳng, đầu ngón tay tiếp xúc nhau, hai ngón trỏ cong lại như lưỡi câu. Đặt trên lưng hai ngón giữa nhưng không dựa vào, hai ngón giữa làm thành bảo hình, để quán tưởng Ngũ Phong đều có bảo châu.



Tùy Cầu bát ấn (1) - Ngũ cổ ấn

Ấn thứ hai của Tùy Cầu bát ấn - Việt phủ ấn

Duỗi thẳng các ngón của hai tay, bàn tay trái úp, bàn tay phải ngửa, lưng bàn tay dựa vào nhau, mười ngón tay đan lại như hình búa nên được gọi là phủ việt (búa rìu)



Tùy Cầu bát ấn (2)
- Việt phủ ấn

Ấn thứ ba của Tùy Cầu bát ấn - Sách ấn

Hai tay nội phược, hai ngón giữa dựng thẳng tương hợp thành hình tròn, như sợi dây



Tùy Cầu bát ấn (3) - Sách ấn

Ấn thứ tư của Tùy Cầu bát ấn - Kiếm ấn



Tùy Cầu bát ấn (4) - Kiếm ấn

Ấn thứ năm của Tùy Cầu bát ấn - Luân ấn

Hai tay ngoại phược, hai ngón vô danh dựng thẳng, hai đầu ngón tay tương hợp, ngón út duỗi ra đan vào nhau, như hình bánh xe.



Tùy Cầu bát ấn (5) - Luân ấn

Ấn thứ sáu của Tùy Cầu bát ấn - Tam kích ấn

Hư tâm hợp chưởng, dùng hai ngón tay cái đè lên móng của ngón út, hai ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh dựng thẳng vào nhau, giữa các ngón tay cách nhau một khoảng như dạng tam kích xoa, thể hiện ba cây kích chụm lại.



Tùy Cầu bát ấn (6) - Tam kích ấn

Ấn thứ bảy của Tùy Cầu bát ấn - Bảo ấn

Hai tay ngoại phược, hai ngón cái dựng thẳng vào nhau, hơi cong lại thành hình châu báu (bảo hình).



Tùy Cầu bát ấn (7) - Bảo ấn

Ấn thứ tám của Tùy Cầu bát ấn - Phạn khiếp ấn

Hai tay duỗi bình thường, tay trái ngửa lên, tay phải úp ở phía trên, lòng bàn tay hơi cong lại. Là thủ ấn của Đại Tùy Cầu Bồ Tát tức dụng trong Quan Âm viện ở Thai Tạng Mạn đà la. Ấn này đồng thời cũng là Tùy Tâm ấn của Đại Tùy Cầu Bồ Tát.



Tùy Cầu bát ấn (8) - Phạm khiếp ấn

Kim Cang Tát Đóa

Kim Cang Tát Đóa (Phạn danh: Vajra sattva), là đệ nhị tổ truyền pháp của Mật giáo. Vajra (Phược Nhật La) có nghĩa là Kim Cang (Sattva) hoặc được gọi là Kim Cang Thủ, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ, Trì Kim Cang Cụ Huệ Giả, Kim Cang Thượng Thủ, Đại Dược Kim Cang, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Tát Đóa, Phổ Hiền Kim Cang Tát Đóa, Kim Cang Thắng Tát Đóa, Kim Cang Tạng, Chấp Kim Cang, Bí Mật Chủ. Mật hiệu là Chân Như Kim Cang hoặc Đại Dũng Kim Cang. Vì vị Bồ Tát này lấy việc Tịnh Bồ đề tâm kiên cố bất động dũng cảm hàng phục hết thảy ngoại đạo hữu tình, nên gọi là Đại Dũng. Lấy Tịnh Bồ đề tâm là thể dựa vào về căn bản của Hằng sa công đức nên gọi là Chân Như.

Trong Mạn đà la của Kim Cang giới, vị Bồ Tát này là một trong tứ thân cận của Đông Phương A Chúng Như Lai, được sinh ra từ thể tánh của Nhất Thiết Như Lai Bổ Đề Kiên Lao, vốn là một trong 16 vị Bồ Tát của Kim Cang giới.

Thủ ấn của Kim Cang Tát Đóa trong lý thú kinh (1)

Hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng như cây kim, hai ngón út, ngón cái dựng thẳng dựa vào nhau, đây là ấn của Kim Cang Tát Đóa ở Tam muội gia hội, tham chiếu Ngũ Cổ ấn.



Lý thú kinh Kim Cang Tát Đóa thủ ấn (1)



Kim Cang Tát Đóa

Thủ ấn của Kim Cang Tát Đóa (2)



Kim Cang Tát Đóa thủ ấn (2)

Ấn này xuất phát từ Lý Thú kinh, hai tay bắt Kim Cang Quyền. Quyền bên phải ngửa lên đặt ở trên ngực phải, quyền bên trái úp xuống để ở hông bên trái. Đây là Linh Trí chữ ấn của Kim Cang Tát Đóa. Quyền bên phải giơ lên xuống ba lần, như đang múa chày, hoặc đem năm ngón tay giơ ra, phất lên xuống ba lần, nhưng cánh tay phải có động theo hay không, thì mỗi nhà có cách nói khác nhau.

Kim Cang Tát Đóa ngũ bí mật đại bộc cổ ấn



Kim Cang Tát Đóa ngũ bí mật đại độc cổ ấn

Xuất phát từ đoạn thứ 17 của Lý thú kinh, tức là Đại độc cổ ấn, Cực Hỷ tam muội ấn, giống với Vật ấn trong Lý thú kinh. Hai tay ngoại phược, hai ngón cái, hai ngón út dựng thẳng, đầu ngón tay hướng mặt về nhau tương hợp, như hình mũi tên đặt trên cung độc cổ của Bồ Đề tâm, còn hai ngón giữa tức là mũi tên trí tuệ của Định Huệ bất nhị, hoặc là mũi tên của đồng thể đại bi. Ấn này còn được gọi là Hỷ Duyệt tam muội gia ấn, Duyệt Hỷ tam muội gia ấn, Đại tam muội gia chân thật ấn, Đại Thệ Chân Thật Khế, Đại Lạc Kim Cang Bất Không tam muội gia tùy tâm ấn, nhất thiết chư Phật Như Lai An Lạc Duyệt Ý Hoan Hỉ tam muội gia ấn, Phổ Hiền Bồ Tát tam muội gia ấn, Đại Dục ấn.

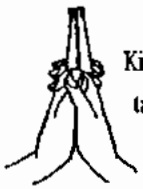
Kim Cang Tát Đóa yết ma ấn



Kim Cang Tát Đóa yết ma ấn

Giống với Đoạn Đoạn ấn của Lý thú kinh cũng như ấn của Kim Cang Tát Đóa ở Sơ tập hội.

Kim Cang Tát Đóa tam muội gia ấn



Kim Cang Tát Đóa tam muội gia ấn

Là thủ ấn của Kim Cang Tát Đóa trong Tam muội gia hội của Kim Cang giới. Cách kết ấn: hai tay ngoại phược, hai ngón giữa dựng thẳng sát vào nhau.

Vô Tận Ý Bồ Tát

Vô Tận Ý Bồ Tát (Phạn danh Aksaya-mati),còn được dịch là Vô Tận Huệ Bồ Tát, Vô Lượng Ý Bồ Tát. Đối với danh xưng Vô Tận Ý, trong "Đại Phương Đẳng Đại Tập kinh" viết: Nhân duyên quả báo của nhất thiết chư pháp tên là Vô Tận Ý. nhất thiết chư pháp bất khả tận, ý tức là Phát Bồ đề tâm bất khả tận cho đến Phương tiện cũng là vô tận.

Quyển thượng "Quan Âm nghĩa sớ" viết: Phàm Bát Thập vô tận, Bát Thập vô tận tất năng hàm thọ nhất thiết Phật Pháp, do đó có tên là Vô Tận Ý.

Ngoài ra, trong quyển thứ 10 "Quan Thế Âm Phổ Môn Phẩm" của "Pháp Hoa Kinh Huyền Tán" viết: Vô Tận Ý Bồ Tát, hành các diệu hạnh như Lục độ, Tứ nhiếp... và phát nguyện độ chúng sinh, đợi chúng sinh giới hết (không còn) thì ý nguyện phổ độ chúng sinh của Bồ Tát mới không còn. Nếu chúng sinh chưa hết, ý nguyện của Bồ Tát cũng không hết, cho nên mới gọi là Vô Tận Ý.

Trong quyển thứ 17 "Vô Tận Ý Bồ Tát phẩm" của bộ "Pháp Hoa Kinh Huyền Tán" thuật lại chuyện vị Bồ Tát này vì muốn ngài Xá Lợi Phất gặp Phổ Hiền Như Lai ở Bất Tuần thế giới, nên nhập Phật thổ Tam muội, chấp tay làm lễ vị Phật này, rải hương hoa vi diệu để cúng dường.

Khi hương hoa rải đến thế giới của Phổ Hiền Như Lai, chư Bồ Tát ở nước đó nhìn thấy, đều hoan hỉ muốn gặp Thích Ca Văn Phật và Đại Chúng của Ta Bà thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát



Vô Tận Ý Bồ Tát

liền phóng hào quang Đại giác chiếu diện Ta Bà thế giới, khiến chư Bồ Tát của nước này đều có thể nhìn thấy Ta Bà thế giới.

Trong Mật giáo, vị Bồ Tát này là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp, liệt vào cực phía tây trong Bắc Phương ngũ tôn của ngoại đàn ở Kim Cang giới Mạn đà la Tam muội gia hội,vị Bồ Tát này do phát nguyện độ vô tận vô dư chúng sinh ở Ta Bà thế giới nên có tên này.

Thủ ấn của vô tận ý Bồ Tát - Phạm khiếp ấn

Đây là thủ ấn của Vô Tận Ý Bồ Tát trong Thành Thân hội ở Kim Cang giới.



Vô Tận Ý Bồ Tát thủ ấn
- Phạm khiếp ấn

Nhật Quang Bồ Tát

Nhật Quang Bồ Tát (Phạn danh surja-prabha), còn gọi là Nhật Quang Biến Chiếu. Là thị giả bên trái của Dược Sư Phật. Cùng với thị giả bên phải Nguyệt Quang Bồ Tát, là hai người phụ tá của Dược Sư Phật ở Đông Phương Tịnh Lưu Ly Quốc Thổ, là lấy từ ý "Nhật phóng thiên quang, biến chiếu thiên hạ, chiếu phá minh ám" (Mặt trời chiếu ngàn tia sáng, soi khắp đất trời, phá vỡ tối tăm). Vị Bồ Tát này dựa vào bản nguyện Từ Bi, phổ thí Tam muội, chiếu diệu thế giới tục trần, phá bỏ tối tăm của sinh tử, cũng giống như ánh sáng mặt trời soi khắp thế gian, nên có tên như vậy.

Quan hệ giữa Nhật Quang Bồ Tát và Dược Sư Phật rất sâu sắc. Vào thời quá khứ xa xưa, khi Điện Quang Như Lai hành hóa ở thế gian. Đương thời có một vị Phạn sĩ, nuôi dạy hai con.



Nhật Quang Bồ Tát

Cha con ba người do cảm được sự dơ bẩn của thế gian, nên phát khởi Bồ đề tâm, thệ nguyện cứu rỗi chúng sinh bệnh khổ.

Điện Quang Như Lai vô cùng tán thán đối với họ, liền đổi tên cho Phạn sĩ là Y Vương, hai con đổi thành Nhật Chiếu, Nguyệt Chiếu. Vị Phạn sĩ được nhờ sự phó chúc của Điện Quang Như Lai sau khi thành Phật tức là Dược Sư Như Lai. Hai người con cũng tức là Nhật Quang, Nguyệt Quang hai vị đại Bồ Tát. Nhật Chiếu chính là Nhật Quang Bồ Tát.

Thủ ấn của Nhật Quang Bồ Tát

Đầu hai ngón trỏ tiếp xúc nhau, đầu hai ngón cái tiếp xúc nhau, còn các ngón còn lại mở ra, như mặt trời đang phóng ánh sáng.



Nhật Quang Bồ Tát thủ ấn

Nguyệt Quang Bồ Tát

Nguyệt Quang Bồ Tát (Phạn danh Candra-prabha), hay còn gọi là Nguyệt Tịnh Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát. Cùng với Nhật Quang Bồ Tát đồng là một trong hai đại thị giả của Dược Sư Phật. Cacu ghi chép trong bộ "Dược Sư Như Lai Bản Nguyện kinh", Nguyệt Quang Bồ Tát cùng với Nhật Quang Bồ Tát đứng đầu trong vô lượng vô số Bồ Tát chúng, thứ bổ Phật sứ (chờ ngày thành Phật), đều thọ trì chánh pháp bảo tạng của Dược Sư Như Lai.

Trong quyển "Giác Thiền Sao" viết: vào đời quá khứ của Điện Quang Như Lai, có một Phạn sĩ Y Vương, nuôi dạy hai con là Nhật Chiếu, Nguyệt Chiếu, phát tâm nguyện lợi lạc chúng sinh, hai con cũng phát nguyện cúng dường. Phạn sĩ Y Vương tức là Dược Sư Như Lai của hiện tại, hai người con tức Nguyệt Quang, Nhật Quang hai vị Bồ Tát. Vị Bồ Tát này được liệt vào viện Văn Thù trong Thai Tạng Mạn Đà La, và cũng là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp, liệt vào cực phía tây trong Bắc Phương ngũ tôn của ngoại đàn ở Kim Cang giới Mạn



Nguyệt Quang Bồ Tát

đà la Tam muội gia hội, Mật hiệu là Thanh Lương Kim Cang, Thích Duyệt Kim Cang.

Thủ ấn của nguyệt quang Bồ Tát

Tay phải dựng bàn tay lên, ngón cái và ngón trỏ tiếp xúc nhau gọi tên là Chấp Liên Hoa ấn.



Nguyệt Quang Bồ Tát thủ ấn

Bất Không Kiến Bồ Tát

Bất Không Kiến Bồ Tát (Phạn danh Amoghada?sin), còn được gọi là Bất Không Nhãn Bồ Tát, Chính Lưu Bồ Tát, một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp.

Trong các hội của Kim Cang giới Mạn đà la như: Tam muội gia hội, Vi tế hội, Cúng dường hội, hàng tam thế Tam muội gia hội, có vị trí ở phía bắc tầng thứ nhất của Đông Phương Kim Cang Câu Bồ Tát. Vị Bồ Tát này dùng Ngũ nhãn xem khắp pháp giới sự về bình đẳng sai biệt của chúng sinh, có thể trừ hết thảy thú vui xấu, khiến cho chuyển về chính trực thiện đạo, hất diệt Niết bàn, cho nên gọi là Bất Không Kiến Bồ Tát.

Thủ ấn của Bất Không Kiến Bồ Tát - Phật Nhãn ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón trỏ hơi cong lại, đặt vào lưng đốt thứ hai của ngón giữa.



Bất Không Kiến Bồ Tát thủ ấn (1) - Phật Nhãn ấn



Bất Không Kiến Bồ Tát

Diệt Ác Thú Bồ Tát

Diệt Ác Thú Bồ Tát (Phạn danh sarvāpāyajaha), còn được gọi là Phá Ác Thú Bồ Tát, Xả Ác Đạo Bồ Tát, Trừ Ác Thú Bồ Tát. Là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp ở Kim Cang giới Mạn đà la.



Diệt Ác Thú Bồ Tát

Thủ ấn của Diệt Ác Thú Bồ Tát

Tay phải giơ năm ngón tay thẳng lên, tay trái nắm quyền để ngang hông.



Diệt Ác Thú Bồ Tát thủ ấn

Trừ Ưu Ám Bồ Tát

Trừ Ưu Ám Bồ Tát (Phạn danh Sakatamônirghātana), dịch âm là Tát Phược Tuất Gia Đát Mẫu Nhĩ Lật Già Đa, lại còn được gọi là Lạc Thôi Nhất Thiết Hắc Ám Phiền Não, Trừ Nhất Thiết Ám, Trừ Ưu, Trừ Phiền Não, Giác Thanh Tịnh, là vị tôn giả ở cực đông nam, một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp ở Kim Cang giới Mạn đà la. Vị Bồ Tát này có bản thệ là Trừ Nhất Thiết Phiền não minh ám của chúng sinh.

Thủ ấn của Trừ Ưu Ám Bồ Tát - Phạm khiếp ấn

Các ngón tay của bàn tay để bình thường, tay trái ngửa lòng bàn tay lên, tay phải úp lại nằm ở trên, bàn tay hơi cong lại.



Trừ Ưu Ám Bồ Tát thủ ấn - Phạm khiếp ấn



Trừ Ưu Ám Bồ Tát

Hương Tượng Bồ Tát

Hương Tượng Bồ Tát (Phạn danh Gandhahastin), dịch âm là Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Kiến Đà Ha Sa Đệ Bồ Tát, còn có tên là Hương Huệ Bồ Tát, Xích Sắc Bồ Tát, Bất Khả Tức Bồ Tát. Hương có nghĩa là Biến mãn vô ngại, Tượng có nghĩa là hành túc đại lực (đầy đủ sức mạnh). "Hương Tượng" có nghĩa là các hạnh đều viên mãn.

Theo ghi chép trong "Chư Tôn Tiện Lãm", Hương Tượng Bồ Tát có thân màu bạch lục, tay trái nắm quyền, tay phải cử hương tượng. Còn trong bộ "Kim Cang Giới Thất Tập" thì lại nói là hai tay trì bát. Còn trong "Tịnh chư ác thú kinh" lại nói, thân màu bạch lục, hào quang rực rỡ, tay phải cử hương tượng, tay trái đặt ở bên hông.

Thủ ấn của Hương Tượng Bồ Tát

Hai tay hư tâm hợp chưởng, ngón cái mở ra, như đang vốc nước.



Hương Tượng Bồ Tát - Bát ấn



Hương Tượng Bồ Tát

Đại Tinh Tấn bồ Tát

Đại Tinh Tấn Bồ Tát (Phạn danh Sāra, sāramgama), còn được gọi là Dũng Mãnh Bồ Tát, là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp. Là vị Bồ Tát thứ hai trong Phương Đàn Nam Phương Tứ



Đại Tinh Tấn Bồ Tát

Tôn thuộc ngoại viện của các hội như Tam muội gia hội, Vi tế hội, Cúng dường hội, hàng tam thế Yết Ma hội... của Kim Cang giới Mạn đà la. Hình dạng của vị Bồ Tát này là căn cứ theo ghi chép trong "Chư Tôn Tiện Lãm": ngài có thân màu trắng pha lê, tay trái nắm thành quyền đặt bên hông, tay phải cầm kích.

Thủ ấn của Đại Tinh Tấn Bồ Tát

Tay phải nắm quyền, ngón cái giơ lên, ngang với đầu.



Đại Tinh Tấn Bồ Tát thủ ấn

Trí Tràng Bồ Tát

Trí Tràng Bồ Tát (Phạn danh jnānaketu), dịch âm là Tích Nương Kế Đô, còn được gọi là Thường Hằng Bồ Tát, Thường Lợi Ích Bồ Tát, là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp. Trí quang bản tế của vị Bồ Tát này là thường trụ bất diệt, bổn tánh thanh tịnh và có thể phá vỡ hý luận, biến chiếu thập phương, nên có danh hiệu ấy.

Thủ ấn của Trí Tràng Bồ Tát - Kim cang tràng yết ma ấn

Hai tay nắm Kim Cang quyền, tay trái quyền tâm ngửa lên, tay phải co lại đặt lên trên quyền trái, như tràng mạo (dáng ngồi tòa).



Trí Tràng Bồ Tát thủ ấn - Kim Cang tràng yết ma ấn



Trí Tràng Bồ Tát

Vô Lượng Quang Bồ tát

Vô Lượng Quang Bồ Tát (Phạn danh: Amita prabha), một trong Thiên Phật ở Hiền Kiếp, vì có Huệ quang vô lượng, phổ chiếu thập phương nên có danh hiệu như vậy. Trong bộ "Tịnh Chư Ác Thú kinh", vị Bồ Tát này còn có tên là Cam



Vô Lượng Quang Bồ Tát

Lộ Quang (Amrtaprabha). Hình dáng của ngài trong bộ "Tịnh Chư Ác Thú kinh" viết: thân có màu vàng của Mặt Trăng, tay phải cầm bình cam lộ, tay trái nắm thành quyền đặt bên hông.

Thủ ấn của Vô Lượng Quang Bồ Tát - Bát ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, tay cái mở ra, như đang vốc nước.



Vô lượng quang Bồ Tát
thủ ấn - bát ấn

Hiền Hộ Bồ Tát

Hiền Hộ Bồ Tát (Phạn danh Bhadrapāla), là một trong thập lục tôn của Hiền Kiếp. Dịch âm của Phạn danh là Bạt Nại La Ba La Bồ Tát, Bạt Đà Ba La Bồ Tát...; còn có tên khác là Hiền Hộ Trưởng Giả, Hiền Hộ Thắng Thương Đồng Cụ, Thiện Thủ Bồ Tát hoặc Hiền Thủ Bồ Tát. Theo quyển thứ 2 trong bộ "Kim Cang Đảnh Đại Giáo Vương kinh sớ" của ngài Viên Nhân người Nhật Bản viết rằng: "Là chủ hóa độ chư quần sinh, có thể thủ hộ, bất quá thời xứ, thuyết pháp tương ưng ly phiền não cấu, khiến cho thấy rõ được bản thể thanh tịnh pháp giới của thân Mạn Đà La. Nên làm chủ tể. Xưng là Công hộ, cũng là người lợi cấu tức là Hiền Hộ."

Hình dáng của vị Bồ Tát này có hình nữ màu đỏ, tay trái nắm quyền đặt ở trên gối, tay phải cầm Hiến bình và ngồi trên tòa sen. Có hình nữ là để biểu Định đức, màu đỏ đại diện cho Từ Bi, Hiến Bình đại biểu cho nước trí tuệ thanh tịnh để hộ trì chúng sinh, nên dùng hình tượng này để tự hiển lộ đại Định, Bi, Trí tam đức. Vị Bồ Tát này do thiện hộ Phật tri kiến của chúng sinh cho nên còn được gọi là Xảo Hộ Kim Cang.



Hiền Hộ Bồ Tát

Thủ ấn của Hiền Hộ Bồ Tát

Tay phải nắm Kim Cang quyền, ngón cái như bình báu, tay trái nắm quyền đặt ngang hông.



Hiền Hộ Bồ Tát
thủ ấn

THỦ ẤN CỦA QUAN ÂM BỘ

Thánh Quan Âm

Thánh Quan Âm (Phạn danh Avalokitesvasa), dịch âm của Phạn danh là A Phược Lư Chỉ Đa Hiển Phạt La, còn được gọi là Chính Quan Âm Đại Thánh Quán Tự Tại, Đại Bi Thánh Giả, Đại Tinh Tấn Quán Thế Tự Tại... tức là Quán Tự Tại Bồ Tát mà ta thường gọi. Khi phối hợp để cứu độ chúng sinh lục đạo, tức là chủ tôn của sự cứu độ chúng sinh đạo Ngạ Quỉ.

"Pháp Hoa kinh – Phổ Môn phẩm" viết: "Nếu có vô lượng bách thiên ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe tên Quán Thế Âm Bồ Tát mà nhất tâm xưng danh, Quán Thế Âm Bồ Tát lập tức nghe âm thanh ấy và các chúng sinh đó đều được giải thoát". Có thể thấy được sự rộng lớn cũng như sự sâu rộng về Bi nguyện của Pháp môn này.

Quán Thế Âm Bồ Tát lấy việc dùng Đại Bi cứu độ làm đức hạnh chính nhưng ẩn chứa sau sự Đại Bi, vốn là sự vô biên của Đại Trí, nên quyển "Bát Nhã Tâm kinh" được lưu hành rộng rãi trong giới Phật giáo Trung Quốc, là do Quán Thế Âm Bồ Tát tuyên thuyết. Cái gọi là "Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách". Tức có thể biết qua về diệu hạnh Bát nhã thậm thâm của ngài.

Tóm lại, Quán Thế Âm Bồ Tát là biểu hiện cụ thể của tâm từ bi vô hạn và Bát Nhã chánh trí vô hạn, viên dung vô nhị. Ngài không lúc nào là không ứng theo lời cầu khẩn mà thị hiện, điều đó cũng khiến ngài trở thành vị Bồ Tát tương khế



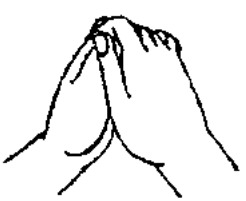
Thánh Quan Âm

nhất với chúng sinh ở thế giới Ta Bà. Tục ngữ nói: "Nhà nhà A Di Đà, nơi nơi Quán Thế Âm", chính là câu lột tả hay nhất về hiện tượng này.

Trong hai giới Thai Tạng giới, Kim Cang giới, Thánh Quan Âm được phân thuộc những nơi khác nhau: trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, ngài phân biệt có vị trí ở bốn viện là Trung Đài Bát Diệp viện, Liên Hoa bộ viện (Quan Âm viện), Thích Ca viện, Văn Thù viện và đều có tên là Quán Tự Tại Bồ Tát. Còn trong Kim Cang giới thì gọi ngài là Kim Cang Pháp Bồ Tát. Các ngài đều mang hình tướng riêng, ấn tướng cũng như hình Tam muội gia riêng.

Thủ ấn của Thánh Quan Âm (1) - Liên hoa bộ tâm ấn

Hai tay nội phược, ngón cái tay phải duỗi thẳng, gọi đó là Liên Hoa Bộ tâm ấn.



Thánh Quan Âm thủ ấn (1) - Liên hoa bộ tâm ấn

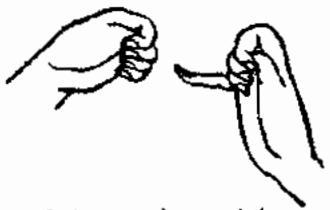
Thủ ấn của Thánh Quan Âm (2)

Hai tay ngoại phược, hai ngón cái dựng thẳng dựa vào nhau, hai ngón trỏ dựng thẳng hơi cong lại như lá sen, đây là Tam muội gia hội ấn của Kim Cang Bảo Bồ Tát.



Thánh Quan Âm thủ ấn (2)

Quán tự tại Bồ Tát thủ ấn



Quán tự tại Bồ Tát thủ ấn

Xuất xứ từ đoạn thứ tư của "Lý Thú kinh", hai tay mỗi bên nắm Kim Cang quyền, quyền bên trái ngửa lên đè vào vùng ngực trái, quyền bên phải úp lại, giơ ngón út ra, dùng đầu ngón út nắm năm ngón của tay trái, từ ngón út bắt đầu lần lượt mở ra, tiếp theo trong lòng bàn tay trái dùng ngón út tay phải cào ba lần, trước hết là ngón giữa, sau đó ngón vô danh, cuối cùng là ngón út. Tay trái biểu thị chúng sinh giới các ngón tay lần lượt mở ra, có nghĩa là mở ra tâm liên (lòng sen) của chúng sinh.

Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn (thành thân hội)

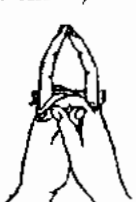


Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn - Thành thân hội

Quán Thế Âm Bồ Tát trong Kim Cang giới, tức là Kim Cang Pháp Bồ Tát. Đây là thủ ấn của Kim Cang Pháp Bồ Tát trong Thành Thân hội của Kim Cang giới Mạn Đà La, tay trái nắm Liên hoa, tay phải giữ một cánh như thế mở ra.

Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn (tam muội gia hội)

Đây là thủ ấn của Kim Cang Pháp Bồ Tát trong Tam muội gia hội của Kim Cang giới Mạn Đà La, cách kết ấn: ngoại phược, hai ngón cái đặt sát nhau, hai ngón trỏ cong lại như hoa sen.



Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn - tam muội gia hội

Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn (tứ ấn hội)

Đây là thủ ấn của Kim Cang Pháp Bồ Tát trong Tứ Ấn hội của Kim Cang giới Mạn Đà La, cách kết ấn: hai tay ngoại phược, ngón giữa cong lại như hình hoa sen.



Kim cang pháp Bồ Tát thủ ấn - Tứ ấn hội

Chuẩn Đề Quan Âm

Chuẩn Đề Quan Âm (Phạn danh Cundī), Chuẩn Đề dịch nghĩa là thanh tịnh, là hộ trì Phật pháp, và là vị Bồ Tát có thể bảo vệ hộ mệnh cho chúng sinh. Còn được gọi là Chuẩn Đề Quan Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn Đề, Tôn Na Phật Mẫu, Thất Cụ Đệ Phật Mẫu... Vì ngài là mẫu của Liên hoa bộ, Ty Liên hoa bộ chủ tôn công đức, nên được gọi là Phật Mẫu tôn.

Nhật Bản Đài Mật lấy ngài Chuẩn Đề là Phật bộ, Đông Mật thì coi Chuẩn Đề là một trong Lục Quan Âm, lấy việc cứu độ chúng sinh ở nhân gian làm chủ yếu. Theo Thiên Thai tông ngài được gọi là Thiên Nhân Trượng Phu Quan Âm. Nhưng bất kể thuộc về bộ nào, trong tâm trí của Phật giáo đồ hai nước Trung Quốc, Nhật Bản, Chuẩn Đề Bồ Tát là một vị có cảm ứng rất lớn, một vị Bồ Tát vĩ đại có sự quan tâm vô hạn đối với những người sùng bái ngài.

Lấy vị Bồ Tát này làm bản tôn để tu pháp, gọi là Chuẩn Đề pháp, Chuẩn Đề Độc Bộ pháp, là một pháp môn tu để có thể trừ tai nạn, cầu được thông minh, được trị bệnh... Căn cứ vào ghi chép trong bộ "Thất Cụ Đệ Phật Mẫu Đề Tại Minh Đà La Ni kinh" tụng trì Chuẩn Đề Đà La Ni, có thể được sự hộ



Chuẩn Đề Quan Âm

trì của Chư Phật, Bồ Tát, đời đời kiếp kiếp xa rời các tật xấu, nhanh chóng chứng được vô thượng Bồ đề.

Chuẩn Đề Bồ Tát căn bản ấn (1)



Chuẩn Đề Bồ Tát căn bản ấn (1)

Ngón út, ngón vô danh của hai tay dan nhau đặt trong lòng bàn tay, hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tay dựa vào nhau, đem hai ngón trỏ đặt đầu ngón tay vào bên cạnh đốt thứ nhất của ngón giữa,và đem hai ngó cái đặt vào hai bên của ngón trỏ, ấn này còn có tên là Tam Cổ ấn, Tam Cổ tức là ba mắt ở trên mặt, dùng để biểu thị ba bộ là Phật, Liên, Kim, hoặc là đem ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út phối thành bổn tánh của Pháp giới, tức là phối với Ngũ trí là Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quan Sát Trí, Thành Sở Tác Trí.

Chuẩn Đề Bồ Tát căn bản ấn (2) - Giáp vị ấn

Hai tay nội phược, hai ngón cái cùng hai ngón trỏ dựng thẳng tiếp xúc nhau, ấn này còn gọi là Giáp Vị ấn.



Chuẩn Đề Bồ Tát căn bản ấn (2)

Thiên Thủ Quan Âm (Quan Âm ngàn tay)

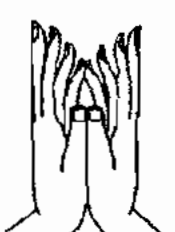
Thiên Thủ Quan Âm (Phạn danh Avalokitesvara-sahasrab-huja-lo-cana), là chỉ Quan Âm Bồ Tát có ngàn cánh tay, ngàn con mắt, mỗi một lòng bàn tay có một con mắt, còn được gọi là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại, Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại, Thiên Quang Quán Tự Tại. Trong lục Quan Âm, đây là vị chủ về cứu độ nhất thiết chúng sinh của Địa Ngục đạo.

Trong bộ "Thiên Quang Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp kinh" nói rằng: "Đại Bi quán tự tại, đầy đủ trăm ngàn tay, mắt cũng rất là nhiều, làm thế gian phụ mẫu, năng thí chúng sinh nguyện". Chữ "Thiên" ở đây có nghĩa là vô lượng, viên mãn. Cũng tức là "Thiên Thủ" sẽ tượng trưng phương tiện Đại Bi lợi tha của vị Quan Âm này là vô cùng rộng lớn, "Thiên Nhãn" tượng trưng khi ngài ứng vật hóa độ, trí huệ để quan sát căn cơ của chúng sinh là viên mãn vô ngại.

Vị Bồ Tát này là Liên Hoa Bộ (hoặc gọi là Quan Âm Bộ) là một trong Ngũ bộ của Kim Cang giới, một trong tam bộ ở Thai Tạng giới của Mật giáo) quả đức chi tôn, nên xưng là Liên Hoa vương.

Thủ ấn của Thiên Thủ Quan Âm - Bát diệp ấn

Hư tâm hợp chưởng, ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh của hai tay mở ra, giữa các ngón tay để khoảng trống, không được chạm vào nhau, biểu hiện hoa sen đã nở xòe ra.



Thiên Thủ Quan Âm
thủ ấn - Bát diệp ấn



Thiên Thủ Quan Âm

Thiên Thủ Quan Âm căn bản ấn - Liên hoa ngũ cổ ấn

Hai tay Kim Cang hợp chưởng, lưng bàn tay hơi cong lại và rời nhau, hai ngón giữa tiếp xúc nhau ở đầu ngón tay, duỗi thẳng hai ngón cái ngón út, ấn này còn được gọi là Liên Hoa Ngũ Cổ ấn, Cửu Sơn Bát Hải ấn, Bổ Đà Lạc Cửu Phong ấn.



Thiên Thủ Quan Âm căn bản ấn - Liên hoa ngũ cổ ấn

Như Ý Luân Quan Âm

Như Ý Luân Quan Âm (Phạn danh Cintāmani-cakra), dịch âm của Phạn danh là Chấn Đa Ma Ni. Chữ Cintā trong tôn danh có nghĩa tư duy, sở vọng, nguyện vọng. Mani có nghĩa là ngọc quí, âm Cakra có thể dịch là Viên hoặc Luân. Do đó dịch nghĩa là Sở Nguyện Bảo Châu Luân hoặc Như Ý Châu Luân. Vị Bồ Tát này an trú trong cảnh giới "Như Ý Bảo Châu Tam Muội", có thể cho ra vô số trân bảo theo ý mình, thường chuyển pháp luân, nhiếp hóa hữu tình, như nguyện ban cho phú quí, tài sản, trí tuệ, thế lực, uy đức... nên có danh hiệu này. Tên gọi đầy đủ là Như Ý Luân Quan Thế Âm Bồ Tát, lại còn được gọi là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát. Mật hiệu là Trì Bảo Kim Cang hoặc Dữ Nguyện Kim Cang.

Như Ý Luân Quan Âm một tay cầm Như Ý Bảo Châu, tượng trưng cho việc có thể sinh ra hai loại tài sản thế gian và xuất thế gian để bố thí chúng sinh; tay còn lại giữ Kim Luân, tượng trưng cho sự có thể chuyển động vô thượng diệu pháp để độ chúng sinh.



Như Ý Luân Quan Âm

Như Ý Luân căn bản ấn



Như Ý Luân căn bản ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón cái cong lại như hình châu báu, hai ngón giữa cũng cong lại như lá sen, còn các ngón còn lại tiếp xúc nhau ở đầu ngón như tràng (thành tầng). Tới đây, trên tràng có hoa sen, trên hoa sen có bảo châu, lại do ngón giữa là hỏa, lửa to có sắc đỏ, biểu thị hoa sen đỏ, hai ngón cái thành bảo hình, do Như Ý Luân là Bảo Bồ Tát của Liên Hoa Bộ, biểu thị cho bản tôn Như Ý Luân; ngoài ra, Như Ý Luân nằm ở trên tràng, tức biểu thị về đức hạnh tự chứng, hóa tha.

Như Ý Luân trung tâm ấn



Như Ý Luân trung tâm ấn

Giống như căn bản ấn thuật ở trên, ngón giữa như mũi chĩa ở ngoài, ngón út nằm ngang. Ấn này có Liên Hoa Bảo Châu Luân, là ấn thâm mật nhất.

Như Ý Luân tùy tâm ấn



Như Ý Luân tùy tâm ấn

Giống cách kết ấn căn bản thuật ở trên, hai tay ngón giữa ngoại phược, hai ngón út đan nhau nằm ngang, hoặc hai tay ngoại phược, hai tay ngón trỏ dựng thẳng, đầu ngón tay tương hợp như bảo hình, hai ngón cái, ngón vô danh tự dựng thẳng thành dạng tràng, hai ngón út đan nhau. Ấn này có nghĩa là từ tự chứng (tâm ấn) mà sinh tâm hóa độ người khác (tâm

trung tâm ấn), cũng là thuận ứng của chúng sinh mà hóa ích (Tùy tâm ấn).

Như Ý Luân tháp ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón cái dựng thẳng, sau đó rút vào góc của hai ngón giữa, hai ngón trỏ cong lại nắm lấy đầu ngón cái. Ấn này là Vị pu Liên hoa hợp chưởng, Kim Cang hợp chưởng nên có cách nói đây là ấn mẫu, cộng với sự mở đóng của hai ngón tay cái, để phân biệt Khai tháp ấn và Bế tháp ấn.



Như Ý Luân tháp ấn

Thập Nhất Diện Quan Âm

Thập Nhất Diện Quan Âm (Phạn danh Èkadasa-mukba), là một trong Lục quan Âm, trong lục đạo chủ về cứu độ nhất thiết chúng sinh của đạo A Tu La, tên đầy đủ là Thập Nhất Diện Quan Âm Bồ Tátcó hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát. Dịch nghĩa Phạn danh là Thập Nhất Tối Thắng, hoặc Thập Nhất Thủ, có khi gọi là Đại Quang Phổ Chiếu Quan Âm. Do hình tượng có mười một mặt, cho nên thường gọi là Thập Nhất Diện Quan Âm (Quan Âm mười một mặt)

Danh hiệu của Thập Nhất Diện Quan Âm Bồ Tát, do câu thần chú mà có. Câu thần chú này là "Thập Nhất Diện Quan Thế Âm thần chú", do 11 ức đức Phật thuyết, uy lực vô cùng lớn.

Theo ghi chép trong bộ "Phật thuyết Thập Nhất Diện Quan Thế Âm thần chú kinh": "Lúc ấy Quan Thế Âm Bồ Tát bạch với Phật rằng: "Thế Tôn, con có Tâm chú, tên là Thập Nhất Diện. Tâm chú này do 11 ức chư Phật sở thuyết, con nay nói là vì nhất thiết chúng sinh, vì muốn chúng sinh niệm thiện pháp, vì muốn nhất thiết chúng sinh không còn phiền não, vì muốn trừ bệnh cho nhất thiết chúng sinh, vì muốn diệt trừ nhất thiết chướng ngại, tai quái, ác mộng, vì muốn trừ nhất



Thập Nhất Diện Quan Âm

thiết hoành bệnh, vì muốn trừ nhất thiết người có ác tâm khiến cho họ được dịu dàng, vì muốn trừ đi không cho khởi nhất thiết chướng nạn do các ma quỉ gây ra". Từ điều này ta có thể thấy được công đức, uy lực rộng lớn của thần chú này.

Thập Nhất Diện Quan Âm căn bản ấn

Kim Cang hợp chưởng, mười ngón tay dan lại, đặt lên đỉnh đầu, quán tưởng mười ngón tay là Thập diện hợp với nhất diện của bản thân tổng cộng là thập nhất diện, tức hành giả quán tưởng mình trở thành Thập Nhất Diện Quan Âm.



Thập Nhất Diện Quan Âm căn bản ấn

Mã Đầu Quan Âm

Mã Đầu Quan Âm (Phạn danh hayagrīva), dịch âm Phạn danh là Hạ Dã Nhật Lý Phược, A Gia Kiệt Lợi Bà; dịch nghĩa là Đại Lực Trì Minh Vương. Vị Bồ Tát này là một trong Bát Đại Minh Vương, là vị Phẫn Nộ Trì Minh Vương của Liên Hoa Bộ trong Tam Bộ Minh Vương ở Thai Tạng giới của Mật giáo. Có vị trí trong Quan Âm viện Mạn Đà La trong Thai Tạng hiện đồ, còn được gọi là Mã Đầu Đại Sĩ, Mã Đầu Minh Vương, Mã Đầu Kim Cang Minh Vương, tục gọi là Mã Đầu Tôn. Mật hiệu Đạm Thực Kim Cang, Tấn Tốc Kim Cang, phối với Sư Tự Vô Úy Quan Âm của Lục Quan Âm theo cách nói trong bộ "Ma Ha Chỉ Quán", chủ về việc cứu hộ súc sinh đạo trong Lục đạo.

Nếu lấy vị Bồ Tát này làm bản Tôn, là pháp tu vì muốn cầu khẩn để điều phục kẻ ác, tức trừ chúng bệnh, đẩy lui oán hận,



Mã Đầu Quan Âm

nghị luận đắc thắng, gọi là Mã Đầu Pháp. Còn hình Tam muội gia là Bạch Mã Đầu, ấn tướng là Mã đầu ấn.

Mã Đầu Quan Âm tối thắng căn bản ấn - Mã đầu ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng (hoặc là Liên Hoa hợp chưởng), hai ngón trỏ gấp lại tiếp xúc nhau, đặt dưới hai ngón cái, hai ngón cái dựng thẳng sát nhau và hơi ngửa phần móng tay.



Mã Đầu Quan Âm tối thắng căn bản ấn - Mã Đầu ấn

Mã Đầu Quan Âm thủ ấn (2)



Mã Đầu Quan Âm thủ ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng (hoặc Liên Hoa hợp chưởng), hai ngón trỏ, ngón vô danh cong lại tiếp xúc nhau ở móng tay, gấp vào lòng bàn tay, hai ngón cái hơi cong lại, giống như Mã đầu ấn nói trên nhưng chỉ khác ở ngón vô danh. Ấn này biểu thị hình Tam muội gia, hai ngón út là Nhĩ (tai), hai ngón vô danh là Nhãn (mắt), hai ngón giữa là Tỷ (mũi), ngoài ra giữa hai ngón trỏ và hai ngón cái là biểu thị Mã khẩu (miệng ngựa). Còn Liên Hoa hợp chưởng là Đại Bi tam muội của đức Quan Âm, ngón vô danh là Đại Bi Cam Lộ thủy, ngón trỏ tức là ngọn gió của Đại Nguyện thổi tưới nước Cam Lộ pháp, ngụ ý rửa sạch các chủng tử tạp nhiễm trong Tạng thức của chúng sinh, ngón cái là Đại Không Tam Muội, ngụ ý nuốt sạch các chủng tử tạp nhiễm.

Mã Đầu Quan Âm thủ ấn (3) - Nhiếp độc ấn (1)



Mã Đầu Quan Âm thủ ấn (3) - Nhiếp độc ấn (1)

Hai tay nội phược, hai ngón cái dựng thẳng, đè vào đốt giữa của hai ngón trỏ. Còn một kiểu hai tay nội phược, hai ngón cái dựng thẳng đốt trên cùng hơi cong lại, gọi là Nhiếp Nhất Thiết Chư Độc ấn.

Mã Đầu Quan Âm thủ ấn (4) - Nhiếp độc ấn (2)



Mã Đầu Quan Âm thủ ấn (4) - Nhiếp độc ấn (2)

Kim Cang hợp chưởng, hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tương hợp, hai ngón trỏ móc với ngón vô danh rồi dùng ngón trỏ đè lên đốt trên cùng của ngón giữa, hai ngón út đặt sát nhau để vào lòng bàn tay, ngón cái dựng thẳng đặt lên hai ngón út, quán tưởng như đang nuốt chửng các ách nạn của ác nghiệp, phiền não, bất tường, dùng ngón cái làm thế nuốt chửng ba lần, ấn này còn được gọi là Ác Nạn Đạm Thực ấn.

Bất Không Quyên Sách Quan Âm

Bất Không Quyên Sách Quan Âm (Phân danh Amoghapàsa), tên gọi đầy đủ là Bất Không Quyên Sách Quán Thế Âm Bồ Tát, hay còn được gọi là Bất Không Vương Quan Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Vương Quảng Đại Minh Vương Quan Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quan Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quyên Sách Bồ Tát. Mật hiệu Đẳng Dẫn Kim Cang. Lấy "Bất Không Quyên Sách" làm danh hiệu, tượng trưng cho Quan Thế Âm Bồ Tát là sợi dây lụa của Từi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, tâm nguyện không bị uổng phí.

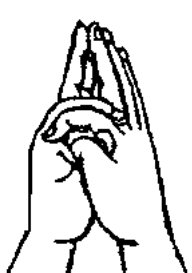


Bất Không Quyên Sách Quan Âm

Theo truyền thuyết trong "Bất Không Quyên Sách Thần Biến Chân Ngôn kinh", vào kiếp cuối cùng của 91 kiếp đời quá khứ, Quan Thế Âm Bồ Tát từng được Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai truyền thụ, học được Bất Không Quyên Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni. Ban đầu khi mới đắc Đà La Ni này, liền chứng đắc Thập Bách Thiên Bất Không Vô Hoặc Trí Trang Nghiêm Thủ Tam Ma Địa, do sức mạnh của chân ngôn này, hiện kiến hết thảy hội chứng của Thập phương vô số chủng chủng sát thổ chư Phật Như Lai, và đều cúng dường hết thảy, được nghe pháp môn thâm sâu, và đều triển chuyển giáo hóa vô lượng hữu tình, để họ đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Sau này, Quán Thế Âm Bồ Tát thường dùng giáo pháp của chân ngôn này, hóa độ vô lượng bách thiên chúng sinh. Do đó, khi Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện hóa thân, dùng pháp môn này để cứu độ chúng sinh, bèn xưng là Bất Không Quyên Sách Quan Âm.

Bất Không Quyên Sách Quan Âm thủ ấn

Hai tay Liên Hoa hợp hưởng, hai ngón trỏ, ngón cái ngoại phược, ngón cái bên phải đè qua giữa ngón cái và ngón trỏ tay trái (tức là đè qua hổ khẩu của tay trái), có tên là Liên Hoa Quyên Sách ấn. Liên hoa hợp chưởng biểu thị gốc của Liên Hoa Bộ, là hoa sen vốn có tự tánh. Còn ngón cái, ngón trỏ bốn ngón này ngoại phược, tức dùng để quán tưởng đầu dây lụa của hoa sen, sách tức biểu thị bốn sợi dây của Bản thệ, như cách câu cá của ngư phủ thế gian, tế độ những chúng sinh cực ác.



Bất Không Quyên Sách
Quan Âm thủ ấn

Thanh Cảnh Quan Âm

Thanh Cảnh Quan Âm (Phạn danh Nikalantha), dịch âm Phạn danh là Ni La Kiện Đà, Nhĩ La Kiện Chế. Hay còn gọi là Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát. Là một trong những hóa thân của Quan Âm Bồ Tát thuộc một trong Tam thập tam Quan Âm.

Có thuyết cho rằng từ "Thanh Cảnh" (Nila-kantha), là có liên quan đến truyền thuyết về Thấp Bà Thần, tương truyền rằng có các thiên thần khuấy động Nhũ Hải (biển sữa) muốn cầu Cam Lộ, ở trong biển này phát hiện một bình thuốc độc, lúc ấy Thấp Bà Thần sợ bình thuốc độc này sẽ gieo độc hại chúng sinh, nên phát khởi tâm đại bi, tự mình uống bình thuốc độc, bởi vì duyên cớ là độc hại phát tác, nên cổ biến thành màu xanh (Thanh cảnh: cổ xanh)

Trong kinh nói nếu có chúng sinh tưởng niệm vị Bồ Tát Quan Âm này, ắt có thể xa rời các thứ sợ hãi ách nạn, được giải thoát khỏi các khổ. Nếu xem vị Bồ Tát này là bản tôn, cầu xin trừ bệnh, diệt tội, thọ mệnh... mà tu trì bí pháp, thì gọi là Thanh Cảnh Quan Âm Pháp. Theo ghichép trong bộ "Thanh Cảnh Đại Bi Niệm Tụng Nghi Quĩ" vị Bồ Tát này có sắc thân màu đỏ trắng, cổ màu xanh, biểu thị ý nghĩa Phiền Não tức Bồ Đề.

Thanh Cảnh Quan Âm thủ ấn (1)

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón tay cái dựng thẳng đặt trong lòng bàn tay, hai ngón trỏ gập lại đè lên đốt đầu tiên của ngón cái, hai ngón giữa, ngón vô danh ngón út khép lại như vòng tròn. Trong đó hai ngón giữa biểu thị cho lá sen, hai ngón trỏ đè lên ngón cái là ốc, còn hai ngón vô danh dựng thẳng tức là trượng, hai ngón út đan nhau tức là Luân, như vậy một ấn mang đầy đủ bốn thứ.

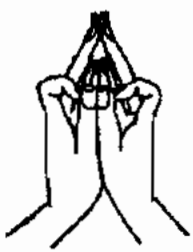


Thanh Cảnh Quan Âm thủ ấn (1)



Thanh Cảnh Quan Âm

Hư tâm hợp chưởng, hai ngón trỏ gập lại đè lên đốt thứ hai của ngón cái, hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tương hợp, hai ngón vô danh dựng thẳng, và hai ngón út thẳng đứng tương hợp. Như thế thì hai ngón giữa là lá sen, còn hai ngón trỏ đè lên ngón cái là ốc, hai ngón vô danh làm thành hình tròn tức là biểu thị cho Luân, ngoài ra hai ngón út dựng thẳng tức là Trượng, như vậy một ấn cũng có đầy đủ bốn loại.



Thanh Cảnh Quan Âm thủ ấn (2) - Đại bi tâm ấn

Diệp Y Quan Âm

Diệp Y Quan Âm (Phạn danh Pamasavari), nghĩa của Phạn danh là Mặc áo lá (diệp y). Còn được gọi là Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Diệp Y Bồ Tát. Là một trong biến hóa thân của Quan Âm, một trong Tam thập tam Quan Âm. Do toàn thân được bao bọc trong lá sen, nên gọi là Diệp Y Quan Âm. Có vị trí ở Quan Âm viện trong Thai Tạng Mạn Đà La, Mật hiệu là Dị Hành Kim Cang.

Căn cứ lời thuật trong bộ "Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát kinh", Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Đà La Ni được Quán Tự Tại Bồ Tát tuyên thuyết ứng theo lời thỉnh cầu của Kim Cang Thủ Bồ Tát trong Pháp hội của Thế giới cực lạc. Trong kinh còn nói Đà La Ni này không chỉ có thể trừ hết thảy tai họa của chữ hữu tình như tật bệnh, đói khát, giặc cướp, lũ lụt hạn hán, sáng tối mất trật tự... mà còn có thể có các công đức thù thắng như tăng trưởng phúc đức, Tổ quốc phong thịnh, nhân dân an lạc, v.v...



Diệp Y Quan Âm

Diệp Y bát diệp ấn

Hư tâm hợp chưởng, ngón cái, ngón giữa, nón vô danh của hai tay mở ra, giữa các ngón phải để khoảng trống, các ngón không được dựa vào nhau, biểu thị hoa sen đã nở trọn vẹn.



Diệp Y bát diệp ấn

Bạch Y Quan Âm

Bạch Y Quan Âm (Phạn danh Pàndavãsini), là một trong Tam thập tam Quan Âm. Dịch âm Phạn danh là Bán Na La Phược Tất Ninh. Dịch nghĩa là Bạch Xứ, Bạch Trú Xứ, vì vị Bồ Tát này thường trụ trong hoa sen trắng nên có danh hiệu này. còn được gọi là Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Đại Bạch Y Quan Âm, Phục Bạch Y Quan Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Trong quyển thứ mười bộ "Đại Nhật kinh sớ" viết: "Màu trắng tức tâm của Bồ đề, trụ trong tâm Bồ đề này, tức là Bạch trú xứ. Bồ đề tâm từ cảnh giới Phật sinh ra, thường trụ nơi này có thể sinh ra chư Phật. Đây là Quan Âm Mẫu, tức là Liên Hoa Bộ chủ vậy".

Phương pháp tu lấy Bạch Y Quan Âm làm bản tôn, cầu khẩn trừ tai sống lâu, gọi là Bạch Y Quan Âm pháp hoặc Bạch Xứ tôn pháp.

Bạch Y Quan Âm thủ ấn

Hai tay nội phược, hai ngón trỏ dựng thẳng, đầu ngón tay dự vào nhau thành hình tròn, hai ngón cái dựng thẳng dựa nhau.



Bạch Y Quan Âm thủ ấn

hai ngón trỏ tức lá sen, hai ngón cái là thân Bồ Tát ở trong hoa sen.



Bạch xứ tôn ấn

Bạch xứ tôn ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón vô danh gập vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái dựng thẳng tiếp xúc với hai ngón vô danh. Biểu thị vị Bồ Tát này là Liên Hoa Bộ bộ mẫu, có thể sinh ra chư tôn của Liên Hoa Bộ.



Bạch Y Quan Âm

THỦ ẤN CỦA MINH VƯƠNG BỘ

Bất Động Minh Vương

Bất Động Minh Vương (Phạn danh Acalanàtha), một trong Ngũ Đại Minh Vương hoặc một một Bát Đại Minh Vương, còn được gọi là Bất Động Kim Cang Minh Vương, Vô Động Tôn, Mật hiệu Thường Trụ Kim Cang.

Theo ghi chép trong quyển thứ năm bộ "Đại Nhật kinh sớ" Bất Động Tôn mặc dù đã thành Phật từ lâu, nhưng vì nguyên cớ là Tam Muội Gia Bản Thệ, nên thị hiện Nô Bộc Tam Muội, làm đồng bộc của Như Lai, thực hành các chúng vụ, nên còn có tên là Bất Động Sứ Giả, Vô Động Sứ Giả, thọ sự cúng dường các thức ăn thừa của hành giả, ngày đêm ủng hộ hành giả, khiến cho người ấy thành tựu viên mãn Bồ đề. Và thông thường ngài được xem là ứng hóa thân của Đại Nhật Như Lai, thọ giáo mệnh của Như Lai, thị hiện tướng Phẫn Nộ, thường trụ Hỏa Sinh Tam muội, thiêu đốt chương nạn và các dơ bẩn trong ngoài, hủy diệt hết thảy quỉ ma, oán hận.

Trong bộ "Thắng Quán Bất Động Quĩ" ghi chép, thệ nguyện của bản tôn là "Kẻ thấy thân ta, đắc Bồ đề tâm; kẻ nghe danh ta, dứt mê hoặc tu tốt lành; kẻ nghe ta nói, đắc đại trí tuệ; kẻ tri tâm ta, tức thân thành Phật". Từ đó, có thể thấy được sự quảng đại về Bi nguyện của Bất Động Minh Vương.

Bất Động căn bản ấn - Độc cổ ấn

Hai tay nội phược, hai ngón trỏ dựng thẳng dựa vào nhau, lấy hai ngón cái đè lên móng của ngón vô danh, hai ngón trỏ là kiếm, hai ngón cái và ngón vô danh như dây lụa, hoặc là



Bất Động căn bản ấn -
Độc cổ ấn

đem hai ngón vô danh, ngón giữa xem như Tứ Ma, còn lấy hai ngón cái đè vào có nghĩa là hàng phục Tứ Ma.

Ấn thứ nhất của 14 ấn căn bản - Độc cổ

Thủ ấn của Bất Động Minh Vương, trong các bộ "Bất Động Lập Ấn Quĩ", "Bất Động Sứ Giả Pháp", "Đệ Lý Tam Muội Gia kinh"... đưa ra tất cả 14 ấn căn bản từ Căn Bản Bí Mật cho đến Tam Cổ Kim Cang ấn. Ấn căn bản thứ nhất là Độc Cổ ấn



Thập tứ căn bản ấn 1 - Độc cổ

Ấn thứ hai của 14 ấn căn bản - Bảo sơn ấn

Hai tay nội phược, hai ngón cái đặt ở trong lòng bàn tay. Ngồi bàn thạch tọa, biểu tỏ nghĩa Bất động chuyển; Theo bộ "Đệ Lý kinh" thì chỉ nói là nội phược, không nói đến việc đặt hai ngón cái vào lòng bàn tay.



Thập tứ căn bản ấn 2 - Bảo sơn ấn

Ấn thứ ba của 14 ấn căn bản - Đầu ấn

Hai tay nắm bắt Kim Cang quyền, quyền bên phải ngửa, quyền bên trái úp lại đặt lên trên, ngửa ra ngoài. Nghi quĩ có nói, lấy bốn ngón tay của tay phải hoặc tay trái nắm lấy ngón cái, và đặt lên đầu, dây vốn là dạng kết tóc.



Thập tứ căn bản ấn 3 -
Đầu ấn



Bất Động Minh Vương

Ấn thứ tư của 14 ấn căn bản - Nhãn ấn

Hai tay nội phược, hai ngón cái đặt trong lòng bàn tay, hai ngón trỏ dựng đứng dựa vào nhau, đặt lên mắt và giữa lôngmày, biểu thị Tam bộ trí, hoặc Lưỡng bộ và Trí nhãn của sự bất nhị. "Đệ Lý kinh" "Đệ Lý Pháp" gọi đây là Phát Kết ấn, lật ngược lại đặt lên trán gọi là Nhãn ấn. Các nghi quĩ có sự khác biệt giữa hai bộ kinh.



Thập tứ căn bản ấn 4 - Nhãn ấn

Ấn thứ năm của 14 ấn căn bản - Khẩu ấn

Hai ngón tay út kẹp vào trong, hai ngón vô danh đè lên ngón út, hai ngón giữa duỗi thẳng, hai ngón cái đặt lên móng ngón vô danh, và cũng đặt hai ngón trỏ lên móng ngón giữa, đem ấn này đặt lên miệng, hai ngón cái biểu thị cho môi dưới, hai ngón giữa, ngón trỏ tức môi trên, giữa hai môi này là khẩu hình. Đây là miệng của Đại Không Tam muội, hai đầu ngón út đưa ra tức hình dạng của hai chiếc răng.



Thập tứ căn bản ấn 5 - Khẩu ấn

Ấn thứ sáu của 14 ấn căn bản - Tâm ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón trỏ, ngón cái cong lại thành hình đàn chỉ (búng tay) giống như cách kết Đại Huệ Đao ấn. Tâm ấn là Càn Lật Đà tâm của Bất Động Tôn, biểu thị vạn đức ở tâm. Lại có thuyết, ngón giữa là Phật bộ bất động, hai ngón trỏ là hai sứ giả của hai bộ của Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ.



Thập tứ căn bản ấn 6 - Tâm ấn

Ấn thứ bảy của 14 ấn căn bản - Giáp ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón giữa dựng lên như dạng Tràng, hai ngón trỏ dựa vào đốt đầu tiên của ngón giữa, hai ngón vô danh thành bảo hình, hai ngón út, ngón cái dựng thẳng riêng rẽ. Đặt ấn vào bốn chỗ tim, hai vai, cổ họng, đặt lên đỉnh đầu rồi xả. Dùng ấn này gia trì bốn chỗ của thân, trở thành Bất Động thân, nên cũng còn gọi là Tứ xứ gia trì ấn.



Thập tứ căn bản ấn 7 - Giáp ấn

Ấn thứ tám của 14 ấn căn bản - Sư tử phấn tấn ấn

Cách kết ấn giống ấn thứ bảy, nhưng ngón trỏ của tay trái tách rời ra đan vào do động qua lại, ngón trỏ tay phải mở ra như hình Sư Tử Phấn Tấn. Sư tử dùng để biểu thị sự dũng mãnh của Bồ Đề tâm.



Thập tứ căn bản ấn 8 - Sư tử phấn tấn ấn

Ấn thứ chín của 14 ấn căn bản - Hỏa diệm ấn

Ngón cái tay phải dè lên ngón giữa và ngón vô danh, ngón trỏ dựng thẳng đặt vào lòng bàn tay trái, ngón trỏ tay phải này đè vào gốc của ngón giữa, tức biểu thị ngọn gió đại bi của Phật, thổi bùng lên trí của chúng sinh. Còn trong "Đệ Lý kinh" dùng ngón cái tay phải nắm lấy ba ngón còn lại, ngón trỏ duỗi ra chỉ vào lòng bàn tay trái, năm ngón tay của tay trái xòe rời ra như ngọn lửa.



Thập tứ căn bản ấn 9 - Hỏa diệm ấn

Ấn thứ mười của 14 ấn căn bản - Hỏa diệm luân chỉ ấn

Còn có tên là Chế Hỏa ấn, Già Hỏa ấn. Hai tay nắm lại thành quyền ngón cái đặt vào giữa và ngón trỏ, hai quyền đặt sát nhau. Ngón cái đặt giữa ngón trỏ và ngón giữa, lửa lập tức tự tắt, tượng trưng việc dùng Trí của Đại Không, diệt trừ lửa phiền não của các nghiệp.



Thập tứ căn bản ấn 10 - Hỏa diệm luân chỉ ấn

Ấn thứ mười một của 14 ấn căn bản - Thương khử ấn

Thương Khử tức pháp loa (pháp Phật xoáy tròn như trốn ốc phát ra tiếng), dùng ngón cái của mỗi bàn tay đè lên trên ngón vô danh và ngón út, hai ngón giữa dựng thẳng tiếp xúc nhau ở đầu ngón, ngón trỏ bên phải đặt lên đốt thứ nhất của ngón giữa bên phải, ngón trỏ bên trái dựng thẳng tách rời ngón giữa. Pháp loa biểu thị sự thuyết pháp Phật.



Thập tứ căn bản ấn 11 - Thương khử ấn

Ấn thứ mười hai của 14 ấn căn bản - Khát ngạ ấn (Kiếm ấn)

Ngón trỏ và ngón giữa tay trái duỗi thẳng, dùng ngón cái đè lên móng ngón út và ngón vô danh làm vỏ đao, tay phải cũng làm như vậy, rồi đặt đao (ngón trỏ và ngón vô danh) của tay phải và vỏ đao của tay.



Thập tứ căn bản ấn 12 - Khát ngạ ấn (kiếm ấn)

Ấn thứ mười ba của 14 ấn căn bản - Quyên sách ấn

Ngón cái tay phải đặt lên móng của ba ngón là ngón vô danh, ngón giữa và ngón út, ngón trỏ tay phải dựng thẳng đặt vào bàn tay trái, ngón giữa, ngón vô danh và ngón út của tay trái nắm lấy ngón trỏ và ngón cái của tay trái nắm lại như hình chiếc khoen. Ấn này biểu thị dây lụa do Minh Vương nắm giữ.



Thập tứ căn bản ấn 13 - Quyên sách ấn

Ấn thứ mười bốn của 14 ấn căn bản - Tam cổ kim cang ấn

Đặt ngón cái lên móng của ngón trỏ tay phải, ba móng còn lại duỗi thẳng ra như Tam cổ (ba phần), trong "Sứ giả Pháp" gọi ấn này là "Vô Úy Thanh Tịnh ấn".



Thập tứ căn bản ấn 14 - Tam cổ kim cang ấn

Ái Nhiễm Minh Vương

Ái Nhiễm Minh Vương (Phạn danh Ràga-ràja). Một trong bản tôn của Mật giáo. Hán dịch có các tên như "Ái dục tham nhiễm túc tịnh Bồ Đề tâm", nên có danh hiệu Ái Nhiễm Minh Vương. Còn từ ràja hàm nghĩa màu đỏ, do đó, vị ton giả này phần lớn toàn thân màu đỏ tượng trưng cho đặc đức về Hòa Ái (yêu thương)

Ái Nhiễm Minh Vương tượng trưng cho Nhiễm ái tình dục của chúng sinh vốn là bản tánh thanh tịnh, Nhiễm và Tịnh bất nhị, và dựa theo đó tu tập Tịnh Bồ đề tâm, điều này có nghĩa Phiền Não tức Bồ đề.

Tu tập pháp của Ái Nhiễm Minh Vương, chủ yếu lấy việc điều phục, kínhái và cầu phúc làm chính, nhất là xem trọng



Ái Nhiễm Minh Vương

pháp kính ái. Pháp này vốn là bí pháp của Đài Mật, sau này Đông Mật, Đài mật đều cùng tu tập.



Ái Nhiễm Vương căn bản ấn

Ấn căn bản của Ái Nhiễm Vương

Hai tay bắt Kim Cang quyền nội phược, hai ngón giữa dựng thẳng giao nhau thành Nhiễm, đặt ấn lên tim, trán, cổ họng, quyền hai tay nắm lại biểu thị Kim Cang giới, nội phược tức Thai Tạng giới. Hai tay giao nhau nghĩa là định và huệ hợp nhất, lấy tự thân tức bản tôn, ấn này gọi là Nhiễm ấn.

Đại Uy Đức Minh Vương

Đại Uy Đức Minh Vương (Phạn danh Yamàntaka), dịch âm là Diêm Mạn Đức Già, nghĩa là diệt trừ diêm ma, nên biệt hiệu trên Hàng Diêm Ma Tôn, Mật hiệu Uy Đức Kim Cang. Hay còn được gọi là Đại Uy Đức Tôn, Lục Túc Tôn. Là một trong Ngũ Đại Minh Vương hoặc Bát Đại Minh Vương. Nếu phối với ngũ Phật, tức giáo lệnh luân thân của Vô Lượng Thọ Phật, cũng có thể xem như hóa hiện của Văn Thù Bồ Tát.

Trong hiện đồ Mạn Đà La, vị tôn giả này có vị trí ở Trì Minh viện của Thai Tạng giới, bên phía trái của Bát Nhã Bồ Tát.

Trong Mật giáo Tây Tạng, Đại Uy Đức Kim Cang là một trong những bản tôn của Vô Thượng Mật tối cao. Các pháp tu liên quan đến vị này có rất nhiều, trong đó tác dụng chủ yếu đa số là hàng phục, trừ ma và đối trị Diêm La tử ma... là chủ tôn của túc Thân Thành Tựu trong Vô thượng Du già bộ. Các pháp tu lấy Đại Uy Đức Minh Vương làm bản tôn trong Mật giáo Nhật Bản, số lượng cũng không ít. Thông thường đều dùng để cầu khẩn sự thắng lợi trong chiến tranh hoặc là điều phục ác nhân.



Đại Uy Đức Minh Vương

Đại Uy Đức căn bản ấn - Bổng ấn

Hai tay hợp lại nắm thành quyền, hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tương hợp, hình cây giáo (sóc) biểu thị căn bản ấn, nên cũng gọi Bổng ấn (ấn hình gậy).



Đại Uy Đức - Tâm ấn

Đại Uy Đức căn bản ấn - Tâm ấn

Như căn bản ấn nói trên, duỗi hai ngón trỏ, cong lại như ba mũi kích giao nhau.



Đại Uy Đức tâm trung tâm ấn

Giống như tâm ấn thuật ở trên hai ngón trỏ dựng thẳng



Đại Uy Đức
tâm trung tâm ấn

Hàng Tam Thế Minh Vương

Hàng Tam Thế Minh Vương (Phạn danh trailokya-vijaya), Hán dịch các tên như: Thắng Tam Thế, Thánh Tam Thế, Nguyệt Yến Tôn, Kim Cang Thôi Phá Giả, Phẫn Nộ Trì Minh Vương Tôn... là một trong Ngũ Đại Minh Vương của Mật giáo, phối hợp với ngũ phương Phật, tức Giáo Lệnh Luân Thân (Phẫn Nộ thân) của Đông Phương A Chúng Phật. Do ngài có thể hàng phục tham, sân, si của chúng sinh tam thế và chủ của tam giới – Đại Tự Tại Thiên, cho nên có danh hiệu là Hàng Tam Thế.

Trong Mạn Đà La của Kim Cang giới, ngài thị hiện Phẫn Nộ hình của Kim Cang Tát Đỏa, hóa hiện của Đại Nhật Như Lai, cư trú ở Đông Phương Nguyệt Luân của Hàng Tam Thế



Hàng Tam Thế Minh Vương

hội và Hàng Tam Thế Tam muội gia hội. Trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới ngài ở Trì Minh viện.

Theo truyền thuyết Mật giáo, công năng chủ yếu của việc tu tập pháp của Hàng Tam Thế Minh Vương là điều phục, nhất là hàng phục Thiên ma, nếu trì tụng chơn ngôn của vị Minh Vương này thì vô lượng vô biên ma giới lập tức sẽ bị khổ não nóng bệnh. Phàm quyến thuộc chư ma có ý quấy nhiễu người tu hành, khi nghe thấy chân ngôn của vị Minh Vương này, không những không thể tiếp tục gây chướng, thậm chí còn trở thành nô bộc tùy tùng của người tu hành. Tu tập pháp của vị Minh Vương này, cũng có thể thu được các công đức như đánh thắng trận, trừ bệnh, được mọi người yêu kính.

Hàng Tam Thế (đại ấn)

Hai tay bắt Phẫn Nộ quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, lưng hai bàn tay hướng vào nhau, hai ngón út móc nhau lại, hai ngón trỏ cũng dựng lên, xoay bên trái là Nhổ trừ, vòng bên phải là kết giới.



Hàng Tam Thế - Đại ấn

Ô Khu Sa Ma Minh Vương (Uế Tích King Cang)

Ô Khu Sa Ma Minh Vương (Phạn danh Ucchusma), còn được gọi là Ô Qui Sa Ma Minh Vương, Ô Tố Sa Ma Minh Vương; cũng gọi Uế Tích Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang, Bất Tịnh Kim Cang, Thọ Dung Kim Cang, Bất Hoại Kim Cang, Trừ Uế Phẫn Nộ Tôn... Là một trong các Phẫn Nộ Tôn được Mật giáo Thiền tông thờ phụng, là Giáo Lệnh Luân Thân của Bắc Phương Yết Ma Bộ.

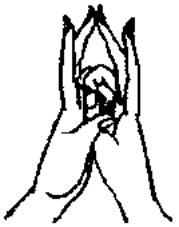
Theo quyển thứ 36 bộ "Huệ Lâm Âm Nghĩa" ghi, Bản nguyện của vị Minh Vương này muốn nuốt hết những gì dơ bẩn của mọi vật. mang số thâm tịnh đại bi, không tránh uế tạp, vì cứu hộ chúng sinh, cũng như đại uy quang của ngọn lửa to, đốt hết tâm phiền não, vọng kiến, tâm phân biệt, nhơ , sạch, sinh diệt. Do mang đặc đức là chuyển bất tịnh thành thanh tịnh, nên thường đặt ở nơi bất tịnh cung phụng.

Các pháp tu lấy vị Minh vương này làm bản tôn gọi là Ô Qui Sa Ma pháp, phần lớn dùng để cầu khẩn sinh sản bình an hoặc khử trừ những dơ bẩn khi sinh sản, hoặc muốn khu trục rắn độc, ác quỉ... cũng có thể tu pháp này. Phàm người trì tụng thần chú của vị Minh Vương này, có thể đắc được đại công đức, không những được trừ bệnh, kính ái, tránh được nạn, thọ phúc, kẻ địch khâm phục... các lợi ích lớn, càng có thể phòng ngừa các chướng ngại như Khô mộc tinh, ác quỉ, rắn độc... Ngoài ra, còn gọi là Ô Huyên Sa Ma Minh Vương biến thành nam tử pháp, có thể khiến thai nữ biến thành thai nam (sinh con trai thay vì con gái).

Ô Khu Sa Ma thân ấn

Ngón vô danh, ngón út của tay phải từ sau lưng ngón vô danh của tay trái, cắm vào đến chỗ giữa ngón vô danh và ngón giữa, rồi dùng ngón cái tay phải đè lấy móng tay ngón vô danh, ngón út tay phải và nắm lấy ngón vô danh và ngón út tay trái. Tiếp đến, gập cong ngón vô danh và ngón út tay trái,

ngón cái tay trái đè lấy móng ngón vô danh và ngón út tay trái làm thành dạng hai khoen móc vào nhau, và dựng thẳng hai ngón giữa, ngón trỏ dựng thẳng, đầu của hai ngón giữa tiếp xúc nhau, còn hai ngón trỏ bẻ cong tới lui. Ấn này còn được gọi là Phổ Diệm ấn.



Ô Khu Sa Ma thân ấn

Ô Khu Sa Ma thủ ấn (1) - Bạc già phạn căn bản ấn

Hay tay nội phược, hai ngón cái, hai ngón út dựng thẳng dựa vào nhau. Ấn này tên là Bạc Già Phạn Căn Bản ấn. Hai ngón cái, hai ngón út là hai đầu của Độc cổ. Khi triệu thỉnh thì tay cái lập long, triệu hai lần; khi phụng tống búng ra ngoài.



Ô Khu Sa Ma thủ ấn (1) - Bạc già phạn căn bản ấn

Ô Khu Sa Ma thủ ấn (2)

Hư tâm hợp chưởng, hai ngón tay út cong lại đặt vào lòng bàn tay, hai ngón cái đè lấy ngón út ở phần móng, hai ngón vô danh, ngón giữa, ngón trỏ dựng thẳng tiếp xúc nhau ở phần đầu ngón, các ngón hơi đẩy nhẹ nhau.



Ô Khu Sa Ma thủ ấn (2)

Ô Khu Sa Ma thủ ấn (3)

Hai tay nội phược, hai ngón giữa dựng thẳng tiếp xúc ở đầu ngón, hai ngón trỏ cong lại như hình móc, đặt vào lưng ngón giữa, như hình chày ba lớp.



Ô Khu Sa Ma thủ ấn (3)



Ô Khu Sa Ma Minh Vương

Ô Khu Sa Ma thủ ấn (4)

Tay phải nắm thành quyền, ngón cái dựng thẳng đè vào bên cạnh ngón trỏ, gia trì năm điểm.



Ô Khu Sa Ma thủ ấn (4)

Quân Đồ Lợi Minh Vương

Quân Đồ Lợi Minh Vương (Phạn danh: Kundah), dịch âm là Quân Đồ Lợi, dịch nghĩa là cái bình. Trong Mật giáo, Bình là tượng trưng cho Cam Lộ, cho nên dịch là Cam Lộ Quân Đồ Lợi. Có vị trí trong Tô Tất Địa viện của Thai Tạng Mạn Đà La. Là một trong Ngũ Đại Minh Vương của Mật giáo, là giáo lệnh luân thân (phẫn nộ thân) của Nam Phương Bảo Sinh Phật.

Quân Đồ Lợi Minh Vương lấy Từ Bi làm phương tiện, thành chúng đại uy nhật luân để chiếu diệu kẻ tu hành. Ngài rẩy nước Cam Lộ, để tẩy rửa tâm địa chúng sinh, do đó còn được gọi là Cam Lộ Quân Đồ Lợi Minh Vương (Amriti-kundhi, A Mật Lợi Đế Minh Vương). Ngoài ra, do thị hiện phẫn nộ tướng, hình mạo lại giống như thần Dạ Xoa, nên cũng được gọi là Quân Đồ Lợi Dạ Xoa Minh Vương (kundali-yaksas). Ngoài ra, cũng có thuyết dùng cách gọi lạ khác là "Đại Tiếu Minh Vương".

Pháp của Quân Đồ Lợi Minh Vương phần lớn dùng vào phương diện để điều phục, tiêu diệt, tăng ích. Nếu như người tu hành mỗi ngày vào bữa ăn, trước bữa ăn, cúng dường một ít đồ ăn, sau đó niệm tụng bảy lần tâm chú Quân Đồ Lợi Minh Vương. Ngoài ra, Quân Đồ Lợi chân ngôn thường được dùng để bổ trợ cho việc tu trì các Mật pháp khác, hoặc dùng để gia trì vật cúng dường.

Quân Đồ Lợi thủ ấn

Ấn này kết như sau: Hai tay mỗi tay dùng ngón cái đè lên móng của ngón út, ba ngón còn lại thì đựng thẳng



Quân Đồ Lợi thủ ấn



Quân Đồ Lợi Minh Vương

thành tam cổ hình (hình ba lớp) tay phải đè lên tay trái giao lại với nhau.

Quân Đồ Lợi tam muội gia ấn

Hai ngón út kẹp và trong, hai ngón vô danh gập lại đè lên giữa, hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tiếp xúc nhau, hai ngón trỏ gập con lại, đặt lên đốt trên cùng của ngón giữa: như cái chày ba lớp, hai ngón cái dựng thẳng, đè lên ngón vô danh.



Quân Đồ Lợi tam muội gia ấn

Khổng Tước Minh Vương

Khổng Tước Minh Vương (Phạn danh: Mahà-mayùrà-vidy-ràjnĩ) dịch ra âm Hán là Ma Ha Ma Du Lợi La Diêm, Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương... Vị tôn giả này tương truyền là hóa thân của Phật Tỳ Lô Giá Na hoặc Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong pháp tu của Mật giáo, người tu lấy Khổng Tước Minh Vương làm bản tôn, gọi là Khổng Tước Minh Vương kinh pháp, hay còn gọi là Khổng Tước kinh pháp. Là một trong tứ đại pháp của Mật giáo.

Nhân duyên ban đầu về xuất hiện của Khổng Tước Minh Vương, theo ghi chép trong "Khổng Tước Minh Vương kinh" khi đức Phật còn tại thế, có một tỳ kheo bị rắn độc cắn, đau đớn vô cùng. Khi tôn giả A Nan bạch lại với đức Thích Tôn, đức Phật liền tuyên thuyết một loại Đà La Ni chân ngôn có thể khử trừ ma muội, độc hại, ác tật. Đà La Ni này chính là Khổng Tước Minh Vương chú, từ đó bắt đầu được người đời biết đến uy lực Khổng Tước Minh Vương cũng như Đà La Ni của ngài.

Do ý nghĩa hiển lộ trong hình tượng của Khổng Tước Tôn, có thể biết được vị tôn giả này có bốn thứ diệu đức là



Khổng Tước Minh Vương

kính cứ, điều phục, tăng ích và tức diệt, có thể thỏa mãn hết thảy nguyện vọng chúng sinh, còn con Khổng Tước có thể ăn nuốt các độc trùng do ngài cưỡi, càng tượng trưng là vị tôn giả này có thể nuốt sạch hết thảy ngũ độc phiền não của chúng sinh.

Trong Mạn Đà La của hiện đồ Thai Tạng giới, vị tôn giả này được đặt ở Tô Tất địa viện, thân hình có màu đỏ hồng, hai cánh tay, tay phải giữ đuôi Khổng Tước, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên tòa sen đỏ. Lông Khổng Tước là hình Tam muội gia. Còn hình tượng lưu truyền ở Tây Tạng lại là Tam Diện Bát Tí (ba mặt tám tay), ngồi trên tòa sen, không cưỡi Khổng Tước.

Pháp môn của Khổng Tước Minh Vương rất hiệu nghiệm đối với các các lợi ích của thế gian như: hộ quốc, diệt trừ, cầu mưa, khử bệnh sống thọ, an sản... Đương nhiên quan trọng nhất, vẫn là chỗ dựa vào của người tu hành xuất thế gian đối với vị tôn giả này là khử trừ các loại phiền não độc hại trong tâm của chúng ta gồm tham, sân, si, mạn, nghi... khiến chúng ta có thể viên mãn về trí tuệ, từ bi bồ đề, nhanh chóng thành vô thượng Phật quả.

Khổng Tước Minh Vương ấn

Hai tay nội phược, hai ngón cái, ngón út dựng thẳng dựa vào nhau



Khổng Tước Minh Vương ấn

THỦ ẤN
CỦA CÁC HỘ THẾ THÁNH CHÚNG KHÁC

Đại Phạm Thiên

Đại Phạm Thiên (Phạn danh: Brahmã), dịch âm Phạn danh là Bà La Hạ Ma, dịch nghĩa là thanh tịnh, ly dục. Thần sáng tạo của Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo. Phật giáo liệt ngài vào Sơ Thiền Thiên của sắc.

Đại Phạm Thiên xem mình là tự chủ độc tôn, cho rằng mình là người sáng tạo vũ trụ, hậu thế nhất thiết chúng sinh đều do ngài hóa sinh, hiểu biết tường tận nghĩa lý của hết thảy kinh điển, thống lĩnh Đại Thiên thế giới, tự xem mình ở nơi giàu sang bậc nhất.

Phạm Thiên lại chia thành Tam Thiên, tức là Phạm Chúng Thiên (Phạn danh: brahma-pàrisadya), Phạm Phụ Thiên (Phạn danh: braham-puroohita) và Đại Phạm Thiên (Phạn danh: maha-brahma), gọi chung Phạm Thiên. Trong đó, Đại Phạm Thiên Vương thống ngự nhân dân của Phạm chúng, Phụ bật thần của Phạm Phụ. Mật giáo liệt vào một trong 12 vị trời, hủ hộ thượng phương. Là một trong 28 bộ chúng Quan Âm.

Thông thường gọi là "Phạm Thiên", phần lớn đều là chỉ Đại Phạm Thiên Vương, hay còn gọi là Phạm Vương, Thi Khí (Phạn danh: Sikhin) hoặc Thế Chủ. Trong truyền thuyết Ấn Độ cổ, ngài được hạ sinh từ Quang Âm Thiên vào thời kỳ đầu của vũ trụ, tạo tác vạn vật. còn trong Phật giáo, ngài cùng với Đế Thích Thiên đều là thần hộ pháp của Phật giáo.



Đại Phạm Thiên

Phạm Thiên ấn

Năm ngón bàn tay trái duỗi tự nhiên hơi cong lại, thành ấn Bán Liên Hoa (nửa đóa hoa sen)



Phạn Thiên ấn

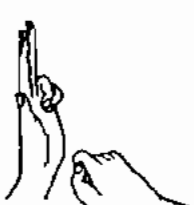
Đại Tự Tại Thiên (Y Xa Na Thiên)

Đại Tự Tại Thiên (Phạn danh: Isàna), dịch là Y Xá Na Thiên, còn gọi là Y Giá Na Thiên hoặc Y Sa Thiên, dịch nghĩa là tự tại, chúng sinh chủ, nghĩa là người Ty Phối. Là một trong Hộ thế bát phương, một trong 12 vị trời, hoặc một trong Thập phương Hộ pháp thần, thủ hộ phía Đông Bắc. Có thuyết nói ngài tức là Ma Tây Thủ La Thiên theo cách gọi cũ. Trong Thai Tạng giới Mạn Đà La có vị trí ở ngoại viện Kim Cang bộ.

Đại Tự Tại Thiên có thân màu xanh đen, hiện tướng phẫn nộ, trách mắng tam độc Tham, Sân, Si. Trên mặt ngài có ba con mắt, biểu thị hàng phục ba vọng chấp là Thô, Tế, Vi Tế. Trên thân đeo đầu lâu làm chuỗi Anh lạc. Đầu lâu tượng trưng cho căn bản vô minh, lấy đầu lâu làm Anh lạc biểu thị nghĩa của Phiền Não tức Bồ Đề. Tay trái cầm binh khí, cưỡi trên Đà Mã Huyết, đại biểu cho sự uống lấy phiền não. Tay phải cầm Tam Cổ kích, đại biểu dùng ngọn mâu của tam bình đẳng sát hại hai thứ chướng phiền não, sở tri. Không nhân chấp, pháp chấp.

Đại Tự Tại Thiên ấn

Tay phải nắm thành quyền đặt ở bên hông, tay trái gấp ngón vô danh, ngón út lại, còn ba ngón kia dựng thẳng hơi tách rời nhau, đây là hình ba lớp.



Đại Tự Tại Thiên ấn



Đại Tự Tại Thiên

Đế Thích Thiên

Đế Thích Thiên (Phạn danh: Sakra, devanam-indra), còn được gọi là Thích Ca Đề Hằng Ân Đà La, gọi tắt Thích Đề Hằng Ân, Thích Già Đề Bà, Kiều Thi Ca, Bà Sa Bà, Thiên Nhãn... Căn cứ theo ghi chép trong kinh luận, Đế Thích Thiên nguyên là Bà La Môn ở Ma Ca Đà quốc, do tu các phúc đức về bố thí, nên khi chết sinh lên cõi trời Đao lợi và trở thành Thiên chủ của 33 tầng trời. là một trong những thần hộ pháp quan trọng của Phật giáo, cũng là người thống nhiếp của Tứ Đại Thiên Vương cùng các Thiên, Long, Dạ Xoa ở dưới đất, Mật giáo liệt ngài là một trong 12 vị trời. trấn hộ phương Đông, cư trú ở khu vực Thiện của Đạo Lợi Thiên trên đỉnh núi Tu Di.

Đế Thích Thiên từ trước đến nay hết sức hộ trì Phật pháp, ngài không chỉ thường xuyên thỉnh thị Phật pháp với đức Phật, mà cũng thường xuyên dùng các loại vật phẩm thắng diệu cúng dường đức Thích Tôn và tăng chúng. trong kinh điển cũng thường dọc thấy Đế Thích Thiên thỉnh Phật thuyết pháp, nghe Phật thuyết Pháp hoặc hộ trì người tu chính pháp.

Đế Thích Thiên thủ ấn (1)

Ngón vô danh, ngón út tay trái gập vào lòng bàn tay, ngón trỏ cong lại đặt lên ngón giữa dựng thẳng, ngón cái hơi cong lại, đây là ấn tướng theo "Thập Nhị Thiên Quĩ" ghi chép.



Đế Thích Thiên thủ ấn (1)

Đế Thích Thiên thủ ấn (2)

Hai tay nội phược, hai ngón trỏ dựng vào nhau như hình kim, hai ngón cái dựng sát nhau, đây là ấn xuất phát từ Thai Tạng Tứ Bộ quĩ



Đế Thích Thiên thủ ấn (2)



Đế Thích Thiên

Ma Lợi Chi Thiên

Ma Lợi Chi Thiên (Phạn danh: Marìci), còn dịch Mạt Lợi Thiên hoặc Ma Lý Chi Thiên, dịch nghĩa là Uy Quang Thiên, Dương Diệm Thiên, hoặc còn gọi là Mạt Lợi Chi Đề Bà, Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát. Có sức tự tại đại thần thông, giỏi về ẩn thân, tu học theo vị tôn giả này có thể tiêu trừ chướng nạn, tăng tiến lợi ích.

Nếu tu tập Ma Lợi Chi Thiên pháp được thành tựu, không những có thể tiêu tai khử ách, đặc biệt nhất còn có thể ẩn thân. Theo ghi chép trong "Phật Thuyết Đại Ma Lý Chi Bồ Tát kinh", vị tôn giả này có thể "khiến các hữu tình có thể ẩn thân trên đường, ẩn thân trong đám đông. Đều có thể ẩn thân khi gặp các nạn như nước, lửa, trộm cướp..." Nếu thành kính y pháp tu trì, hết thảy thiên ma, ác quỉ, ngoại đạo đều không cách nào tìm thấy được hành tung của người tu pháp, còn "các A Xà Lê trì tụng, theo Ma Lợi Chi Thiên thành tựu pháp hạnh, tinh tấn tu tập, dũng mãnh bất thoái, không khuyết phạm, thì chúng sinh này sẽ chúng đắc đại trí thanh tịnh của Bồ Tát".

Theo ghi chép trong Phật điển, vị Bồ Tát này có các loại pháp tiêu tai giải ách, như trong kinh điển ghi: Phàm y pháp tụng chân ngôn căn bản cũng như tâm chân ngôn của Ma Lợi Chi Bồ Tát, không hạn chế số lần, thực tâm thành kính, ắt được uy thần của Bồ Tát gia hộ, hết thảy oan gai, ác nhân đều không thể thấy, hết thảy tai nạn đều được giải thoát.

Ma Lợi Chi Thiên căn bản ấn - Đại kim cang luân ấn

Cách kết ấn như Đại Kim Cang Luân ấn. Ngón út, ngón vô danh hai tay đan vào nhau đặt trong bàn tay, hai ngón giữa quấn lấy ngón trỏ, đặt ấn lên năm điểm của thân, đây là ấn Bát Phức Luân, mang công đức năng phá, có thể diệt trừ hết thảy chướng nạn.



Ma Lợi Chi Thiên căn bản ấn - Đại kim cang luân ấn



Ma Lợi Chi Thiên

Ma Lợi Chi Thiên ẩn hình ấn (An đát tổ na ấn)

Còn có tên là Bảo Bình ấn, Ma Hiệu ấn, Giáp Vị ấn, Kim Cang thành chi ấn. Tay trái nắm hờ lại, tay phải đặt ở phía trên tay trái như dạng che chở, ấn này là thân của Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, bàn tay phải tức là Ma Lợi Chi thân



Ma Lợi Chi Thiên ẩn hình ấn (An đát tổ na ấn)

Cát Tường Thiên Nữ

Cát Tường Thiên (Phạn danh: Srī-mahà-derì) là thần hộ pháp của Phật giáo, chủ về việc ban phúc đức.

Các tên khác của vị trời này rất nhiều, trong "Đại Cát Tường Thiên Nữ thập nhị danh hiệu kinh" liệt ra có 12 danh xưng là: Cát Khánh, Cát Tường Liên Hoa, Nghiêm Sức, Cụ Tài, Bạch Sắc, Đại Danh Xưng, Liên Hoa Nhãn, Đại Quang Diệu, Thi Thực Giả, Thi Ẩm Giả, Bảo Quang, Đại Cát Tường...; còn trong bộ "Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bách Bát Danh Vô Cấu Đại Thừa kinh" liệt ra tới 108 danh xưng. Ngoài ra, còn có các tên như Bảo Tạng Thiên Nữ hoặc Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên...

Ngoài ra, ngài còn được gọi là Công Đức Thiên, nhưng cũng có thuyết cho rằng Công Đức Thiên và Cát Tường Thiên là hai vị khác nhau, như quyển thứ bảy của "Đại Phật Đỉnh kinh", liệt ra cùng lúc hai vị tôn giả là Công Đức Thiên Nữ và Cát Tường Thiên Nữ, có thể thấy hai vị này không phải một người.

Tương truyền vị trời này là vợ của Tỳ Sa Môn, cha là Đức Xoa Ca, mẹ là Quỉ Tử Mẫu Thần. Trong Bà La Môn giáo xem bà như là Phi tử của Tỳ Nữu Thiên. Còn trong Mật giáo, xem vị Thiên nữ này là Đại Nhật Như Lai của Thai Tạng giới biến ra, cũng là Phi tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương biến thân từ Đại Nhật Như Lai của Kim Cang giới. Trong Mạn Đà La do A Xà Lê sở truyền, có vị trí ở bên cạnh Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên.



Cát Tường Thiên Nữ

Theo ghi chép trong "Kim Quang Minh kinh - Công Đức Thiên phẩm", Cát Tường Thiên đã gieo trồng các loại thiện căn từ đời quá khứ vào thời của Bảo Hoa Công Đức Hải Lưu Ly Kim Sơn Bảo Chiếu Minh Như Lai. Nên, hiện nay ngài có thể tùy nơi sở niệm, sở thị, sở chí mà khiến cho vô lượng bách thiên chúng sinh được mọi sự khoái lạc, cho đến các dụng cụ sản xuất cần thiết cũng như các loại trân bảo... đều được đầy đủ.

Sách còn chép, nếu như hành giả trì tụng "Kim Quang Minh kinh", cúng dường chư Phật, dùng hương hoa, nhang thơm, mỹ vị cúng dường Cát Tường Thiên, và trì niệm danh hiệu của ngài, sau khi y pháp cúng dường, tín đồ này ắt có thể được phúc báo về tiền tài bảo vật...

Trong kinh còn viết, sau khi được sự phù hộ của Thiên Nữ, cần phải đem phúc đức bố thí, cúng dường, cứu giúp người nghèo.

Nếu có người thành tâm tu trì vị tôn giả này, y pháp cầu khẩn sự phù hộ của Thiên Nữ, phúc đức thu được bất khả tư nghì.

Cát Tường Thiên Nữ thủ ấn (1) - Đại tam cổ ấn

Ấn này xuất xứ trong quyển thứ 10 "Đà La Ni tập kinh". Ngón vô danh, ngón út hai tay đan lại đặt trong bàn tay, dựng thẳng hai ngón giữa, hai đầu ngón dựa vào nhau, dùng đầu hai ngón trỏ đè vào đốt thứ nhất ngón giữa, còn hai ngón cái dựng thẳng sát nhau.



Cát Tường Thiên Nữ thủ ấn (1) -
Đại tam cổ ấn

Cát Tường Thiên Nữ thủ ấn (2) - Bát diệp ấn

Ấn này xuất xứ từ "Tỳ Sa Môn kinh".



Cát Tường Thiên Nữ thủ ấn (2) - Bát diệp ấn

Biện Tài Thiên

Biện Tài Thiên (Phạn danh: Sarasvatì-devì), dịch âm Phạn danh là Tát La Tát Phạt Đệ, Tát La Sa Phược Đệ, Sai La Sa Phược Đệ, Tô La Sa Phược Đái. Dịch nghĩa là Diệu Âm Thiên, Diệu Âm Lạc Thiên, Mỹ Âm Thiên, Đại Biện Tài Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Thiên Thần, Đại Biện Tài Thiên Vương, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần. Vị Thiên Chủ này chưởng quản về học vấn, biện tài, âm nhạc và phúc đức. Tương truyền Phạn ngữ và mẫu tự Thiên Thành Thể cũng do ngài sáng chế ra. Nguyên bản là vị Hà Thần người Ấn Độ tín ngưỡng, sau này triển chuyển hóa thân thành một trong những thần hộ pháp của Phật giáo.

Các sự tích liên quan đến việc hộ trì Phật pháp của Biện Tài Thiên được ghi chép ít nhiều trong quyển thứ bảy "Đại Biện Tài Thiên Nữ phẩm" bộ "Kim Quang Minh Tối Thắng Vương kinh". Theo ghi chép trong kinh này phàm là người tuyên giảng "Kim Quang Minh kinh" đều được ngài hộ trì để tăng trưởng trí tuệ, đầy đủ ngôn thuyết biện tài. Phàm là người quên mất kinh văn câu nghĩa, cũng có thể được sự giúp đỡ của ngài khai ngộ trí nhớ. Chúng sinh nào nếu nghe được kinh này, ắt được sự gia trì của Biện Tài Thiên, thêm còn được biện tài lanh lợi bất khả tư nghì, đại trí huệ vô tận, thậm chí



Biện Tài Thiên

có thể thiện giải chúng luận cũng như các loại kỹ thuật: vượt ra khỏi sinh tử, mau chóng chứng được vô thượng bồ đề. Còn trong kiếp này được tăng ích thọ mạng, các công cụ tài sản đều được đầy đủ viên mãn.

Tu tập pháp của vị Thiên nữ này, ngoại trừ tác dụng tăng ích, tức diệt, còn có thể khiến cho người đó trở thành đại thanh nhạc gia, hoặc nhà hùng biện lớn. Mật giáo Nhật Bản vô cùng sùngbái vị Tôn giả này và cũng có không ít truyền thuyết về vị Thiên nữ này khác với Phật điển của Ấn Độ, ví dụ như "Biện Tài Thiên Thập Ngũ Đồng Tử" và "Nhật Bản Bảo Bang Ngũ Biện Tài Thiên", đều là những truyền thuyết đặc hữu của Nhật Bản.

Biện Tài Thiên thủ ấn - Diệu âm thiên ấn

Bàn tay trái ngửa lên, bàn tay phải úp lại với ngón trỏ, ngón cái nắm lại với nhau.



Biện Tài Thiên thủ ấn
-Diệu âm thiên ấn

Diệm Ma Thiên

Diệm Ma Thiên (Phạn danh: yama), là một trong Bát Phương Thiên Hộ thế, một trong thập phương Hộ pháp thần cũng như một trong 12 vị trời. Trong Mật giáo, đặc biệt gọi Diệm Ma Vương là Diệm Ma Thiên, liệt vào Thiên bộ, nhưng hình tượng của Diệm Ma Thiên khác với Diệm Ma Vương. Trong Mạn Đà La ở hiện đồ Thai Tạng giới, ngài ở phía nam của ngoại viện Kim Cang Bộ. Và cũng do Diệm Ma là vua của quỉ giới, nên liệt vào các Ngạ Quỉ chúng ở Tây phương.



Diệm Ma Thiên

Tu pháp lấy vị trời này làm bản Tôn gọi là Diêm Ma Thiên pháp, tu pháp môn này có thể sống thọ trừ tai, nếu vì cầu phúc âm được gọi là Minh đạo cúng.

Diệm Ma Thiên thủ ấn - Đàn đồ ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai ngón trỏ, hai ngón út gập vào trong lòng bàn tay



Diệm Ma Thiên thủ ấn
- Đàn đồ ấn

Tỳ Sa Môn Thiên

Tỳ Sa Môn Thiên (Phạn danh: Vaisravana), còn gọi là Đa Văn Thiên. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương, một trong Bát Phương Thiên hoặc một trong 12 vị trời, suất lĩnh hai thần chúng là Dạ Xoa, La Sát, là thần thủ hộ phương Bắc của Diêm Phù Đề, hộ trì Phật pháp, thủ hộ thế gian. Cư trú ở phía Bắc của tầng thứ tư núi Tu Di.

Do vị Thiên Vương này luôn thủ hộ Đạo tràng, hay nghe Phật pháp, nên gọi là Đa Văn, có khi cũng được xem như là vị thần của chiến thắng và nhận được sự tôn sùng. Trong Mật giáo Tây Tạng ngài được xem như Tài thần bản tôn, có thể ban cho tiền tài vô tận. Ở các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản... Tỳ Sa Môn Thiên Vương đượcthờ phụng rất phổ biến, là vị Tài thần, Phúc thần nổi tiếng.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương không chỉ đặc biệt là vi nhiệt tình hộ trì Phật pháp nhất, có quan hệ với Phật giáo đồ mật thiết nhất trong các thiên thần, còn đối với sự tu chứng về Phật pháp lại càng sâu sắc. Do đó, có người cho rằng Tỳ Sa Môn



Tỳ Sa Môn Thiên

Thiên Vương là hóa thân của Đại Bồ Tát ủng hộ và giáo hóa chúng sinh.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngoài việc được xem như là vị Thần tài nổi tiếng, đồng thời cũng là người thủ hộ sự an lạc lợi ích của chúng sinh, giúp chúng sinh rời xa các ách nạn, có thể thỏa mãn các ước nguyện, có được đạo trí tuệ, thậm chí có cả thiên nhãn thông, thọ mệnh được lâu dài (trường thọ)

Hành giả nếu muốn được Tỳ Sa Môn Thiên Vương hộ trì, nguyên tắc quan trọng nhất là phải hành thiện hạnh, hợp với chánh pháp.

Tỳ Sa Môn thủ ấn - Ca đà bổng ấn

Hư tâm hợp chưởng, hai ngón út đan lại đặt trong lòng bàn tay, hai ngón cái dựng thẳng dựa vào nhau, hai ngón giữa, hai ngón vô danh dựng thẳng tiếp xúc ở đầu ngón. Tiếp tục, cong hai ngón trỏ lại cách lưng ngón giữa khoảng một tấc (tấtc Trung Quốc) không dựa vào nhau.

Đây là ấn của Tỳ Sa Môn Thiên trong Thai Tạng giới, tên gọi Ca Đà Bổng ấn.



Tỳ Sa Môn Thiên thủ ấn (1) - Già đại bổng ấn

Tỳ Sa thủ ấn (2) - Tháp bảo bổng ấn

Hai tay nội phược, hai ngón giữa dựng thẳng tiếp xúc nhau ở đầu ngón, gọi là Tháp Bảo Bổng ấn, ngón giữa như hình châu báu.



Tỳ Sa Môn thủ ấn (2)

Tỳ Sa thủ ấn (3) - Tăng trưởng thiên

Hai tay nội phược, hai ngón giữa dựng thẳng chạm nhau, gọi là ấn tháp báu như cây bổng.



Tỳ Sa Môn ấn (3) - Tháp bảo bổng ấn

Tăng Trưởng Thiên

Tăng Trưởng Thiên (Phạn danh: Virùdhaka), dịch âm của Phạn danh Tỳ Lỗ Đà Ca, còn được gọi là Tỳ Lưu Đa Thiên, Tỳ Lâu Lặc Thiên, Tỳ Tương Lặc Xoa Thiên. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương, cũng như 12 vị trời, đồng thời cũng là một trong 16 vị Thiên thần, còn có tên là Nam Phương Thiên.

Tăng Trưởng Thiên Vương suất lĩnh các quỉ thần như Cưu Bàn Đà, Tiết Chi Đa .. làm quyến thuộc, có thể thuyết phục tà ác, tăng trưởng thiện căn, đảm nhiệm sứ mệnh hộ trì chánh pháp của phương Nam, là thiện thần hộ pháp, do thủ hộ ở phía Nam, nên còn được gọi là Nam Phương Thiên. Do ngài còn có thể khiến cho chúng sinh tăng trưởng thiện căn, cho nên cũng có tên là Tăng Trưởng Thiên. Ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc thì Nam phương tượng trưng cho đặc tính của sự tăng ích, có thể tăng trưởng vạn bảo, nên cũng gọi là Tăng Trưởng Thiên.

Nơi cư trú của ngài là trong thành Thiện Kiến thuộc Lưu Ly Đỏa núi Tu Di, đất này ngang dọc 6000 do tuần, có bảy loại lan thuần (Lan can), La võng (lưới trời), hành thụ cũng như bảy loại báu để trang trí, có chúng điểu hòa minh (chim hót véo von), cảnh sắc tuyệt đẹp.

Tăng Trưởng Thiên Vương không những bảo vệ nhân dân rời xa tai chướng phiền não, mà còn phù hộ cho chúng sinh được tài bảo vô số, thọ dụng vô tận, tăng trưởng trí huệ, thọ mệnh.

Tăng Trưởng Thiên thủ ấn

Cổ tay trái lật nghiêng, cổ tay phải đặt lên cổ tay trái, các ngón tay tương hợp, hai ngón giữa móc vào nhau như dạng



Tăng Trưởng Thiên

khóa, hai ngón út, ngón trỏ, ngón cái cong lại, hai ngón vô danh dựng thẳng



Tăng Trưởng Thiên thủ ấn

Quảng Mục Thiên

Quảng Mục Thiên (Phạn danh: virùpaksa), dịch âm Phạn danh Tỷ Lưu Ba A Xoa, Tỳ Lâu Bà Xoa, Tỳ Lỗ Bác Xoa. Lại có tên Xú Mục Thiên, Tạp Ngữ Chủ Thiên, Phi Hảo Báo Thiên. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương cũng như 16 vị trời.

Vị trời này trú ở phía Tây lưng chừng núi Tu Di, là thiện thần hộ pháp thủ hộ phía Tây cũng là vua của các loài rồng, nên gọi là Tây Phương Thiên. Ngài thường dùng Tịnh Thiên Nhãn quan sát chúng sinh cõi Diêm Phù Đề, chưởng quản việc xử phạt kẻ ác, khiến khởi đạo tâm.

Quảng Mục Thiên Vương thường dùng Thanh Tịnh Thiên Nhãn quan sát hộ trì chúng sinh cõi Diêm Phù Đề, thủ hộ hết thảy chúng sinh rời xa các việc ác, được đầy đủ tài bảo, tăng trưởng thọ mạng, nhất thiết tự tại mọi việc thành tựu.

Vị Thiên Vương này suất lĩnh Vô Lượng Thiên Long và các thần Phú Đan Na làm quyến thuộc, thủ hộ Phật pháp.

Quảng Mục Thiên thủ ấn

Cổ tay trái lật nghiêng, cổ tay phải đặt lên cổ tay trái, hai lưng bàn tay dựa vào nhau, hai ngón giữa, ngón vô danh, ngón út cong lại về phía lòng bàn tay, hai ngón cái đè lên



Quảng Mục Thiên

móng tay của ngón giữa, lúc này hai ngón trỏ móc vào nhau như dạng khóa.



Quảng Mục Thiên thủ ấn

Trì Quốc Thiên

Trì Quốc Thiên (Phạn danh: dhrta-ràstra, Tạng danh Yul-hkhor-bsrun), dịch âm Đề Đầu Lai Tra, Đề Đa La Tra, Trì Lê Đa A La Đa Đa La Tra. Hay còn gọi Trị Quốc Thiên, An Dân Thiên, Thuận Oán Thiên.

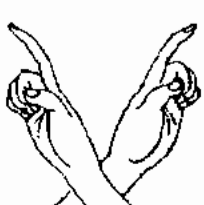
Do vị Thiên Vương này hộ trì quốc thổ, bảo hộ vỗ về chúng sinh, cho nên được gọi là Trì Quốc Thiên, lại còn được gọi Đông Phương Thiên. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương cũng như 16 vị Thiện Thần.

Trì Quốc Thiên trú ở Do Càn Đà Sơn lưng chừng phía Đông núi Tu Di, trú địa của ngài gọi là Hiền Thượng thành, có bảy tầng lan can, lưới chuông, hành thụ cũng như bảy báu... các vật trang sức đẹp đẽ. Cảnh sắc thù thắng.

Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương có thể hộ trì nhân dân không bị các bệnh khổ, không bị các ma chướng, phiền não; tăng trưởng trí huệ, tuổi thọ lâu dài, tài bảo đầy đủ, thọ dụng không hết, nhất thiết tự tại, làm mọi việc đều được thành tựu.

Trì Quốc Thiên thủ ấn

Hai tay nắm thành quyền giao lại với nhau, ngón trỏ dựng thẳng.



Trì Quốc Thiên thủ ấn



Trì Quốc Thiên

Địa Thiên (Kiên Lao Địa Thần)

Địa Thiên (Phạn danh: Prthivì) còn được gọi Địa Thần, Kiên Lao Địa Thần, tức là vị thần chủ chưởng đất đai, một trong 12 vị trời. Thể tánh của Địa (đất) là kiên cố bất động, có thể giúp vạn vật trú ẩn, có tác dụng giữ lấy vạn vật.

Vị thần này là thần được người Ấn Độ cổ đại sùng ngưỡng. Trong bộ "Lê Cư Phệ Đà", "A Thát Bà Phệ Đà" đều tán thán đây là vị nữ thần đầy đủ các mỹ đức như vĩ đại, kiên cố, bất diệt tánh, dưỡng dục quần sinh, sinh sản đất đai....

Trong Phật giáo, vị này được xem là Bồ Tát hoặc thần hộ pháp, trong các kinh điển cũng thường đọc thấy tôn danh của như công đức thế lực của vị tôn giả này.

Ngoài ra, trong quyển I bộ "Hoa Nghiêm kinh" tân dịch có đưa ra các danh hiệu như Phổ Đức Tĩnh Hoa Chủ Địa Thần, Kiên Phúc Đức Trang Nghiêm Chủ Địa Thần, Diệu Hoa Nghiêm Thụ Chủ Địa Thần, Phổ Tán Chúng Bảo Chủ Địa Thần, Tịnh Mục Quán Thụ Chủ Địa Thần, Diệu Sắc Thắng Nhãn Chủ Địa Thần... Và kể những vị thần này trong thời quá khứ từng phát nguyện rất thâm trọng: nguyện thường thân cận chư Phật Như Lai, đồng tu phúc nghiệp.

Ngoài ra quyển thứ 9 "Hàng Ma phẩm" bộ "Phương Quảng Đại Trang Nghiêm kinh" ghi, khi đức Phật mới thành đạo, vị Địa Thần này muốn làm chứng, từ trong đất vọt ra, nghiêng mình cung kính, dâng lên một bình thất bảo chứa đầy hương hoa để cúng dường Thế Tôn.

Còn trong "Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quĩ" từng nói, vị thần này cùng với Đại Công Đức Thiên bạch với đức Phật rằng, nếu như có chúng sinh nào lễ bái cúng dường và niệm tụng chơn ngôn này, ngài sẽ thường hằng xuất địa vị mà nhuận giúp đỡ người ấy, khiến thân người được tăng ích thọ mạng, địa tinh ích tràn đầy, trong thân hành giả sẽ được sắc lực, đắc niệm, được vui vẻ, được tinh tấn, được đại trí huệ,



Địa Thiên (Kiên Lao Địa Thần)

được biện tài, được tam minh lục thông, ai cũng yêu kính, được vô tỷ vô lượng đại phúc đức...

Ngoài ra, vì cầu phúc, cầu đất nước giàu mạnh hoặc cầu trấn hộ thổ địa mà tu pháp cúng dường được gọi là Địa Thiên cúng hoặc Thổ công cúng.

Địa Thiên thủ ấn - Bát ấn

Ngoại trừ hai ngón cái, tám ngón còn lại của hai tay chụm lại ở đầu ngón tay thành hình tròn, hai ngón cái như cái nắp che.



Địa Thiên thủ ấn - Bát ấn

Thủy Thiên

Thủy Thiên (Phạn danh: Varuna), dịch âm Phạn danh là Phược Lỗ Na, Phược Lâu Na, Bà Lâu Na, Phạt Lâu Nà. Một trong 12 vị trời của Phật giáo, một trong hộ thế Bát phương thiên. Thủ hộ phía Tây vua của loài rồng, thuộc một trong năm loại Thiên trung địa cư thiên.

Vốn là một vị thần trên trời Bà La Môn giáo Ấn Độ cổ đại, chủ của sông hồ, chủ quản việc tế lễ duy trì đạo đức.

Thủy Thiên thủ ấn (1)

Tay trái nắm thành quyền, ngón cái tách ra không nằm trong lòng bàn tay, ngón trỏ dựng lên hơi cong lại, ấn này được đề cập trong "Thập Nhị Thiên Quĩ".



Thủy Thiên thủ ấn (1)

Thủy Thiên thủ ấn (2)

Hai tay nội phược, hai ngón trỏ dựng thẳng đầu ngón tiếp xúc nhau tạo thành hình tròn, đây là ấn Long sách, ấn của Thủy Thiên ở Thai Tạng giới ngoài Kim Cang giới.



Thủy Thiên thủ ấn (2)



Thủy Thiên

Hỏa Thiên

Hỏa Thiên (Phạn danh: Agni), dịch âm Phạn danh là A Kỳ Ni hoặc A Nga Na. Còn được gọi là Hỏa Tiên, Hỏa Thần, Hỏa quang Tôn. Biểu thị khi chư Phật còn hành Bồ Tát đạo, dùng lửa Trí tuệ thiêu đốt tất cả tâm nhơ bẩn, thắp lên ánh sáng chánh pháp.



Hỏa Thiên

Vị Hỏa Thiên này nguyên là một trong các vị thần của Ấn Độ cổ, là thần cách hóa của lửa. Bản tánh của hỏa là ấm áp, có tác dụng làm vạn vật chín muồi, nên tính chất thành thục, đồng thời có tác dụng thiêu rụi vạn vật khiến được thanh tịnh. Từ thời đại "Phệ đà", lửa đã được sùng bái rộng rãi, trong các "Kệ tụng" của "Phệ đà" số lần Hỏa Thần được tán vịnh chỉ đứng sau Đế Thích Thiên, và được xem là đứng đầu trong chư thần trên mặt đất. Trong bộ "Lê Cự Phệ Đà" xem vị Thiên này trẻ tuổi nhất trong các vị thần. cùng với Đế Thích Thiên (hoặc Phong Thiên vàyu), Nhật Thiên (sùya) hợp xưng là Phệ Đà tam tôn.

Vị Tôn này ở các trường hợp khác nhau hiện hiển ra rất nhiều loại hình thái, tượng trưng cho ánh sáng phá trừ đen tối, Tịnh Hóa lực có thể thiêu hủy bất tịnh. Có khi ngài là sứ giả giữa thần và người, là người trung gian; có khi là vị thần của gia đình, mang đến phồn vinh và giàu có; có khi lại là thủ hộ thần, bảo vệ nhà cửa được bình an.

Dựa vào tín ngưỡng ánh lửa bay lên trời có thể đạt đến cõi trời, Ấn Độ cổ đại cho rằng Hỏa Thần là sứ giả giữa người và các vị thần, nên trong nghi thức cúng dường, cũng thường chiêu thỉnh Hỏa Thần; sau đó đem vật phẩm bỏ vào lửa để cúng dường chư thần, đó chính là nguồn gốc của Hộ Ma (Hỏa cúng)

Theo Mật giáo, vị Thiên này là một trong hộ thế Bát thiên, một trong Thập phương hộ pháp thần vương cũng như một trong 12 vị trời. trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, vị trí ở phía Đông Nam bên ngoài Kim Cang Bộ.

Hỏa Thiên ấn

Tay trái đặt ở hông, tay phải xòe ra, ngón cái gập vào lòng lòng bàn tay, đốt giữa ngón trỏ cong lại.



Hỏa Thiên ấn

Phong Thiên

Phong Thiên (Phạn danh: vàyu), dịch âm Phược Duệ, Bà Dữu, Bà Dũ, Phạt Do. Còn được gọi là Phong Thần, Phong Đại Thần.

Nguồn gốc của Phong Thần có từ rất xa xưa, từ trong "Lợi Cự Phệ Đà" đã sớm thấy danh hiệu này: cùng với Nhật Thiên (sùya), Hỏa Thiên (Agni) hợp xưng là Phệ Đà tam tôn. Là vị thần ban cho con người danh dự, phúc mãn, con cháu đầy đàn hoặc sống lâu.

Mật giáo thờ làm một trong 12 vị trời, một trong Hộ thế Bát phương Thiên, có vị trí trong Mạn Đà La của hai bộ Thai Tạng, Kim Cang. Trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, vị trí ở phía Tây Bắc của ngoại viện Kim Cang Bộ. Còn trong Mạn Đà La của Kim Cang giới, thuộc một trong 20 vị trời của Ngoại Kim Cang bộ, có vị trí ở phía Tây.

Phong Thiên thủ ấn (1)

Tay trái dựng thẳng, gập ngón út, ngón vô danh vào lòng bàn tay, đây là ấn được ghi trong "Đại Nhật kinh sớ".



Phong Thiên thủ ấn (1)

Phong Thiên thủ ấn (2) - Phong tràng ấn

Tay phải nắm thành quyền, dựng thẳng ngón út, ngón vô danh, ấn này được gọi là Phong Tràng ấn, tức biểu thị có Phong thiên Tam muội gia của Phong Tràng ấn, đây là ấn được ghi trong "Tứ Bộ Nghi Quĩ".



Phong Thiên thủ ấn (2)
phong tràng ấn



Phong Thiên

Nhật Thiên

Nhật Thiên (Phạn danh: Aditya), dịch âm A Nê Đệ Gia, còn được gọi là Nhật Thiên Tử, Nhật Thần. ở Ấn Độ, mặt trời thần cách hóa, gọi là Nhật Thiên. Sau là biệt xưng của Thái Dương Thần (Phạn: sùrya, dịch âm Tô Lợi Gia). Sau khi



Nhật Thiên

truyền vào Mật giáo, trở thành một trong 12 vị trời, do Đại Nhật Như Lai vì lợi ích của chúng sinh mà trú trong Phật Nhật Tam muội, tùy duyên xuất hiện ở đời, phá trừ mọi tối tăm, tự nhiên khai hiển Bồ đề tâm, cũng như mặt trời chiếu ánh sáng khắp nơi, nên gọi là Nhật Thiên.

Nhật Thiên thủ ấn - Phúc trí hiển hiện ấn

Kết Bát ấn, hai ngón cái đặt vào lòng bàn tay, đè vào phần gốc của ngón vô danh, tên là Phúc Trí Hiển Hiện ấn, nghĩa là Khai phát Bồ đề tâm



Nhật Thiên thủ ấn - Phúc trí hiển hiện

Nguyệt Thiên

Nguyệt Thiên (Phạn danh: Candrà), còn được gọi là Nguyệt Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử. Dịch âm Chiên Đà La, Chiến Đạt La hoặc Chiến Nại La. Bà La Môn giáo của Ấn Độ đưa mặt trăng thần cách hóa, gọi là Nguyệt Thiên. Còn trong Mật giáo là một trong 12 vị trời, thuộc một trong 20 vị trời của ngoại bộ Mạn Đà La ở Thai Tạng giới, là một những vị ủng hộ Phật pháp của Thiên bộ.

Nguyệt Thiên thủ ấn

Giống như Phạm Thiên ấn, năm ngón tay trái duỗi ra hơi cong lại, quán tưởng nhật nguyệt trong bàn tay.



Nguyệt Thiên thủ ấn



Nguyệt Thiên

Đại Hắc Thiên

Đại Hắc Thiên (Phạn danh: Màhakàla), dịch âm Phạn danh là Ma Ha Ca La hoặc Ma Ha Cát La. Còn được gọi Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, hoặc Ma Ha Ca La Thiên.

Ấn Độ giáo xem vị thần này là biệt danh của Thấp Bà Thần (sĩva) hoặc là hóa thân của Cứu Ca là con của thần Siva (hoặc thị giả), chủ về sự phá hoại, chiến đấu; còn Phật giáo lại xem ngài như hóa thân của Đại Tự Tại Thiên hoặc hóa thân của Tỳ Lô Giá Na Phật.., các thuyết bất nhất, trong đó có người thờ cúng Đại Hắc Thiên làm Phúc Thần, mỗi nhà một cách nói khác nhau.

Nhật Bản xem Đại Hắc Thần là một trong bảy vị Phúc Thần, cho rằng Đại Hắc Thần là Phúc Thần ban cho thế gian Phúc Quý quan vị, rất được sự sùng tín rộng rãi trong dân gian. Đông Mật tương truyền, vị Tôn này là Đại Nhật Như Lai vì hàng phục ác ma thị hiện ra vị thiên thần có hình Phẫn Nộ Dược Xoa. Còn Mật giáo Tây Tạng tương truyền đó là Đại Hộ Pháp do Quan Thế Âm Bồ Tát hiển hóa. Đông Mật cùng Tạng Mật đều tương đối xem trọng tu pháp lấy Đại Hắc Thiên làm bản tôn.

Do vị Tôn giả này thống lĩnh vô lượng quỉ thần quyến thuộc, và thường xuyên dùng dược thuật để ẩn hình phi hành, do đó có thể vào lúc chiến tranh, gia hộ cho những chúng sinh nào cầu khẩn ngài; và cũng có thể khiến cho thức ăn được đầy đủ. Do đó, trong các tự viện ở Ấn Độ cũng như trong dân gian ở khu vực Giang Nam - Trung Quốc có người thờ phụng vị Tôn giả này trong bếp. Đồng thời, vị thần này cũng là một trong các vị thần được Phật giáo đồ thờ cúng trong nghĩa trang.

Lại có truyền thuyết là vị thần này cùng với quyến thuộc là Thất Mẫu Nữ Thiên, có thể ban phúc đức lớn cho những người nghèo khó. Do đó, Đại Hắc Thiên kiêm mang bốn loại tính cách là Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần (thần bếp), Trùng Gian Thần (thần giữ mộ) và Phúc Đức Thần và sùng bái khá phổ biến.

Đại Hắc Thiên thủ ấn

Hai tay nội phược, hai ngón út, ngón vô danh dựng thẳng rời nhau, ba lần tới lui (dao động ba lần), ấn này có nghĩa triệu thỉnh quỉ thần, tới hàng phục.



Đại Hắc Thiên thủ ấn



Đại Hắc Thiên

Hoan Hỉ Thiên

Hoan Hỉ Thiên (Phạn danh: Nandi kesvara), có nghĩa vui vẻ tự tại, tên đầy đủ là Đại Thánh Hoan Hỉ Tự Tại Thiên (Phạn danh: mahàrya-nandikesvara). Còn được gọi Hoan Hỉ Tự Tại Thiên; gọi tắt Thánh Thiên, Thiên Tôn.

Hoan Hỉ Thiên là con trai của Hiến Bà Thần với Bà La Hòa Đệ (hoặc gọi là Ô Ma) trong Ấn Độ giáo, có hình dạng mình người đầu voi. Cùng với người huynh đệ của mình là Tái Kiền Bà, quản lý tất cả quyến thuộc của cha mình là Đại Tự Tại Thiên, nên trong Phật giáo còn gọi ngài là Nga Na Bát Đệ (Phạn danh: gana-pati), dịch nghĩa là Quân đội, cũng có nghĩa là vị tướng của quyến thuộc Đại Tự Tại Thiên. Nga Na Bát Đệ còn có nghĩa là chướng ngại sự nghiệp của ngài, hoặc dùng sức bài trừ các loại chướng ngại, cho nên lại có tên là Tỳ Na Dạ Ca (Phạn danh vighnàyaka), vốn có nghĩa chướng ngại, hoặc bài trừ chướng ngại.

Hoan Hỉ Thiên thủ ấn

Hai ngón vô danh, hai ngón út móc vào nhau, hai ngón giữa hướng vào nhau, dựng thẳng vào giao nhau, hai ngón trỏ đặt lên ngón giữa, hai ngón cái đặt gần hai ngón trỏ, gia trì ở năm điểm.



Hoan Hỉ Thiên thủ ấn



Hoan Hỉ Thiên

Ha Lợi Đế Mẫu (Quỷ Tử Mẫu)

Ha Lợi Đế Mẫu (Phạn danh: Hàrìtì), là một trong những Dạ Xoa nữ. Hạ Lợi Đế Mẫu là dịch âm Phạn danh, dịch nghĩa là Hoan Hỉ Mẫu, Quỉ Tử Mẫu, Ái Tử Mẫu.

Dựa vào ghi chép trong quyển thứ 31 bộ "Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Tạp sự" Quỉ Tử Mẫu Thần có 500 con trai, thường ăn nuốt những trẻ nhỏ của thành Vương xá, sau được đức Phật hóa độ, qui y Phật được đức Phật dặn dò "Ủng hộ chư Già Lam cũng như Tăng Ni trú xứ khiến cho được an lạc". Còn trong bộ "Pháp Hoa kinh – Đà La Ni phẩm", vị nữ thần này cùng với mười La Sát nữ thề thủ hộ Pháp Hoa hành giả. Vị thần này vốn là quyến thuộc của Tứ Thiên Vương, thế lực rất lớn, nếu người nào bị tật bệnh hoặc không con cháu thành kính cúng dường đều được mãn nguyện.

Đức Phật vì tránh cho Quỉ Tử Mẫu cũng như các con mình, sợ khi không ăn thịt trẻ con không còn gì để ăn, nên cũng từ bi chuẩn cho Quỉ Tử Mẫu là "Toàn bộ các đệ tử Thanh Văn của ta ở Thiệm Bộ Châu, mỗi lần khất thực xong trong chúng sinh, vào cuối ngày khất thực nên để lại một mâm thức ăn, gọi tên của người và các con của người, khiến cho luôn được no đủ vĩnh viễn không bị đói khổ".

Các pháp tu lấy vị Quỉ Tử Mẫu Thần này làm bản tôn, gọi là Hạ Lợi Đế Mẫu Pháp, chủ yếu là pháp tu để cầu khẩn sinh sản được bình an, ngoài ra trong các kinh điển còn có rất nhiều pháp tiêu tai trừ bệnh của vị thần này.

Ha Lợi Đế Mẫu thỉnh triệu ấn

Dùng bàn tay phải kẹp lấy lưng bàn tay trái và nắm lấy lòng bàn tay trái, hướng về thân tay trái triệu ba lần.



Ha Lợi Đế Mẫu
thỉnh triệu ấn



Ha Lợi Đế Mẫu

Ha Lợi Đế Mẫu tử ấn

Hai tay chắp lại, gập hai ngón cái vào trong lòng bàn tay.



Ha Lợi Đế Mẫu ái tử ấn

Long (Rồng)

Long (Phạn danh: Nàga), dịch âm Phạn danh là Naca, Năng Nga. Họ nhà Rồng cư trú ở trong nước, có thể hô phong hoán vũ, thuộc xà hình quĩ loại, cũng là một trong Bát bộ chúng thủ hộ Phật pháp. Những chúng sinh có sự Ngu, si, sân, oán rất nặng, vì nghiệp báo đầu thai vào Long tộc, ra đời ở Hý Lạc Thành.

Theo ghi chép trong quyển thứ hai bộ "Phiên dịch danh nghĩa tập" thì: Rồng có bốn loại, một giữ Thiên Cung điện, trì giữ không cho rớt xuống, vì vậy trong nóc nhà của dân gian thường có làm hình của rồng; hai gọi gió làm mưa, làm lợi ích cho nhân gian; ba Địa Long, mở sông dẫn hồ; bốn Phục Tàng, ẩn theo bảo vệ Chuyển Luân Vương có Phúc Lớn".

Lãnh tụ của Long tộc gọi là Long Vương (nàgaràja), họ có đầy đủ uy lục lớn mạnh, thường theo bảo vệ Phật. Như Thiện Trụ Long Vương, Nan Đà, Bà Nan Đà Long Vương, A Nậu Đạt Long Vương... đều là những Long Vương theo Phật pháp Đại thừa, tinh tấn tu hành...

Quyến thuộc của họ rất ít sân tâm (lòng giậnghét) và thường nghĩ việc phúc đức, có thể hành động thuận theo pháp, thuộc về Hành Pháp Long Vương, không phải chịu nổi khổ của cát nóng, vả lại thường dùng thiện tâm theo thời gian mà làm mưa, khiến cho ngũ cốc của thế gian được nảy nở.



Long (Rồng)

Ngược lại với Hành Pháp Long Vương, có riêng một loại "Phi Hành Pháp Long vương" như các Long Vương Ba La Ma Thẻ, Tỳ Thậm Lâm Bà, Ca La, Hầu Lâu Hầu Lâu... chúng không thuận theo pháp hành động hoặc làm các pháp bất thiện, không kính Sa môn và Bà La Môn, nên thường nhận quả báo khổ sở cát nóng thiêu thân, những ác long này thường hiện khởi Đại Ác Thân ở cả Diêm Phù Đề, hưng khởi gió mưa bão lụt, khiến cho hết thảy ngũ cốc của thế gian bị tổn hại.

Long ấn

Ngón tay phải kẹp lấy lưng bàn tay phải, nắm bàn tay phải, hướng về thân bên trái triệu ba lần.



Long ấn

Nan Đà, Bạt Nan Đà Long Vương

Nan Đà Long Vương (Phạn danh: Nanda), hay còn được gọi là Nan Đồ Long Vương, Nan Đầu Long Vương. Dịch nghĩa Hỷ Long Vương, Hoan Hỷ Long Vương. Vì ngài có thể thuận ứng nhân tâm, điều hòa gió, mưa, được sự hoan hỉ của người đời rất sâu sắc, nên có các danh xưng như Hỷ Long Vương (Long vương vui vẻ). Là một trong Bát Đại Long Vương, đứng đầu Hộ pháp Long thần.

Theo ghi chép trong quyển thứ 28 bộ "Tăng Nhất A Hàm kinh" và quyển thứ 14 bộ "Đại Bảo Tích kinh", vị Long vương này có bảy đầu, tính rất hung ác, bị đệ tử của đức Phật là ngài Mục Kiền Liên hàng phục.



Nan Đà Long Vương



Bạt Nan Đà Long Vương

Ô Ba Nan Đà Long Vương (Phạn danh: upananda) là em trai của Nan Đà Long Vương, cùng với Nan Đà Long Vương đều là Phật giáo Đại hộ pháp Long vương.

Nan Đà, Bạt Nan Đà Nhị Long Vương ấn

Mười ngón tay của hai bàn tay xòe ra, hai ngón cái đan vào nhau, ngón cái tay phải đè lên ngón cái tay trái tức ấn của Nan Đà Long Vương; còn ngón cái tay trái đè lên ngón cái tay phải tức ấn của Bạt Nan Đà Long Vương. Ấn này còn có tên là Cửu Đầu Long Ấn, Nhất Thiết Long Ấn.



Nan Đà, Bạt Nan Đà Nhị Long Vương ấn

La Sát

La Sát (Phạn danh: Ràksaca) chỉ ác quỉ ăn thịt người. Còn được gọi là La Sát La, La Xoa La, La Khất Sát Sa, A Lạc Sát Sa. Dịch nghĩa là Khả Úy, Hộ Giả, Tốc Tất Quỉ. La Sát phái nữ được gọi là La Sát Tư (raksasi), hay La Xoa Tư. Quyển thứ 25 bộ "Huệ Lâm Âm Nghĩa" ghi: "La Sát, là nói về ác quỉ vậy. Ăn thịt uốngmáu người, hoặc bay lên trời, hoặc đi dưới lòng đất, nhanh nhẹn đáng sợ". Cũng trong quyển sách này nhưng trong quyển thứ bảy lại nói: "La Sát Sa, tiếng Phạn, thời xưa gọi là La Sát, sai vậy, vốn là tên của Bạo Ác Quỷ. Nam thì cực xấu, nữ thì rất đẹp, và đều ăn nuốt người".

Ngoài ra, còn có một thuyết gọi La Sát vốn là ngục tốt ở Địa ngục, chức ty trừng phạt tội nhân. Nhưng trong Phật điển, La Sát theeq nguyện thủ hộ Phật pháp cũng như người hành chánh pháp, thường là thủ hộ thần trong Phật giáo, và cũng thường tham dự pháp hội, theo Phật nghe pháp hoan hỉ vui mừng làm theo.

La Sát thiên thủ ấn

Tay trái bắt kiếm ấn, cũng như đao ấn.



La Sát thiên thủ ấn



La Sát

Ca Câu La

Ca Lâu La (Phạn danh: Caruda), dịch ra âm Hán có các tên như Ca Lưu La, Ca Lầu La, Ca Lâu La, Kim Xí Điểu, Diệu Xí Điểu, Thực Khổ Bi Khổ Thanh.

Ca Lâu La là một loại chim lớn có tính cách mãnh liệt trong thần thoại Ấn Độ, truyền thuyết cho rằng là vật cưỡi của Tỳ Thấp Nô Thiên. Hoặc có thuyết là khi ra đời, thân thể trần trụi, chư thiên làm lễ Hỏa thiên mà lễ bái. Trong Phật giáo, là một trong các bộ chúng của Thiên Long Bát Bộ.

Theo ghi chép trong Phật điển, đôi cánh của Ca Lâu La do các bảo vật dan kết mà thành, cho nên còn được gọi là Kim Xí Điểu hoặc Diệu Xí Điểu. Loài chim này có cơ thể cực lớn, hai cánh khi dang ra hơn vài ngàn dặm, thậm chí lớn đến vài triệu dặm, trong quyển thứ 48 bộ "Kinh Luật Dị tướng" ghi, gió mà cánh của loài chim này quạt ra, nếu vào mắt người sẽ bị mù liền. Trong quyển thứ bảy bộ "Bồ Tát Tùng Đâu Thuật Thiên Giáng Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ kinh" ghi, Kim Xí Điểu Vương thân dài 8000 do tuần, hai cánh mỗi cánh dài 4000 do tuần. Thức ăn là những con rồng.

Kim Xí Điểu (Ca Câu La) ấn

Còn được gọi là Kim Xí Điểu Vương ấn. Hai ngón cái giao nhau, hai bàn tay xòe ra như đôi cánh. Kết thành hình Kim Xí Điểu (chim cánh vàng) động ba lần, như dạng đang bay.



Kim Xí Điểu (Ca Câu La) ấn



Ca Câu La

Thiên thứ ba

Cơ sở thủ ấn để tu pháp Đông Mật - Mười tám khế ấn

Thập bát đạo khế ấn là 18 thủ ấn cơ bản của Đông Mật khi tu trì Tứ gia hành, đồng thời các ấn này cũng là 18 loại thủ ấn thông dụng trong các loại tu pháp. Do đây là thủ ấn được dùng khi tu 18 đạo pháp trong Tứ gia hành của Đông Mật, nên còn gọi là Thập bát đạo khế ấn, hoặc gọi tắt là Thập bát đạo, Thập bát khế ấn.

Theo truyền thuyết các phương thức tiến hành căn cứ vào qui định của người Ấn Độ khi tiếp đãi các tân khách tôn kính nhất rồi diễn hóa ra. Thông thường theo thứ tự có thể chia thành sáu nhóm sau:

1. HỘ THÂN PHÁP
   1. Tịnh Tam Nghiệp
   2. Phật Bộ Tam muội gia
   3. Liên Hoa Bộ Tam muội gia
   4. Kim Cang Bộ Tam muội gia
   5. Bị Giáp Hộ Thân



1. *Hộ Thân Pháp*: còn được gọi tên hành giả trang nghiêm pháp là pháp để trừ uế tịnh thân. Trước tiên, Tịnh Tam Nghiệp ấn, thanh tịnh Tam Nghiệp. Tiếp theo kết Phật Bộ Tam muội gia ấn, Liên Hoa Bộ Tam muội gia ấn, Kim Cang Bộ Tam muội gia ấn, được sự che chở của ba bộ Phật Bộ, Liên Hoa Bộ và Kim Cang Bộ, thanh tịnh Tam nghiệp thân, khẩu, ý. Rồi kết Phi Giáp Hộ Thân ấn, chuẩn bị giáp vị của Như Lai để trang nghiêm thân của hành giả.
2. *Kết Giới Pháp*: trước tiên kết Địa Kết ấn, kiên cố nơi đất đang trụ. Tiếp đến kết Kim Cang Tường ấn, lập hàng rào xung quanh để phòng người khác xâm nhập

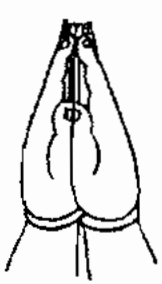
3. *Đạo Tràng Pháp*: kiến lập và đạo tràng trang nghiêm ở nơi kết giới. Có hai ấn: Đạo Tràng quán ấn, Đại Hư Không Tạng ấn.
4. *Khuyến Thỉnh Pháp*: nghênh thỉnh Bổn Tôn nhập đạo tràng. Tức là kết Bảo Xa Lạc ấn, để đưa xa lộc trang nghiêm bằng thất Bảo nghênh thỉnh bản Tôn. Tiếp đến kết Thỉnh Xa Lạc ấn, mời bản tôn ngồi lên xe tới Đạo Tràng. Rồi kết Nghênh thỉnh Bản Tôn ấn, nghênh tiếp bản Tôn lên trên đàn.
5. *Kết Hộ Pháp*: tức là bổn Tôn đã đến Đạo Tràng, nên kết Bộ Chủ ấn để khu trừ các ma đi theo. Tiếp đến kết Hư Không Võng ấn, để giăng lưới Kim Cang kiên cố ở trên không của đạo tràng. Rồi kết Hỏa Viện ấn, khiến bên ngoài tường Kim Cang có lửa bao bọc, khiến ngoại ma không xâm nhập được.
6. *Cúng Dường Pháp*: tức kết Át Già ấn, lấy nước cúng dường bản tôn. Tiếp đến kết Họa Tọa ấn, vì thánh chúng mà thiết lập tòa sen. Rồi kết Phổ Cúng Dường ấn, để làm các loại cúng dường, khiến bản tôn tùy ý mà thọ dụng.

Trên đây là nói loại tu pháp bao gồm 18 đạo khế ấn, ấn tướng và chân ngôn như sau:

Tịnh Tam Nghiệp Liên Hoa hợp chưởng

Tịnh Tam Nghiệp ấn, tức Liên Hoa hợp chưởng, thủ ấn này như sau: mười ngón tay xếp đều các đầu ngón chắp lại, hai lòng bàn tay rời nhau, nhô lên. Khi niệm ba lần chân ngôn, hơi mở ra hai đầu ngón giữa.

Ở các nơi Ngũ xứ gia trì (trán, vai phải, vai trái, tim, cổ họng), mỗi nơi niệm một lần chân ngôn, quán tưởng tam nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh vô cấu.



Tịnh Tam Nghiệp Liên Hoa hợp chưởng

Phật Bộ Tam muội gia ấn

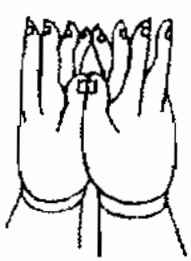


Phật Bộ Tam muội gia ấn

Phật Bộ Tam muội gia ấn tức hư tâm hợp chưởng (mười ngón tay đặt bằng nhau, lòng bàn tay hở), mở ra hợp chưởng, hơi cong hai ngón trỏ đặt lên đốt trên cùng của hai ngón giữa, tách hai ngón cái rời ra, nắm lấy đốt dưới cùng của ngón trỏ (dùng ngón cái đè lên cạnh trong của ngón trỏ).

Kết Phật Bộ Tam muội gia ấn, miệng niệm chân ngôn, quán tưởng chủ tôn của Phật bộ gia trì hành giả, mau được thân nghiệp thanh tịch, tội chướng thanh trừ, phúc huệ tăng trưởng.

Liên Hoa Bộ Tam muội gia ấn



Liên Hoa Bộ Tam muội gia ấn

Liên Hoa Bộ Tam muội gia ấn, tức Bát Diệp ấn. Hai tay hư tâm hợp chưởng, đầu hai ngón cái và hai ngón út tiếp xúc nhau, còn sáu ngón ở giữa hơi cong lại (như hình hoa sen nở)

Tay kết Liên Hoa Bộ Tam muội gia ấn, miệng niệm chân ngôn, quán tưởng Quán Tự Tại Bồ Tát và chư tôn của Liên Hoa Bộ gia trì hành giả được Ngữ nghiệp thanh tịnh, biện tài vô ngại.

Kim Cang Bộ Tam muội gia ấn



Kim Cang Bộ Tam muội gia ấn

Tay trái ngửa lên, tay phải úp lại, lưng bàn tay tương hợp, ngón cái tay phải giao nhau với ngón út tay trái (đan nhau), ngón trỏ tay trái đan với ngón út tay phải, sáu ngón còn lại chia ra đặt lên lưng bàn tay (giống như cái chày ba lớp).

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng Kim Cang Tạng Bồ Tát và chư tôn của Kim Cang bộ gia trì hành giả, được Ý nghiệp thanh tịnh, chứng Bồ đề tâm, chóng được giải thoát.

Phi Giáp Hộ Thân ấn



Phi Giáp Hộ Thân ấn

Phi Giáp Hộ Thân ấn còn được gọi là Phi Giáp ấn, Hộ Thân Tam muội gia ấn, tức hai ngón tay út, hai ngón vô danh phải đè lên trái, đan nhau đặt vào lòng bàn tay (ban đầu kết ấn nội phược, dựng thẳng hai ngón giữa), hai ngón giữa dựng thẳng, đầu ngón tiếp xúc nhau, đem hai ngón trỏ ra sau lưng ngón giữa, cong lại thành hình móc câu (không tiếp xúc với ngón giữa), hai ngón cái đặt bằng nhau, đè lên bên cạnh hai ngón vô danh.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng thân mặc giáp Đại từ đại bi của Như Lai, hết thảy thiên ma đều khởi từ tâm, không thể chướng ngại.

Kim Cang Quyết kim cang quyết ấn



Kim Cang Quyết kim cang quyết ấn

Kim Cang Quyết ấn còn gọi là Địa Kết ấn, cách kết ấn: ngón giữa tay phải đặt vào giữa ngón trỏ và ngón giữa tay trái, ngón vô danh tay phải đặt vào giữa ngón trỏ và ngón giữa tay trái, ngón vô danh tay phải đặt vào giữa ngón vô danh và ngón út tay trái (phần đầu ngón đưa ra ngoài). Tiếp đến ngón giữa tay trái từ lưng của ngón giữa tay phải đặt vào giữa ngón vô danh và ngón út phải, đầu của hai ngón út và hai ngón trỏ chống đỡ lẫn nhau, hai ngón cái hướng xuống dưới, đầu ngón tiếp xúc nhau. Niệm chân ngôn một biến, đồng thời giáng hạ yếu lĩnh của việc hướng ép xuống đất (ba lần).

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng xuống tới thủy tề Kim Cang bất hoại giới, đại lực chư ma không thể đông tới, bỏ ít công sức tức thành tựu quả lớn, do sức gia trì, mọi vật dơ ở trong đất đều được thanh tịnh.

Kim Cang Tường ấn



Kim Cang Tường ấn

Kim Cang Tường ấn, còn gọi Tứ Phương Kết ấn. Trước tiên, kết Địa Kết ấn (ấn như trên), sau đó mở hai bàn tay ra, dựng thẳng hai ngón cái (làm thành dạng như bức tường), theo thứ tự quay ba lần.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng lửa từ trong thủ ấn vọt ra, kết hợp với đất đã tạo ở trên, đạo tràng biến thành Kim Cang kiên cố thành, chư ma, ác nhân, hổ lang, độc trùng .. đều không thể đến gần.

Đạo Trường Quán Như Lai quyền



Đạo Trường Quán Như Lai quyền

Như Lai Quyền ấn: tay trái bắt Liên Hoa quyền, nắm lại bốn ngón từ ngón trỏ xuống, dùng ngón cái đè đốt giữa ngón trỏ. Tay phải bắt Kim Cang quyền, dùng ngón giữa, ngón vô danh, ngón út nắm lấy ngón cái, dùng ngón trỏ dè lên phần móng ngón cái. Dựng thẳng ngón cái của Liên Hoa quyền tay trái, ngón út quyền phải nắm lấy đầu ngón cái tay trái.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng "chữ A" trước ngực biến thành cung điện Thất Bảo, chữ "Ngật Lợi" ở dàn trung ương biến thành Bát Diệp Liên Hoa, Suất Đô Bà (Tháp) biến thành Đại Nhật Như Lai.

Đại Hư Không Tạng ấn



Đại Hư Không Tạng ấn

Hai tay hư tâm hợp chưởng, ngoại phược hai ngón giữa, hai ngón trỏ cong lại thành bảo hình, hai ngón cái xếp cạnh nhau.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng các vật dụng để cúng dường từ thủ ấn xuất hiện.

Bảo Xa Lạc ấn



Bảo Xa Lạc ấn

Bảo Xa Lạc ấn, hay còn gọi là Tống Xa Lạc ấn, hai tay nội phược, ngửa lên, hai ngón trỏ dựng thẳng, đầu ngón tiếp xúc nhau, sáu ngón còn lại hơi mở xòe ra tạo thành hình tòa sen, dùng hai ngón cái đè lên phần dưới của hai ngón trỏ, niệm tụng chân ngôn, hai ngón cái ngoại phược.

Thỉnh Xa Lạc ấn



Thỉnh Xa Lạc ấn

Kết Bảo Xa Lạc ấn (ấn trên), tụng chân ngôn và dùng ngón cái đè lên đầu ngón giữa ba lần (động tác triệu thỉnh)

Liên Hoa Bộ triệu thỉnh ấn



Liên Hoa Bộ triệu thỉnh ấn

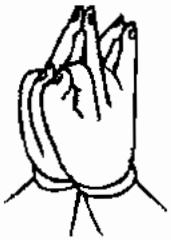
Hai tay nội phược, dựng thẳng ngón cái tay phải cử động ba lần tới lui (dựng thẳng gập lại ba lần)

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng bản tôn bất xả bi nguyện, tới nơi Tịnh thổ do Tam Ma Địa hình thành.

Mã Đầu Minh Vương ấn

Mã Đầu Minh Vương ấn, hay còn gọi là Bộ Chủ Kết Giới ấn, Tịch Trừ Kết Giới ấn. Hai tay hư tâm hợp chưởng, hai

ngón trỏ, hai ngón vô danh gập vào lòng bàn tay, hai ngón út dựng thẳng, hai ngón giữa dựng thẳng đầu ngón tiếp xúc nhau, hai ngón cái dựng thẳng, tách rời từ hai ngón trỏ, làm thành hình Mã khẩu (miệng ngựa).



Mã Đầu Minh Vương ấn

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng quét sạch hết thảy chư ma, thà hỏa giới kiên cố.

Kim Cang Võng ấn

Kim Cang Võng ấn, hay còn gọi là Hư Không Võng ấn, Chuẩn Địa Kết Ấn (Kết Ấn Chuẩn Địa), dùng hai ngón ái nắm lấy phần dưới đầu hai ngón trỏ, chuyển về phải ba lần.



Kim Cang Võng ấn

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng do sức gia trì này, tha hóa tự tại chư thiên cũng không thể chướng nạn, hành giả thân tâm an lạc, thành tựu Tam ma địa.

Kim Cang Viêm ấn

Kim Cang Viêm ấn, hay còn gọi là Kim Cang Hỏa Viện ấn, hoặc Hỏa Viện ấn. Đặt tay trái lên lưng tay phải, hai ngón trỏ đối diện nhau, dựng thẳng thành hình tam giác, tám ngón còn lại xòe ra.



Kim Cang Viêm ấn

Át Già ấn

Dùng hai tay dơ cao khí cụ Át Già, miệng niệm chân ngôn. Quán tưởng dâng lên nước Át Già, Tam nghiệp của hành giả được thanh tịnh.



Át Già ấn

Liên Hoa tòa bát diệp Liên Hoa ấn

Ấn này mặc dù giống Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia ấn, nhưng các đầu ngón tay hơi cong lại.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng vô lượng Kim Cang Liên Hoa từ ấn hiện ra, nhất thiết thánh chúng đều ngồi lên tòa sen.



Liên Hoa tòa bát diệp
Liên Hoa ấn

Phổ Cúng dường ấn

Kim Cang hợp chưởng, đầu hai ngón trỏ tiếp xúc như bảo hình, hai ngón cái dựng thẳng sát nhau.

Miệng niệm chân ngôn, quán tưởng vô lượng vô biên phẩn thơm, hoa mạn, nhang thơm, đồ ăn thức uống, đèn sáng... đều thanh tịnh, đem cúng dường rộng rãi.



Phổ Cúng dường ấn

PHỤ LỤC 1

Thủ ấn dâng hiến bát cúng của Mật tông Tây Tạng

Trong phương pháp tu học Phật giáo Tây Tạng, thủ ấn bát cúng được sử dụng thông thường nhất. Thông qua thủ ấn bát cúng sẽ xuất hiện vô số vật phẩm cung dưỡng quí báu kỳ lạ để cung dưỡng lên chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn.

Cúng dường thông thường để chỉ các phẩm vật trang nghiêm như thức ăn, thức uống, ngọa cụ (vật dụng dùng nằm nghỉ), thang dược (thuốc men) hoặc các hoa, hương, anh lạc (chuỗi hạt đá quý), phấn thơm, âm nhạc.... dùng cúng dường dâng lên Phật Bồ Tát và các vị Thánh. Trong mười hạnh nguyện lớn (thập đại hạnh nguyện) của Phổ Hiền, có một mục gọi là "Quảng tu cúng dường" (cúng dường nhiều loại) và đó cũng là một chi trong "bảy chi hạnh nguyện" (thất chi hạnh nguyện) của Mật tông.

Chúng ta dùng những phẩm vật được mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ta yêu thích cúng dường dâng lên chư Phật Bồ Tát, tuy chư Phật và Thánh chúng không yêu cầu những cung dưỡng như thế, nhưng để tăng thêm phúc đức cho chúng sinh, các ngài vẫn tiếp nhận sự cúng dường.

Cúng dường, ngoài dâng cúng lên chư Phật, còn có ý nghĩa bố thí cho chúng sinh lục đạo.

Trong Đông Mật vật phẩm cúng dường như nước tịnh thủy, phấn thơm, hoa, nhang, thức ăn uống, đèn thường thấy nhất, còn trong Tạng Mật lại coi nước (nước để các Thánh rửa chân), nước uống (Át Già thủy), hoa, hương, đèn, phấn, thơm, trái cây, âm nhạc .. là tám loại cần dâng cúng.

Nghĩa tiêu biểu cho tám loại cúng ấy (bát cung biểu nghĩa) ấy là:

1. Sự .....Kết Thủ ấn
2. Lý .....Bát Công Đức Thủy
3. Trí .....Bát Phong Bất Động

Được giải thích như sau:

- ⊙ Hai loại nước..... Công đức vân
- ⊙ Hoa..... Bố thí
- ⊙ Hương .....Trì giới
- ⊙ Đèn.....Nhẫn Nhục
- ⊙ Đồ Hương (phấn thơm).....Cần..... Tinh Tấn
- ⊙ Thực.....Thiền Định
- ⊙ Nhạc..... Huệ .....Bát Nhã

Bát Cúng này về mặt khác, đại biểu cho ý nghĩa:

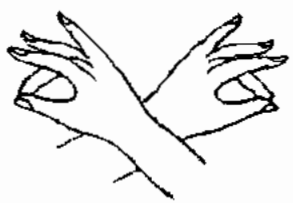
- ⊙ *Thủy*: tự tánh Tam muội thủy, viễn ly nhất thiết tạp nhiễm, thanh tịnh.
- ⊙ *Thực thủy*: Bát công đức thủy, đầy đủ hết thảy công đức.
- ⊙ *Hoa*: chân hoa do tự tâm lưu xuất, tâm hoa khai phát, tâm quang biến hiện.
- ⊙ *Hương*: chân hương của tự tánh, là loại thường xuyên dùng lửa tam muội soi rõ chánh pháp.
- ⊙ *Đăng* (đèn): Chánh giác tâm đăng, dùng lửa của trí tuệ thắp lên ngọn đèn của tự tánh, niệm niệm phản văn, tâm đăng thường soi chiếu.
- ⊙ *Đồ Hương* (phấn thơm): nhang phấn thơm của bản tịnh, hương thơm của bên trong, tỏa ra khắp pháp giới.
- ⊙ *Quả* (trái cây): biểu thị vô thượng Phật quả, phát quảng đại Bồ đề tâm tự giác giác tha, chứng đắc Phật quả viên mãn.
- ⊙ *Nhạc* (Âm nhạc): dùng âm nhạc tuyệt diệu nhất để cúng dường Thánh chúng, phát nguyện thành tựu thanh tịnh

diệu ly cấu diệu âm của đức Phật vì chúng sinh diễn thuyết diệu pháp, vui vẻ vô tận.

Thủ ấn của tạng mật hiến bát cúng

1. Hiến Bát Cúng

Khi hiến Bát Cúng, trước tiên hai tay bắt chéo thành Đàn chỉ ấn.



Hiến Bát Cúng

2. Chuyển Liên Hoa ấn:

Phương pháp một: khi niệm chữ "Om"(ohm) quán tưởng trong tự tâm có một đóa sen, trên đóa sen có Nhật Nguyệt Luân, trên Nhật Nguyệt Luân có chữ "Xá", phóng ra tám đạo bạch quang, trên đỉnh của mỗi đạo bạch quang đều có thiên nữ tay trì Bát cúng, tiếp đến, quán tưởng vô lượng Thiên nữ, tay cầm vô lượng vô biên Bát cúng.



Chuyển Liên Hoa ấn

Phương pháp hai: khi niệm chữ "Ông" có thể quán tưởng tự thân là ánh sáng hào quang, đem chữ "Chi" vào tâm của tự thân, trong sát na có khắp trên, dưới, trước, sau, trái, phải, từ thập phương phóng ra vô lượng vô biên bạch quang, trên đỉnh của mỗi một đạo bạch quang cũng đều có một vị Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ trong tay đều trì giữ Bát cùng, đem cúng dường Thượng Sư, lịch đại Tổ sư, Tam Bảo, Kim Cang, chư Hộ pháp... (có khi lúc này niệm danh hiệu của Bản Tôn:

Niệm tụng: Om Ban Tạp

PHỤ LỤC 2

Giải thích một số từ ngữ Phật giáp thường gặp trong sách

1. Ấn (hay thủ ấn)

Nói chung là một dấu hiệu thân thể. Trong tranh tượng, các đức Phật thường được trình bày với một kiểu tay đặc biệt (trong sách này gọi là *Thủ ấn*), đây vừa là một cử chỉ tự nhiên, vừa là một dấu hiệu của tính chất Phật (Phật tính). Trong Đại thừa, các Thủ ấn (ấn bắt bằng bàn tay) đều có một ý nghĩa đặc biệt, nhất là trong các tông phái như Thiên Thai, Kim Cang thừa, các ấn này thường đi đôi với Man – tra (linh phù). Ngoài ra, các ấn này giúp hành giả chứng được các cấp tâm thức nội tại, bằng cách giữ vững những vị trí thân thể nhất định và tạo mối liên hệ giữa hành giả và các vị Phật hoặc Đạo sư trong lúc hành trì một nghi quỹ.

2. Chơn ngôn

1. Dịch sát nghĩa là "lời nói chân thật" biểu hiện của Chơn Như.

2. Chú, hay một Đà – la – ni (câu kinh ngắn có ý thâu nhiếp tất cả). Lời nói huyền nhiệm chứa đựng năng lực đưa đến kết quả siêu nhiên. Vốn xuất phát từ đạo Bà La Môn Ấn Độ. Có nhiều cách phiên âm Hán Việt như: Chú, Minh, Thần chú, Mật ngôn, Mật ngữ. 3. Gọi tắt tông Chơn Ngôn tông Á đông.

3. Anh lạc

Xâu chuỗi bằng đá quý, hay ngọc. Đây là vật trang sức được các bậc quyền quí Ấn Độ đeo ở cổ, ngực, đầu. Chư Bồ Tát, các Thiên nữ cũng tự trang sức bằng những vòng *anh lạc* này.

4. Ấn chuyển pháp luân (Chuyển pháp luân ấn)

Tay trái hướng vào thân, tay phải hướng ra. Trong mỗi tay, ngón trỏ và ngón cái chạm vào nhau thành vòng tròn, hai vòng tròn đó chạm nhau. Chuyển pháp luân ấn thường được thấy nơi tranh tượng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, Đại Nhật và Di Lặc.

5. Ấn hợp chưởng (Hiệp chưởng ấn)

Hai tay chắp trước ngực, sử dụng để tán thán, ca ngợi.

6. Ấn Kim Cang hợp chưởng (Kim Cang hợp chưởng ấn):

Ấn này biểu tượng tín tâm bất động, vững chắc như kim cương.

7. Ba ải (Tam quan)

Tức Thân, Khẩu và Ý là ba động cơ tạo nên Nghiệp của con người. Việc phòng hộ ba ải này rất được chú trọng trong đạo Phật.

8. Ba la mật

Được dịch từ chữ Phạn, có nghĩa là "đến bờ bên kia" (đáo bỉ ngạn) hoặc "viên mãn" hoặc "Độ vô cực" (đến nơi không giới hạn), "Độ" (vượt qua) "Sự cứu cánh" (viên mãn rốt ráo sự việc). Thuật ngữ đề cập đến pháp tu tập nền tảng Tính không của hàng Bồ Tát Đại thừa đưa chúng sinh đến bờ giải thoát.

9. Bát nhã

Phiên âm chữ Phạn, có nghĩa là "trí huệ", đặc biệt là trí huệ trong Phật pháp, nhận ra được nhân không và pháp không.

10. Ba thế giới

Ba thế giới của vòng sinh tử, là nơi loài Hữu tình tái sinh trong lục đạo (xem dưới), có thể hiểu là vũ trụ quan của đạo Phật gồm: Dục giới (thế giới còn có ái dục về giới tính những

ái dục khác), Sắc giới (các vị ở đây thuộc nam tính, đã chấm dứt mọi dục tính, ăn uống, nhưng còn có khoái lạc, vô sắc giới (thế giới được tạo dựng thuần túy bằng tâm thức)

11. Ba thừa (Tam thừa)

Ba cỗ xe đưa đến Niết Bàn, gồm: Thanh Văn thừa, Độc giác thừa và Bồ Tát thừa.

12. Báo ứng

Kết quả, sự đáp lại, sự phản ứng. Mối quan hệ hoàn thiện của nhân và quả.

13. Bất khả tư tánh

Có nghĩa "không thể nào suy nghĩ, bàn luận ra được", vượt ngoài lý luận; câu này dùng để tả cái tuyệt đối, chỉ có ai đạt giác ngộ mới biết. Cũng gọi là "Bất tư nghị".

Phật Thích Ca khuyên: "Có bốn hiện tượng bất khả tư nghị, này tì khâu, bốn trường hợp mà người ta không nen suy ngẫm, đó là: năng lực của một vị Phật, Định lực, Nghiệp lực và suy ngẫm, tìm hiểu thế giới.

14. Cam lộ

1/ Rượu của chư Thiên, uống vào thì khỏi già và chết.

2/ Ví dụ với giáo lý của đức Phật.

3/ Trước khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, từ này có nghĩa là giọt sương thơm ngọt.

15. Cam lộ pháp

Pháp như Cam Lộ, ví dụ cho giáo lý của đức Phật, nuôi dưỡng ngọt ngào cho thân tâm người tu tập.

16. Chơn quyết

Ý nghĩa sâu sắc nhất của Chơn Như

17. Chấp trước

Giữ chắc sự việc không thể buông xả. Ôm chặt. Nghĩ về điều gì và không thể quên được nó.

18. Chú

Dịch chữ Phạn, có nghĩa Thần chú Đà la ni, chỉ sức thâu nhiếp, câu thần chú, sự trì niệm thần chú, mạn đà la, đà la ni. Mạn đà la và Đà la ni thường thấy trong các kinh điển Đại thừa, đặc biệt được dùng nhiều trong các kinh văn Phật giáo.

19. Chủng tử

Hạt sống, hạt mầm, cũng có nghĩa là năng lực (chữ *chủng tử* có nghĩa là âm chữ mang theo năng lực huyền bí tự thân). Thuật ngữ này vốn chỉ cho hạt giống thực vật, nhưng dùng trong Phật giáo với ý nghĩa ẩn dụ: 1] Với một tôn giáo dựa vào thuyết "nhân quả" thì chủng tử ẩn dụ cho nhân của mọi vấn đề, đặc biệt là nhân gây ra phiền não. 2] Tiềm năng của một cái gì đó sẽ phát sinh. 3] Trong Du già hành tông, "chủng tử" là phương diện tiềm năng ẩn tàng của mọi cấu trúc tinh thần và vật chất được chứa sẵn trong A-lại-gia thức. Nó sẽ hiện hữu như là kết quả của những hành vi và điều kiện hiện hành. Chủng tử là kết quả của những tiềm năng mới, sẽ tiếp tục hiện hành và có một mối liên hệ trực tiếp với nhân duyên trước đó...

20. Chuyển pháp luân

Chỉ lần đầu đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa sau khi giác ngộ tại Lộc uyển. Lần đó, Phật giảng Tứ Diệu Đế và Bát chính đạo cho các tì khâu, những người cùng tu học với Phật trước khi Ngài thành đạo.

21. Cơ duyên

1] Động cơ, cơ hội. 2] Cơ hội liên quan đến trạng thái tinh thần của người ta đang có liên hệ. 3] Chúng sinh. 4] Theo giáo

lý Hoa Nghiêm, là phẩm tính thiện ác có trong tâm trạng con người. 5] Thuật ngữ đề cập đến trạng thái chúng sinh được giáo hóa trực tiếp bởi đức Phật hay Tổ sư (đặc biệt trong Thiền tông) 6] Theo Thiền tông thì đây chỉ việc ứng dụng cơ hội và tùy thuận nhân duyên.

22. Cụ phược

Bị ràng buộc, bị trói buộc, vướng mắc trong phiền não.

23. Cúng đường (cung dường)

Còn gọi là cung thí và cung cấp: 1] Cung dưỡng việc dâng cúng thực phẩm y phục... cho đức Phật, chư Tăng, Giáo thụ sư, ông bà. 2] Một nghi lễ đặc biệt để đánh dấu những việc như xây chùa, dựng tượng, in kinh (ấn tống).

24. Dạ xoa (hay Dược xoa)

Là một loại thần. Kinh sách có khi nhắc đến loài này, gồm hai loại chính: 1] Loài thần, có nhiều năng lực gần giống như chư Thiên. 2] Một loài ma quỷ hay phá các người tu hành.

25. Danh tướng

Có hai nghĩa: 1] Danh và sắc, tên gọi và hình dáng, thấy được bằng mắt và nghe được bằng tai. 2] Để gọi một giả danh.

26. Diệt độ

1] Niết Bàn 2] Sự hoại diệt hoàn toàn mọi khổ đau thể xác và tinh thần. 2] Sự nhập diệt của đức Phật. 4] Sự không tồn tại, sự chấm dứt.

27. Do tuần

Đơn vị chiều dài của Ấn Độ cổ hay được dùng trong kinh sách đạo Phật. Đó là khoảng cách bnh sĩ đi một ngày đường, khoảng 18 – 20 km hay 16 dặm (lý) của Trung Quốc.

28. Đà la ni

Có nghĩa là "thâu nhiếp tất cả". Câu kinh ngắn mang sức mạnh siêu nhiên. Đà – la - ni có thể là đoạn kết một bộ kinh, cũng có thể đại diện một trạng thái tâm thức để khi hành giả niệm đến, có thể đạt đến tâm thức đó. Thông thường Đà – la – ni dài hơn Man tra (Mật chú)

29. Đại sĩ

Cách dịch nghĩa của danh hiệu Bồ Tát.

30. Đốn ngộ

Giác ngộ ngay lập tức, ngay bây giờ, ngược với Tiệm ngộ (giác ngộ từ từ, chậm rãi). Phép tu đốn ngộ được đề xướng bởi Nam tông thiền (Huệ Năng)

31. Già lam

Gọi tắt của Tăng – Già – Lam – Ma nghĩa là "khu vườn của chúng tăng", "chúng viên". Là nơi thanh tịnh để tu tập thiền định. chùa hay tuviện Phật giáo.

32. Hợp chưởng

Chắp hai tay trước ngực, một cách chào hỏi của các dân tộc Á châu. Khi chắp tay lại, người ta có thể cảm nhận được, dù chỉ là một khoảnh khắc, âm dương dung hòa, trí phân biệt gián đoạn.

33. Hồng

Âm của chữ "hùm" trong tiếng phạn, được coi là chủng tử chung của các Thần, thường được dùng trong các Man tra và Đà-la-ni.

34. Hữu tình

Toàn thể chúng sinh. Ví dụ: thế giới hữu tình: thế giới của toàn thể chúng sinh.

35. Kệ

Gọi đầy đủ là Kệ đà, cũng được gọi là kệ tụng, tụng.

36. Khẩu quyết

Sự truyền miệng tinh yếu giáo pháp từ thầy cho đệ tử.

37. Khẩu truyền

Giáo pháp truyền miệng, khác với giáo pháp lưu truyền bằng kinh điển. Sự mật truyền, khác với công truyền.

38. Lý sự (Lý và Sự)

Nguyên lý và hiện tượng. Mối quan hệ giữa hai phạm trù này tương đương với sự tương quan về Thể và Dụng.

39. Liễu nghĩa

Hiểu biết trọn vẹn ý nghĩa một sự việc hoặc một nguyên tắc.

40. Liễu tri

Hiểu biết trọn vẹn, rõ ràng, nhận thức đầy đủ, nhận biết, thấu hiểu.

41. Lục đạo

Sáu đường tái sinh; chỉ các dời sống trong luân hồi, trong vòng sinh tử. Người ta chia ra ba "thiện đạo" và ba "ác đạo".ba thiện đạo gồm có Người, Trời và A-tu-la. Ba ác đạo gồm có: Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sinh.

42. Lục hợp

Gồm sáu việc: trên trời, dưới đất và bốn hướng; nói cách khác, là toàn thể vũ trụ.

43. Mạn - đà - la

Nguyên ngữ là "vòng tròn, vòng cung". Một khái niệm quan trọng của Phật giáo Tây Tạng và Kim Cang thừa. Đó là biểu tượng của vũ trụ và lực lượng trong vũ trụ được diễn tả bằng những tranh vẽ. Người ta sử dụng Mạn-đà-la để tập trung thiền định, nó là điểm xuất phát của nhiều phương pháp quán đỉnh. Tại Tây Tạng, người ta hiểu Mạn-đà-la là "trung tâm và ngoại vi", là cơ sở để hiện tượng hợp nhất với bản thể. vì vậy, trong một Mạn-đà-la, người ta thường thấy vô số cảnh vật, hình tướng khác nhau, nhưng chúng nằm trong một tranh vẽ duy nhất với thứ tự trên dưới rõ rệt.

44. Man tra

Là một số âm, chứa đựng sức mạnh đặc biệt của vũ trụ hoặc biểu hiện nào đó của Phật tính. Trong nhiều trường phái Phật giáo, Man tra hay được lập lại trong các buổi tu tập hành trì, đặc biệt trong Kim Cang thừa ở Tây Tạng. Ở đây Man tra trở thành phương tiện trợ giúp tâm thức hành giả được tác động qua âm thanh do sự tụng niệm cùng với giữ Ấn (nên cũng có khi được dịch là Chơn ngôn).

45. Nghiệp

Khái niệm quan trọng trong Phật giáo, dùng chỉ qui định chung nhất về nguyên nhân và kết quả. Theo đạo Phật, mỗi tác động (Nghiệp) – dưới một điều kiện nhất định – sẽ tạo thành một quả. Khi quả đó chín, nó sẽ rơi lại người tạo ra nó. Muốn thành quả, một nghiệp phải là tốt (thiện) hay xấu (bất thiện) và là một hành động cố ý. Vì sự cố ý đó, một nghiệp để lại một dấu vết nơi tâm thức của người tạo nghiệp và tâm thúc đó sẽ hướng theo những sự tạo tác của chính mình. Quan điểm về nghiệp của Phật giáo không đồng nghĩa với thuyết cho rằng mọi sự đều được quyết định sẵn (thuyết

định mệnh). Nghiệp làm cho con người tái sinh trong một cuộc đời, một hoàn cảnh nhất định, nhưng hành động con người trong cuộc đời đó vẫn có sự tự do. Nghiệpsinh ra hoàn cảnh, còn sự phản ứng đối với hoàn cảnh này lại do con người.

46. Nhất thiết

Toàn thể, tất cả. Phổ biến.

47. Pháp môn

Giáo lý Phật pháp, học thuyết, chính pháp. Giáo lý của đức Phật. Cánh cửa dẫn đến giải thoát, giác ngộ.

48. Phát nguyện

Phát khởi tâm nguyện (cứu độ tất cả chúng sinh). Phát khởi tâm nguyện đạt đến giác ngộ hoặc vãng sinh Tịnh độ.

49. Phật cốt

Phần xương (tinh túy) của đức Phật còn lưu lại sau khi trà tì. Thường gọi là Xá lợi (phiên âm chữ Phạn)

50. Phệ đà

Phiên âm chữ Veda từ tiếng Phạn, là kinh văn căn bản của Bà La Môn Ấn Độ giáo

51. Phược

1] Giữ lại, trói buộc, cột lại, buộc chặt.

2] Ràng buộc, mối ràng buộc.

52. Quán đỉnh

1] Nghĩa đen là rưới nước lên đầu

2] Nghi thức tôn giáo long trọng.

53. Sa bà thế giới (hay thế giới Ta Bà)

Còn được dịch nghĩa là Thế giới Kham nhẫn, là cõi của con người, chịu nhiều khổ đau nên phải kham nhẫn tu học để đạt chính quả.

54. Sát na

Một khoảng thời gian rất ngắn, đơn vị thời gian của một niệm, một ý nghĩ.

55. Tam muội

Dịch âm, dịch nghĩa là Định. thuật ngữ dịch âm từ chữ Phạn Samùdhi, có nghĩa là "Gom lại""Phối hợp tâm", "Tĩnh lự một cách chuyên chú", "Hấp thụ hoàn hảo". Một cung bậc tập trung Thiền định cao.

56. Tam thế Phật

Chỉ Phật quá khứ, hiện tại và vị lai,đó là các vị Ca-Diếp, Thích Ca Mâu Ni và Di-Lặc (có chỗ coi Phật Nhiên Đăng là Phật quá khứ).

57. Tha lực

Lực từ bên ngoài, lực của người khác. Được hiểu là sức cứu độ của Phật A Di Đà, theo quan điểm của Tịnh độ tông là vị sẽ tiếp dẫn những ai cầu xin ngài. Tha lực, được dùng đối ngược lại từ *Tự lực*.

58. Thần chú

Một cách dịch chữ Man tra hoặc Dhàmanì từ chữ Phạn sang tiếng Hán. Tức chơn ngôn, Đà la ni, Mantra.

59. Tu di sơn (núi Tu Di)

Theo vũ trụ quan của Ấn Độ cổ thì núi Tu Di là trung tâm của vũ trụ và là nơi ở của chư Thiên. Theo quan niệm Phật giáo,

chung quanh núi Tu Di là biển cả và lục địa bao bọc, dưới núi Tu Di là cõi của loài Ngạ quỉ, phía trên là từng của các Thiên cao cấp, các tầng Sắc giới cũng như các tầng Vô sắc giới Tịnh độ.

60. Xá lợi (xá lị)

Chỉ chung những gì còn sót lại sau khi thiêu thân Phật Thích Ca hoặc các bậc đắc đạo, thường được thờ trong các tháp hoặc chùa chiền.

(Phụ lục này dựa theo tư liệu các sách

1. Từ điển Phật học của nhóm Đạo Uyển

2. Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn

3. Từ điển Phật học Hán Việt của nhóm Kim Cương tử.)



Lời đầu sách 5

❁ THIÊN THỨ NHẤT: TỔNG LUẬN

Chương 1: Ý nghĩa của thủ ấn 7

Chương 2: Tên gọi riêng của mười ngón tay 11

Chương 3: Thủ ấn cơ bản của Mật giáo 13

Chương 4: Các thủ ấn thường gặp 18

❁ THIÊN THỨ HAI: THỦ ẤN CỦA CHƯ TÔN

Chương 1: Thủ ấn của Phật Bộ, Phật Đỉnh, Phật Mẫu, Thích Ca Mâu Ni Phật 25

Chương 2: Thủ ấn của Bồ Tát bộ 71

Chương 3: Thủ ấn của Quan Âm bộ 124

Chương 4: Thủ ấn của Minh Vương bộ 150

Chương 5: Thủ ấn của các hộ thế thánh chúng khác 171

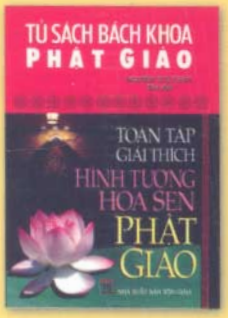
❁ THIÊN THỨ 3: THỦ ẤN CƠ SỞ ĐỂ TU PHÁP ĐÔNG MẬT - MƯỜI TÁM KHẾ ẤN

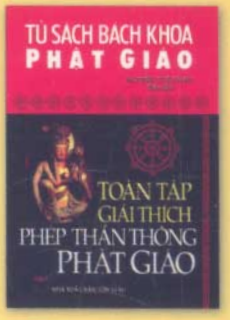
Phụ lục 1 230

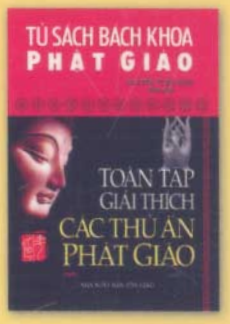
Phụ lục 2 233

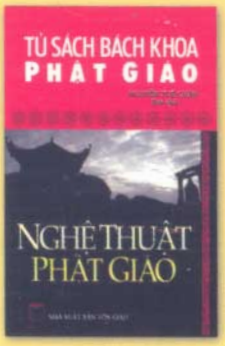
TỦ SÁCH BÁCH KHOA PHẬT GIÁO

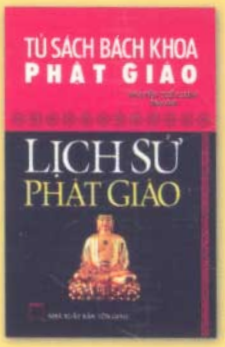
CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

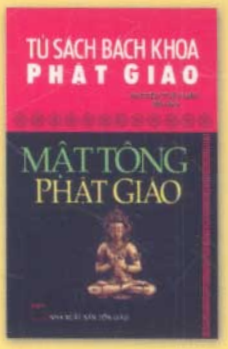


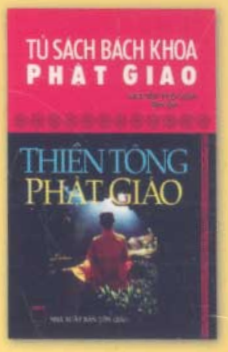












Biên dịch

GIẢI THÍCH CÁC THỦ ẤN PHẬT GIÁO

CTY CP VH VĂN LANG
Nhà sách VĂN LANG
VP 1: 40-42 Ng.T.M.Khai, Q.1 * DT: 8242157 - 8235022 * Fax: 8235079
VP 2: 01 Q.Trung, Q.Gò Vấp * DT: 9894523 - 9894524 * Fax: 9894522
VP 3: 9 Phan Đăng Lưu, Q.PN * DT: 2437584 - 8413306 * Fax: 8413306
Email: vanlangst@yahoo.com * Website: www.vanlangbooks.com

8 935073 051661

Giá: 39.000đ